

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ
TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 22/01/2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Trang
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	
I	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	
1	Thông báo hoạt động khuyến mại	1
2	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	5
3	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh thành phố thuộc Trung ương	9
4	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh thành phố thuộc Trung ương	15
5	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	19
6	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	23
II	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp	
7	Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	27
8	Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	33
9	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	39
10	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	47

11	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	51
12	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	57
13	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	61
III	Lĩnh vực Hóa chất	
14	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	63
15	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	71
16	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	75
17	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	79
18	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	87
19	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	91
20	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm	95
IV	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	
21	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	99
22	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	107
23	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	117
V	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	
24	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	123

25	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	133
26	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	141
27	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	145
28	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	151
29	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	155
30	Cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	161
31	Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	165
32	Cấp lại giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	169
33	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	173
34	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	177
35	Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	181
36	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	185
37	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	189
38	Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	193
39	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	197
40	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	201
VI	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng	
41	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	205
42	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	209

43	Cấp lại giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	213
44	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	217
45	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	221
46	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	225
47	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	229
48	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	233
49	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	237
VII	Lĩnh vực Kinh doanh khí	
50	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	245
51	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	249
52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	253
53	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	257
54	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	261
55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	265
56	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	269
57	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	273
58	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	277
59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	281
60	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	285

61	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	289
62	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	293
63	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	297
64	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	301
65	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	305
66	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	309
67	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	313
68	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	317
69	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	321
70	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	325
71	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	329
72	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	333
73	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	337
VIII	<i>Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh</i>	
74	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	341
75	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	345
76	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	349
77	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	357
78	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	361

IX	Lĩnh vực Dịch vụ Thương mại	
79	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	365
80	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	369
X	Lĩnh vực Thương mại Quốc tế	
81	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	373
82	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	379
83	Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	383
84	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	387
85	Chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Namthuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	391
86	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	395
87	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	399
88	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	403
89	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	407
90	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	411
91	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	415
92	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.	419

93	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	425
94	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	429
95	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	435
96	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	439
97	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	443
98	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	447
99	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	453
100	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	457
101	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	461
XI	Lĩnh vực Điện	
102	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	467
103	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	471
104	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 mw đặt tại địa phương	475
105	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3 mw đặt tại địa phương	481
106	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương	485
107	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương	489

108	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương	493
109	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương	497
110	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	501
111	Cấp lại thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	503
XII	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa Thủy điện	
112	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	505
113	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	507
114	Thẩm định phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	509
115	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	511
116	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	513
XIII	Lĩnh vực Năng lượng	
117	Điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (đối với điều chỉnh hợp phần quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp và hạ áp sau các trạm 110kv)	515
XIV	Lĩnh vực Công nghiệp nặng	
118	Cấp giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm Công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	517
XV	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương	
119	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	519

B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	529
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	535
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	539
4	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	543
5	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu	549
6	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu	553
7	Cấp giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	557
8	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	563
9	Cấp lại giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	567
II	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng	
10	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	571
11	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	579
12	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	583
III	Lĩnh vực Kinh doanh khí	
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	593
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	597
15	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	599
IV	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương	
16	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	603

V	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa Thủy điện	
17	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	611
18	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	613
VI	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	
19	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	615
20	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	623
21	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân	631
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa Thủy điện	
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	637
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	639

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ

CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

1. Thông báo hoạt động khuyến mại

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ (phải đảm bảo tối thiểu trước 3 ngày làm việc trước khi thực hiện chương trình khuyến mại).

+ Đối với hồ sơ nộp qua đường bưu điện: đề nghị thương nhân gửi về địa chỉ: bộ phận một cửa Sở Công Thương – Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai (*số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai*) trước 3 ngày làm việc trước khi thực hiện chương trình khuyến mại. Nhân viên bưu điện lấy số thứ tự và thực hiện giao nhận hồ sơ thay thương nhân với cán bộ một cửa Sở Công Thương.

+ Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Thương nhân nộp hồ sơ tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> trước 3 ngày làm việc trước khi thực hiện chương trình khuyến mại hoặc địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trước 3 ngày làm việc trước khi thực hiện chương trình khuyến mại tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> hoặc địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Thông báo thực hiện khuyến mại (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018).

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

Một (01) ngày làm việc kể từ khi nhận được Thông báo thực hiện chương trình khuyến mại hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trực tiếp thực hiện khuyến mại hoặc thực hiện khuyến mại thông qua các thương nhân phân phối (bán buôn, bán lẻ, đại lý, nhượng quyền thương mại và các thương nhân phân phối khác theo quy định của pháp luật);
- Thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận với thương nhân đó.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Mã biên nhận hồ sơ

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: không có

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động xúc tiến thương mại.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20.....

THÔNG BÁO THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI

Kính gửi:

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Mã số thuế:

Người liên hệ: Điện thoại:

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, (tên thương nhân) thông báo chương trình khuyến mại như sau:

1. Tên chương trình khuyến mại:
2. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại:
3. Hình thức khuyến mại:
4. Thời gian khuyến mại:
5. Hàng hóa, dịch vụ khuyến mại:
- Số lượng hàng hóa, dịch vụ (nếu có):
6. Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại:
7. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng được hưởng khuyến mại):
8. Cơ cấu giải thưởng (nội dung giải thưởng, giá trị giải thưởng, số lượng giải thưởng):
9. Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại:
10. Nội dung chi tiết của chương trình khuyến mại:
11. Tên của các thương nhân cùng thực hiện, nội dung tham gia cụ thể và trách nhiệm cụ thể của từng thương nhân tham gia thực hiện trong chương trình (Trường hợp nhiều thương nhân cùng phối hợp thực hiện chương trình khuyến mại hoặc thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận (văn bản thỏa thuận/hợp đồng gửi kèm)).

(Tên thương nhân) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về chương trình khuyến mại trên theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

2. Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ (phải đảm bảo tối thiểu trước 3 ngày làm việc trước khi thực hiện chương trình khuyến mại).

+ Đối với hồ sơ nộp qua đường bưu điện: đề nghị thương nhân gửi về địa chỉ: bộ phận một cửa Sở Công Thương – Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai (*số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai*) trước 3 ngày làm việc trước khi thực hiện chương trình khuyến mại. Nhân viên bưu điện lấy số thứ tự và thực hiện giao nhận hồ sơ thay thương nhân với cán bộ một cửa Sở Công Thương.

+ Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Thương nhân nộp hồ sơ tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> hoặc địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/> trước 3 ngày làm việc trước khi thực hiện chương trình khuyến mại.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trước 3 ngày làm việc trước khi thực hiện chương trình khuyến mại tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> hoặc địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ **Thành phần hồ sơ:**

- Đơn thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018).

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

Một (01) ngày làm việc kể từ khi nhận được Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trực tiếp thực hiện khuyến mại hoặc thực hiện khuyến mại thông qua các thương nhân phân phối (bán buôn, bán lẻ, đại lý, nhượng quyền thương mại và các thương nhân phân phối khác theo quy định của pháp luật);
- Thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận với thương nhân đó.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Mã biên nhận hồ sơ

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không có

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động xúc tiến thương mại.

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm 20.....

**THÔNG BÁO/ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI**

Kính gửi:.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Người liên hệ:..... Điện thoại:

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Căn cứ vào công văn số ngày... tháng... năm... của Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) xác nhận việc thực hiện chương trình khuyến mại (tên chương trình khuyến mại, thời gian, địa bàn khuyến mại);

(Tên thương nhân) thông báo/đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung của chương trình khuyến mại trên như sau:

Lý do điều chỉnh:

Mọi nội dung khác của chương trình khuyến mại này giữ nguyên.

(Tên thương nhân) cam kết:

- Thông báo công khai thông tin về chương trình khuyến mại (đã được sửa đổi, bổ sung nội dung) theo quy định.

- Đảm bảo đầy đủ quyền lợi của khách hàng đã tham gia chương trình khuyến mại.

- Thực hiện chương trình khuyến mại đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- (Các cam kết khác.....)

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA THƯƠNG NHÂN**
(Ký tên và đóng dấu)

3. Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh thành phố thuộc Trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018);

- Thẻ lệ chương trình khuyến mại (Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018);

- Mẫu bằng chứng xác định trúng thưởng hoặc mô tả chi tiết về bằng chứng xác định trúng thưởng;

- Bản sao không cần chứng thực giấy tờ về chất lượng của hàng hóa khuyến mại theo quy định của pháp luật.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ Đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trực tiếp thực hiện khuyến mại hoặc thực hiện khuyến mại thông qua các thương nhân phân phối (bán buôn, bán lẻ, đại lý, nhượng quyền thương mại và các thương nhân phân phối khác theo quy định của pháp luật);

- Thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận với thương nhân đó.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 02, 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản xác nhận hoặc không xác nhận đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại (Mẫu số 04, 05 ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018).

k) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC: Không có

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động xúc tiến thương mại.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20.....

ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI

Kính gửi:

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Mã số thuế:

Người liên hệ: Điện thoại:

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, (tên thương nhân) thông báo chương trình khuyến mại như sau:

1. Tên chương trình khuyến mại:
2. Thời gian khuyến mại:
3. Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại:
- Số lượng hàng hóa, dịch vụ (nếu có):
4. Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại:
5. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại:
6. Hình thức khuyến mại:
7. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng được hưởng khuyến mại):
8. Tổng giá trị giải thưởng:
9. Tên của các thương nhân cùng thực hiện khuyến mại, nội dung tham gia cụ thể và trách nhiệm cụ thể của từng thương nhân tham gia thực hiện trong chương trình (Trường hợp nhiều thương nhân cùng phối hợp thực hiện chương trình khuyến mại hoặc thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận (văn bản thỏa thuận/hợp đồng gửi kèm)).

Thương nhân cam kết giải quyết các trường hợp tranh chấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vi phạm khi thực hiện chương trình khuyến mại (nếu có); đồng thời phải báo cáo kết quả thực hiện khuyến mại, lưu trữ và chịu

trách nhiệm về các chứng từ, tài liệu liên quan đến báo cáo theo đúng quy định của pháp luật để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.

Thể lệ chương trình khuyến mại đính kèm.

(Tên thương nhân) cam kết nội dung đăng ký trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA THƯƠNG NHÂN**

THẺ LỆ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI
(Kèm theo công văn số ngày..... /... /20...của.....)

1. Tên chương trình khuyến mại:
2. Hàng hóa, dịch vụ khuyến mại:
Số lượng hàng hóa, dịch vụ (nếu có)
3. Thời gian khuyến mại:
4. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại:
5. Hình thức khuyến mại (ghi rõ khuyến mại mang tính may rủi hoặc hình thức khác):
6. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng hưởng khuyến mại):.....

Quy định cụ thể các đối tượng được tham gia và đối tượng không được tham gia chương trình khuyến mại (áp dụng hoặc không áp dụng cho nhân viên của doanh nghiệp, các đại lý, nhà phân phối, nhà quảng cáo, in ấn phục vụ chương trình khuyến mại, vị thành niên, trẻ em...):

7. Cơ cấu giải thưởng:

Cơ cấu giải thưởng	Nội dung giải thưởng (chi tiết nội dung và ký mã hiệu từng giải thưởng)	Trị giá giải thưởng (VNĐ)	Số giải	Thành tiền (VNĐ)
Giải...				
Giải...				
Giải...				
Tổng cộng:				

Tổng giá trị giải thưởng so với tổng giá trị hàng hóa khuyến mại.

8. Nội dung chi tiết thể lệ chương trình khuyến mại:

8.1 Điều kiện, cách thức, thủ tục cụ thể khách hàng phải thực hiện để được tham gia chương trình khuyến mại:

8.2 Thời gian, cách thức phát hành bằng chứng xác định trúng thưởng

- Trường hợp phát hành kèm theo hàng hóa: Nêu rõ gắn kèm, dính kèm, đặt bên trong hàng hóa hoặc các cách thức khác:

- Trường hợp phát hành không kèm theo hàng hóa: Nêu rõ thời gian, cách thức thực hiện (gửi trực tiếp, gửi qua bưu điện, nhắn tin... cho khách hàng):

8.3 Quy định về bằng chứng xác định trúng thưởng

- Mô tả cụ thể về bằng chứng xác định trúng thưởng và tính hợp lệ của bằng chứng xác định trúng thưởng;

- Tổng số bằng chứng xác định trúng thưởng (phiếu cào, phiếu rút thăm, nắp chai, khoen lon, mã dự thưởng...) phát hành:

8.4 Thời gian, địa điểm và cách thức xác định trúng thưởng:

- Thời gian xác định trúng thưởng:
- Địa điểm xác định trúng thưởng:
- Cách thức xác định trúng thưởng (mô tả rõ cách thức quay số, rút thăm, quay vòng quay, cào, bật nắp, mở khoen... cho từng loại giải thưởng):.....

8.5 Thông báo trúng thưởng:

- Thời hạn, cách thức (trực tiếp, gửi qua bưu điện, nhắn tin...) nội dung thông báo trúng thưởng cho khách hàng:
- Hoặc thời hạn, cách thức nội dung tiếp nhận thông báo trúng thưởng từ khách hàng:

8.6 Thời gian địa điểm, cách thức và thủ tục trao thưởng

- Địa điểm trao thưởng:
- Cách thức trao thưởng:
- Thủ tục trao thưởng:
- Thời hạn kết thúc trao thưởng:
- Trách nhiệm của khách hàng trúng thưởng đối với chi phí phát sinh khi nhận thưởng, thuế thu nhập không thường xuyên:

9. Đầu mối giải đáp thắc mắc cho khách hàng về các vấn đề liên quan đến chương trình khuyến mại (người liên hệ, điện thoại...).

10. Trách nhiệm công bố thông tin:

- Quy định về trách nhiệm của thương nhân trong việc thông báo công khai chi tiết nội dung của thể lệ chương trình khuyến mại (trên phương tiện thông tin hoặc tại địa điểm khuyến mại hoặc đính kèm sản phẩm khuyến mại...):
- Quy định về trách nhiệm của thương nhân trong việc công bố kết quả trúng thưởng (tại địa điểm khuyến mại hoặc trên phương tiện thông tin hoặc trên website của thương nhân):

11. Các quy định khác (nếu có):

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA THƯƠNG NHÂN**
(Ký tên và đóng dấu)

4. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh thành phố thuộc Trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018);

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- **05 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trực tiếp thực hiện khuyến mại hoặc thực hiện khuyến mại thông qua các thương nhân phân phối

(bán buôn, bán lẻ, đại lý, nhượng quyền thương mại và các thương nhân phân phối khác theo quy định của pháp luật);

- Thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận với thương nhân đó.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản xác nhận hoặc không xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung thực hiện chương trình khuyến mại.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không có

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động xúc tiến thương mại.

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm 20.....

**THÔNG BÁO/ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI**

Kính gửi:.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Người liên hệ:..... Điện thoại:

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Căn cứ vào công văn số ngày... tháng... năm... của Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) xác nhận việc thực hiện chương trình khuyến mại (tên chương trình khuyến mại, thời gian, địa bàn khuyến mại);

(Tên thương nhân) thông báo/đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung của chương trình khuyến mại trên như sau:

Lý do điều chỉnh:

Mọi nội dung khác của chương trình khuyến mại này giữ nguyên.

(Tên thương nhân) cam kết:

- Thông báo công khai thông tin về chương trình khuyến mại (đã được sửa đổi, bổ sung nội dung) theo quy định.

- Đảm bảo đầy đủ quyền lợi của khách hàng đã tham gia chương trình khuyến mại.

- Thực hiện chương trình khuyến mại đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- (Các cam kết khác.....)

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA THƯƠNG NHÂN**
(Ký tên và đóng dấu)

5. Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa Sở Công Thương tại Trung tâm HCC tỉnh, với 03 hình thức sau:

* Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện (địa chỉ tiếp nhận: Bộ phận một cửa-TTHCC tỉnh);

* Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp Bộ phận một cửa-TTHCC tỉnh;

* Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến:

<https://dichvucong.dongnai.gov.vn>

Thời gian nộp hồ sơ: tối đa (sớm nhất) 365 ngày và tối thiểu (chậm nhất) 30 ngày trước ngày khai mạc đối với hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam, hồ sơ và thời gian giải quyết có phụ lục kèm theo.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại (theo Mẫu số 10 - Kèm theo Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ);

+ 01 Bản sao không cần chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập hoặc các quyết định khác có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật;

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- **05 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại hoặc tổ chức cho các thương nhân khác, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (thương nhân kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại);
- Thương nhân trực tiếp hoặc thuê thương nhân khác tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại cho riêng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà mình kinh doanh.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Sở Công Thương trả lời xác nhận hoặc không xác nhận bằng văn bản việc đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ:

- Xác nhận đăng ký tổ chức tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ;
- Không xác nhận đăng ký tổ chức tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: không

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động xúc tiến thương mại.

**TÊN THƯƠNG
NHÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm 20.....

**ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC
HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:

- Tên thương nhân:

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Mã số thuế:

Người liên hệ:..... Điện thoại:

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, (tên thương nhân) đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại tỉnh/thành phố (tại nước ngoài) như sau:

1. Hội chợ/triển lãm thương mại thứ 1:

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt):

- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt):

- Thời gian:.....

- Địa điểm:

- Chủ đề (nếu có):

- Ngành hàng dự kiến tham gia:

- Quy mô dự kiến (Số lượng gian hàng hoặc số doanh nghiệp):

- Việc trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (nếu có)

- Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có)

- Việc sử dụng danh nghĩa Quốc gia Việt Nam hoặc danh nghĩa tỉnh, thành phố (nếu có):

2. Hội chợ/triển lãm thương mại thứ...

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt):

- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt):

- Thời gian:

- Địa điểm:
 - Chủ đề (nếu có):
 - Ngành hàng dự kiến tham gia:
 - Quy mô dự kiến (Số lượng gian hàng hoặc số doanh nghiệp):
 - Việc trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (nếu có)
 - Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có)
 - Việc sử dụng danh nghĩa Quốc gia Việt Nam hoặc danh nghĩa tỉnh, thành phố (nếu có)
- (Tên thương nhân) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, (tên thương nhân) sẽ báo cáo kết quả thực hiện tới Quý Cục (Sở).

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**
(Ký tên và đóng dấu)

6. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa Sở Công Thương tại Trung tâm HCC tỉnh, với 03 hình thức sau:

* Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện (địa chỉ tiếp nhận: Bộ phận một cửa-TTHCC tỉnh);

* Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp Bộ phận một cửa-TTHCC tỉnh;

* Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến:

<https://dichvucong.dongnai.gov.vn>

Thời gian nộp hồ sơ: Hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại phải gửi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc hội chợ, triển lãm thương mại.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung thực hiện theo Mẫu số 13 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- **05 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại hoặc tổ chức cho các thương nhân khác, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (thương nhân kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại);

- Thương nhân trực tiếp hoặc thuê thương nhân khác tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại cho riêng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà mình kinh doanh.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Sở Công Thương trả lời xác nhận hoặc không xác nhận bằng văn bản việc đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ:

- Xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ;

- Không xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: không

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động xúc tiến thương mại.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm 20.....

ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG TỔ CHỨC HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI

Kính gửi:.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Người liên hệ:..... Điện thoại:

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Căn cứ vào công văn số..... ngày... tháng... năm... của Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại năm tại....., (tên thương nhân) đề nghị thay đổi, bổ sung một số nội dung đã đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại như sau:

Tên hội chợ/triển lãm thương mại:

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt):

- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt):

- Thời gian:

- Địa điểm:

- Chủ đề (nếu có):

- Ngành hàng dự kiến tham gia:

- Quy mô dự kiến (Số lượng gian hàng hoặc số doanh nghiệp):

- Việc trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (nếu có)

- Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có)

- Việc sử dụng danh nghĩa quốc gia Việt Nam hoặc danh nghĩa tỉnh, thành phố (nếu có)

(Tên thương nhân) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc tổ chức hội chợ/triển lãm thương mại trên theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, (tên thương nhân) sẽ báo cáo kết quả thực hiện tới Quý Cục (Sở).

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký tên và đóng dấu)

II. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

7. Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai*) hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sử dụng VLNCN do lãnh đạo ký. Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép sử dụng VLNCN nộp đơn dạng bản in hoặc dạng điện tử theo quy định tại mẫu 1 Phụ lục IV của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao Giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định pháp luật;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

+ Bản sao giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản, dầu khí; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp;

+ Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

+ Phương án nổ mìn được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đồng ý bằng văn bản;

+ Bản sao văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và chữa cháy hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn;

+ Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người có liên quan trực tiếp đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn và đội ngũ thợ mìn.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): có

+ Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Sở Cảnh sát PCCC của Công an tỉnh Đồng Nai;

+ Phòng Kinh tế (Phòng Kinh tế và Hạ tầng) huyện, thành phố, thị xã.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Phí, lệ phí:

+ Mức thu phí thẩm định cấp mới giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công, phá dỡ công trình: **4.000.000** đồng.

+ Mức thu phí thẩm định cấp mới giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: **3.500.000** đồng.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: tại mẫu 1 Phụ lục IV của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương;

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hoạt động ngành, nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có hoạt động khoáng sản, dầu khí hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm hoặc thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có kho, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

- Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định có liên quan;

- Người quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn và người khác có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy và chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

e) Quy mô sử dụng thuốc nổ trong 01 quý từ 500 kg trở lên, trừ trường hợp sử dụng thuốc nổ để thử nghiệm, thăm dò, đánh giá địa chất.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật số 14/2017/QH14 ngày 05/7/2017 của Quốc hội về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất VLNCN.

- Quyết định số 51/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Việt Nam 02:2008/BCT về an toàn trong bảo quản, vận chuyển và sử dụng VLNCN.

- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép thẩm định sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾...., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

.....⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên doanh nghiệp:.....

Quyết định hoặc Giấy phép thành lập số:

Do cấp ngày.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Đăng ký kinh doanh số Do cấp ngày
tháng năm 20

Đề nghị cấp:⁽³⁾.....

Mục đích:

Phạm vi, địa điểm:.....

Họ và tên người đại diện:

Ngày tháng năm sinh: Nam (Nữ).....

Chức danh (Giám đốc/Chủ doanh nghiệp):

Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú):

Đề nghị⁽⁴⁾..... xem xét và cấp⁽³⁾..... cho
doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và
công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

.....⁽⁵⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

(1) Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

(2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp đóng trụ sở chính;

(3) Loại hình cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp);

(4) Cơ quan cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

(5) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

8. Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này, nếu có).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai) hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sử dụng VLNCN do lãnh đạo ký. Tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép sử dụng VLNCN nộp đơn dạng bản in hoặc dạng điện tử theo quy định tại mẫu 1 Phụ lục IV của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương;

+ Báo cáo hoạt động sử dụng VLNCN trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép đã cấp lần trước theo quy định tại mẫu 1 Phụ lục IX của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao Giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định pháp luật;

- + Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;
- + Bản sao giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản, dầu khí; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp;
- + Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- + Phương án nổ mìn được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đồng ý bằng văn bản;
- + Bản sao văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- + Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và chữa cháy hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn;
- + Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người có liên quan trực tiếp đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn và đội ngũ thợ mìn.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): có
- + Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Sở Cảnh sát PCCC của Công an tỉnh Đồng Nai;
- + Phòng Kinh tế (Phòng Kinh tế và Hạ tầng) huyện, thành phố, thị xã.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Phí, lệ phí:

+ Mức thu phí thẩm định cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công, phá dỡ công trình: **2.000.000** đồng.

+ Mức thu phí thẩm định cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: **1.750.000** đồng.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: tại mẫu 1 Phụ lục IV của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hoạt động ngành, nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có hoạt động khoáng sản, dầu khí hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm hoặc thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có kho, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

- Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định có liên quan;

- Người quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn và người khác có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy và chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Quy mô sử dụng thuốc nổ trong 01 quý từ 500 kg trở lên, trừ trường hợp sử dụng thuốc nổ để thử nghiệm, thăm dò, đánh giá địa chất.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật số 14/2017/QH14 ngày 05/7/2017 của Quốc hội về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất VLNCN.

- Quyết định số 51/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Việt Nam 02:2008/BCT về an toàn trong bảo quản, vận chuyển và sử dụng VLNCN.

- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép thẩm định sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

.....⁽³⁾

Kính gửi:⁽⁴⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Quyết định hoặc Giấy phép thành lập số:

Do cấp ngày.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Đăng ký kinh doanh số Do cấp ngày
tháng năm 20

Đề nghị cấp:⁽³⁾

Mục đích:

Phạm vi, địa điểm:.....

Họ và tên người đại diện:

Ngày tháng năm sinh: Nam (Nữ).....

Chức danh (Giám đốc/Chủ doanh nghiệp):

Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú):

Đề nghị⁽⁴⁾ xem xét và cấp⁽³⁾..... cho
doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và
công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

.....⁽⁵⁾
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

(1) Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

(2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp đóng trụ sở chính;

(3) Loại hình cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp);

(4) Cơ quan cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

(5) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

9. Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này, nếu có).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

+ Danh sách người đề nghị theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

+ 02 ảnh (3x4 cm) của người trong danh sách đề nghị .

+ Tài liệu huấn luyện chi tiết phù hợp cho từng đối tượng theo quy định tại Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ (nếu có).

+ Tài liệu chứng minh đáp ứng các quy định tại Điều 4 của Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các Giảng viên trường Đại học chuyên ngành hoặc cá nhân có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Hóa chất, vũ khí đạn, công nghệ hóa học về thuốc phóng, thuốc nổ, công binh, khai thác mỏ, kỹ thuật mỏ, địa chất, xây dựng công trình, giao thông, thủy lợi, địa vật lý, dầu khí và có kinh nghiệm thực tế làm việc về kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp từ 05 năm liền kề trở lên hoặc làm quản lý nhà nước trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp từ 03 năm liền kề trở lên; có kiến thức pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01, 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy Chứng nhận.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có.

Sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, Các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện phải nắm vững được các nội dung sau:

- Ứng phó sự cố trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp:

+ Phân loại và phương pháp phát hiện các tình huống khẩn cấp; các hành động khi phát hiện tình huống khẩn cấp;

+ Xác định các tác động có thể gây nguy hiểm đối với người, phương tiện, thiết bị tại hiện trường và các vị trí, sơ đồ thoát hiểm; quyết định cần thiết khi phải sơ tán;

+ Các phương án, biện pháp cần thực hiện khi xảy ra tai nạn, sự cố mất an toàn vật liệu nổ công nghiệp: Thông tin gọi cứu hộ, cứu nạn; cấp cứu tại chỗ; sử dụng các phương tiện cứu hộ xử lý sự cố cháy, nổ; liên lạc và báo cáo cơ quan có thẩm quyền; huy động nguồn lực bên trong và bên ngoài của cơ sở;

+ Phương pháp, biện pháp ứng phó các tình huống khẩn cấp;

+ Công tác điều tra, đánh giá nguyên nhân, hậu quả của sự cố;

+ Kế hoạch khắc phục hậu quả, khôi phục hoạt động của máy, thiết bị, công trình đã xảy ra sự cố.

1. Đối với người quản lý:

a. Quy định của pháp luật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam;

b. Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp; biện pháp về quản lý, kỹ thuật bảo đảm an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp; dấu hiệu, biểu trưng và ký hiệu nguy hiểm của bao gói, thùng chứa và phương tiện vận chuyển;

c. Nhận diện nguy cơ, yếu tố nguy hiểm, đánh giá rủi ro về các mặt an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, thiên tai trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

d. Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

2. Đối với người lao động trực tiếp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

a. Quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

b. Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp, đặc tính kỹ thuật của vật liệu nổ công nghiệp đang sản xuất;

c. Yêu cầu an toàn khi vận hành máy, thiết bị sản xuất và phương pháp làm việc an toàn;

d. Nhận diện nguy cơ, yếu tố nguy hiểm và đánh giá rủi ro trong sản xuất vật liệu nổ công nghiệp về an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, thiên tai.

3. Đối với người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp

a. Quy định của pháp luật về bảo quản vật liệu nổ công nghiệp: Yêu cầu về kho chứa; phương tiện, thiết bị bảo đảm an toàn, phòng cháy, chữa cháy, chống sét, kiểm soát tĩnh điện kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp;

b. Thành phần, tính chất, phân loại và yêu cầu về chất lượng vật liệu nổ công nghiệp; các quy định về thử nghiệm, kiểm tra và biện pháp bảo đảm chất lượng vật liệu nổ công nghiệp; quy định về tiêu hủy và phương pháp tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp; yêu cầu về bao bì, ghi nhãn vật liệu nổ công nghiệp;

c. Cách sắp xếp, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp; yêu cầu về an toàn khi bốc xếp, bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp trong phạm vi kho và trên phương tiện vận chuyển;

d. Quy trình xuất, nhập, thống kê vật liệu nổ công nghiệp;

đ. Trách nhiệm của người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp;

e. Nhận diện nguy cơ, yếu tố nguy hiểm, đánh giá rủi ro trong bảo quản vật liệu nổ công nghiệp về an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, thiên tai.

4. Đối với chỉ huy nổ mìn

a. Quy định pháp luật về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam;

b. Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp; phân loại, kiểm tra chất lượng vật liệu nổ công nghiệp; quy định về tiêu hủy và phương pháp tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp; yêu cầu về bao bì, ghi nhãn vật liệu nổ công nghiệp;

c. Các phương pháp nổ mìn; các biện pháp an toàn khi nổ mìn; ảnh hưởng của nổ mìn đối với công trình, môi trường và con người; xác định khoảng cách an toàn khi nổ mìn; xây dựng phương án nổ mìn; quy định về giám sát ảnh hưởng nổ mìn;

d. Phương pháp lập hộ chiếu nổ mìn hoặc thiết kế nổ mìn điển hình và chỉ đạo thi công bãi nổ theo hộ chiếu nổ mìn hoặc thiết kế nổ mìn đã lập;

đ. Công tác bảo quản vật liệu nổ công nghiệp tại khu vực nổ mìn;

e. Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp từ kho tới nơi sử dụng và ngược lại;

g. Nhận diện nguy cơ và đánh giá rủi ro về an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, thiên tai trong sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

5. Đối với thợ mìn

a. Quy định pháp luật về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam;

b. Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp; phân loại, kiểm tra chất lượng vật liệu nổ công nghiệp; quy định về tiêu hủy và phương pháp tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp; yêu cầu về bao bì, ghi nhãn vật liệu nổ công nghiệp;

c. Phương pháp nổ mìn; các biện pháp an toàn khi nổ mìn; ảnh hưởng của nổ mìn đối với công trình, môi trường, con người; khoảng cách an toàn khi nổ mìn;

d. Thực hiện thi công nổ mìn: Đọc và hiểu hộ chiếu nổ mìn hoặc thiết kế nổ mìn; bảo quản vật liệu nổ công nghiệp tại nơi nổ mìn; biện pháp an toàn khi làm ngòi mìn, mìn mồi, lắp đạn vào ống mang (đối với nổ mìn trong khai thác dầu khí); công việc nạp mìn, nạp búa, đầu nối mạng nổ mìn; xử lý mìn câm; phương pháp nổ, trình tự công việc, tín hiệu nổ, trách nhiệm của thợ mìn;

đ. Nhận diện nguy cơ và đánh giá rủi ro trong sử dụng vật liệu nổ công nghiệp về an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, thiên tai.

6. Đối với người phục vụ, người áp tải, người điều khiển phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

a. Quy định của pháp luật liên quan đến sử dụng, bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

b. Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp;

c. Các dấu hiệu, biểu trưng và ký hiệu nguy hiểm của bao gói, thùng chứa và phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

d. Các phương pháp, biện pháp bảo quản vật liệu nổ công nghiệp trong kho, vị trí trung chuyển, trên phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và khu vực nổ mìn;

đ. Nhận diện nguy cơ có khả năng gây mất an toàn trong bốc dỡ, áp tải, vận chuyển, sử dụng và quy định bảo đảm an ninh, an toàn khi vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

7. Đối với người làm công tác phân tích, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp

a. Quy định của pháp luật về quản lý chất lượng vật liệu nổ công nghiệp; tiêu chuẩn, quy chuẩn về các chỉ tiêu đánh giá chất lượng vật liệu nổ công nghiệp;

b. Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp;

c. Phân loại, ghi nhãn vật liệu nổ công nghiệp; danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam;

d. Các phương pháp kiểm tra, thử nghiệm; các biện pháp an toàn khi kiểm tra đánh giá vật liệu nổ công nghiệp; các phương pháp tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp;

đ. Quy trình phân tích, thử nghiệm các chỉ tiêu đánh giá chất lượng vật liệu nổ công nghiệp.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật số 14/2017/QH14 ngày 05/7/2017 của Quốc hội về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất VLNCN.

- Quyết định số 51/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Việt Nam 02:2008/BCT về an toàn trong bảo quản, vận chuyển và sử dụng VLNCN.

- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép thẩm định sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY ĐỀ NGHỊ
.....⁽²⁾.....giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn
.....⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên cơ sở hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ:.....
.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Thực hiện Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

...⁽¹⁾... đề nghị ...⁽⁴⁾...⁽²⁾.....giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn⁽³⁾..... (danh sách kèm theo) cho các đối tượng liên quan tới hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của ...⁽¹⁾....

.....⁽⁵⁾....., ngày.....tháng.....năm.....
.....⁽⁶⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

Chú thích:

⁽¹⁾ Tên tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Công ty A);

⁽²⁾ Nội dung đề nghị (Ví dụ: Kiểm tra, cấp hoặc huấn luyện, kiểm tra, cấp hoặc cấp lại);

⁽³⁾ Lĩnh vực huấn luyện (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ);

⁽⁴⁾ Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận huấn luyện (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh..);

⁽⁵⁾ Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Quảng Ninh);

⁽⁶⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HUẤN LUYỆN, KIỂM TRA, CẤP GIẤY
CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN ...⁽¹⁾...**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nơi cơ trú	Đăng ký ⁽²⁾
1						
2						
...						

.....⁽³⁾....., ngày.....tháng.....năm.....

.....⁽⁴⁾.....

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

⁽¹⁾ Lĩnh vực hoạt động (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ);

⁽²⁾ Đăng ký kiểm tra, cấp giấy chứng nhận (Ví dụ: Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp);

⁽³⁾ Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp hoạt động vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Quảng Ninh);

⁽⁴⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

10. Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

+ 02 ảnh (3x4 cm) và danh sách đối tượng cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01, 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy Chứng nhận.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có.

Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn được cấp lại trong trường hợp: Bị mất, sai sót hoặc hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật số 14/2017/QH14 ngày 05/7/2017 của Quốc hội về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất VLNCN.

- Quyết định số 51/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Việt Nam 02:2008/BCT về an toàn trong bảo quản, vận chuyển và sử dụng VLNCN.

- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép thẩm định sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY ĐỀ NGHỊ
.....⁽²⁾.....giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn
.....⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên cơ sở hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ:.....
.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Thực hiện Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

...⁽¹⁾... đề nghị ...⁽⁴⁾...⁽²⁾.....giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn⁽³⁾..... (danh sách kèm theo) cho các đối tượng liên quan tới hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của ...⁽¹⁾....

.....⁽⁵⁾....., ngày.....tháng.....năm.....
.....⁽⁶⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

Chú thích:

⁽¹⁾ Tên tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Công ty A);

⁽²⁾ Nội dung đề nghị (Ví dụ: Kiểm tra, cấp hoặc huấn luyện, kiểm tra, cấp hoặc cấp lại);

⁽³⁾ Lĩnh vực huấn luyện (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ);

⁽⁴⁾ Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận huấn luyện (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh..);

⁽⁵⁾ Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Quảng Ninh);

⁽⁶⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HUẤN LUYỆN, KIỂM TRA, CẤP GIẤY
CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN ...⁽¹⁾...**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nơi cơ trú	Đăng ký ⁽²⁾
1						
2						
...						

.....⁽³⁾....., ngày.....tháng.....năm.....

.....⁽⁴⁾.....

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

⁽¹⁾ Lĩnh vực hoạt động (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ);

⁽²⁾ Đăng ký kiểm tra, cấp giấy chứng nhận (Ví dụ: Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp);

⁽³⁾ Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp hoạt động vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Quảng Ninh);

⁽⁴⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

11. Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

+ Danh sách người đề nghị theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

+ 02 ảnh (3x4 cm) của người trong danh sách đề nghị .

+ Tài liệu huấn luyện chi tiết phù hợp cho từng đối tượng theo quy định tại Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các Giảng viên trường Đại học chuyên ngành hoặc cá nhân có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm thực tế làm việc về kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp từ 05 năm liền kề trở lên hoặc làm việc trong lĩnh vực quản lý nhà nước về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ từ 03 năm liền kề trở lên; có kiến thức pháp luật về tiền chất thuốc nổ.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01, 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy Chứng nhận.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có.

Sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, Các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện phải nắm vững được các nội dung sau:

- Yêu cầu về an toàn khi tiếp xúc với tiền chất thuốc nổ.
- Quy định của pháp luật về bảo quản tiền chất thuốc nổ: Yêu cầu về kho chứa; phương tiện, thiết bị bảo đảm an toàn, phòng cháy, chữa cháy kho bảo quản tiền chất thuốc nổ; các quy định về chống sét, kiểm soát tĩnh điện kho bảo quản tiền chất thuốc nổ.
- Thành phần, tính chất, phân loại và yêu cầu về chất lượng thử nghiệm, kiểm tra, biện pháp bảo đảm chất lượng tiền chất thuốc nổ; yêu cầu về bao bì, ghi nhãn tiền chất thuốc nổ.
- Cách sắp xếp, bảo quản tiền chất thuốc nổ; yêu cầu về an toàn khi bốc xếp, vận chuyển tiền chất thuốc nổ trong phạm vi kho và trên phương tiện vận chuyển.
- Quy trình xuất, nhập, thống kê tiền chất thuốc nổ.
- Trách nhiệm của người được giao quản lý kho tiền chất thuốc nổ.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật số 14/2017/QH14 ngày 05/7/2017 của Quốc hội về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;
- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất VLNCN.

- Quyết định số 51/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Việt Nam 02:2008/BCT về an toàn trong bảo quản, vận chuyển và sử dụng VLNCN.

- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép thẩm định sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY ĐỀ NGHỊ
.....⁽²⁾.....giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn
.....⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên cơ sở hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ:.....

.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Thực hiện Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

...⁽¹⁾... đề nghị ...⁽⁴⁾...⁽²⁾.....giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn⁽³⁾..... (danh sách kèm theo) cho các đối tượng liên quan tới hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của ...⁽¹⁾....

.....⁽⁵⁾.....,
ngày.....tháng.....năm.....

.....⁽⁶⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

Chú thích:

⁽¹⁾ Tên tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Công ty A);

⁽²⁾ Nội dung đề nghị (Ví dụ: Kiểm tra, cấp hoặc huấn luyện, kiểm tra, cấp hoặc cấp lại);

⁽³⁾ Lĩnh vực huấn luyện (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ);

⁽⁴⁾ Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận huấn luyện (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh..);

⁽⁵⁾ Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Quảng Ninh);

⁽⁶⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HUẤN LUYỆN, KIỂM TRA, CẤP GIẤY
CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN ...⁽¹⁾...**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nơi cơ trú	Đăng ký ⁽²⁾
1						
2						
...						

.....⁽³⁾....., ngày.....tháng.....năm.....

.....⁽⁴⁾.....

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

⁽¹⁾ Lĩnh vực hoạt động (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ);

⁽²⁾ Đăng ký kiểm tra, cấp giấy chứng nhận (Ví dụ: Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp);

⁽³⁾ Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp hoạt động vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Quảng Ninh);

⁽⁴⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

12. Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này, nếu có).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng *Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

+ 02 ảnh (3x4 cm) và danh sách đối tượng cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01, 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy Chứng nhận.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có.

Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn được cấp lại trong trường hợp: Bị mất, sai sót hoặc hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật số 14/2017/QH14 ngày 05/7/2017 của Quốc hội về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất VLNCN.

- Quyết định số 51/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Việt Nam 02:2008/BCT về an toàn trong bảo quản, vận chuyển và sử dụng VLNCN.

- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép thẩm định sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY ĐỀ NGHỊ
.....⁽²⁾.....giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn
.....⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên cơ sở hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ:.....
.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Thực hiện Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

...⁽¹⁾... đề nghị ...⁽⁴⁾...⁽²⁾.....giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn⁽³⁾..... (danh sách kèm theo) cho các đối tượng liên quan tới hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của ...⁽¹⁾..../.

.....⁽⁵⁾.....,
ngày.....tháng.....năm.....
.....⁽⁶⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

Chú thích:

⁽¹⁾ Tên tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Công ty A);

⁽²⁾ Nội dung đề nghị (Ví dụ: Kiểm tra, cấp hoặc huấn luyện, kiểm tra, cấp hoặc cấp lại);

⁽³⁾ Lĩnh vực huấn luyện (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ);

⁽⁴⁾ Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận huấn luyện (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh..);

⁽⁵⁾ Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Quảng Ninh);

⁽⁶⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HUẤN LUYỆN, KIỂM TRA, CẤP GIẤY
CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN ...⁽¹⁾...**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nơi cơ trú	Đăng ký ⁽²⁾
1						
2						
...						

.....⁽³⁾....., ngày.....tháng.....năm.....

.....⁽⁴⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

⁽¹⁾ Lĩnh vực hoạt động (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ);

⁽²⁾ Đăng ký kiểm tra, cấp giấy chứng nhận (Ví dụ: Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp);

⁽³⁾ Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp hoạt động vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Quảng Ninh);

⁽⁴⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

13. Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này, nếu có).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị thu hồi.

+ Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh do Quân đội nhân dân cấp của người đến liên hệ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy Chứng nhận.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật số 14/2017/QH14 ngày 05/7/2017 của Quốc hội về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất VLNCN.

- Quyết định số 51/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Việt Nam 02:2008/BCT về an toàn trong bảo quản, vận chuyển và sử dụng VLNCN.

- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép thẩm định sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

III. LĨNH VỰC HÓA CHẤT

14. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai*) hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu quy định (Mẫu 01a, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương).

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

+ Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;

+ Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và văn bản chấp thuận nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền đối với từng cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất không thuộc đối tượng bắt buộc phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

+ Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng nhà xưởng, kho chứa, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất và kho hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa;

+ Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất (Mẫu 01g, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương);

+ Bản sao bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất;

+ Bản sao hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

+ Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất theo quy định.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát PC&CC, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí:

Phí thẩm định: **1.200.000** đồng/GCN

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01a, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có.

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề sản xuất hóa chất;

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 1, 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

- Diện tích nhà xưởng, kho chứa phải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Cơ sở sản xuất có đủ diện tích để bố trí dây chuyền sản xuất phù hợp với công suất thiết kế, đảm bảo các công đoạn sản xuất, đáp ứng yêu cầu công nghệ;

- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

Tên tổ chức, cá nhân ⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾

..... ⁽³⁾, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương.....

Tên tổ chức/cá nhân: ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:, Điện thoại: Fax:.....

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: Điện thoại: Fax:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, gồm:

1. Hóa chất sản xuất:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾				Khối lượng ⁽⁶⁾	Đơn vị tính ⁽⁷⁾	Ghi chú
		Tên hóa học	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng			
1	VD: ABC	Axeton	67-64-1	C ₃ H ₆ O	30%	100	Tấn/năm	
		Toluen	108-88-3	C ₇ H ₈	20%			
2								
n								

2. Hóa chất kinh doanh:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾				Khối lượng ⁽⁶⁾	Đơn vị tính ⁽⁷⁾	Ghi chú
		Tên hóa học	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng			
1	VD: ABC	Axeton	67-64-1	C ₃ H ₆ O	30%	500	Tấn/năm	
		Toluen	108-88-3	C ₇ H ₈	20%			
2								
n								

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

.....⁽⁸⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;
- (5): Chỉ kê khai các thành phần là chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;
- (6): Kê khai khối lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh tối đa trong một năm;
- (7): Đơn vị đo khối lượng trên đơn vị thời gian là một năm;
- (8): Tên các giấy tờ kèm theo.

Tên tổ chức, cá nhân ⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾

..... ⁽³⁾, ngày tháng năm

**BẢN KÊ KHAI THIẾT BỊ KỸ THUẬT,
 TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN CỦA
 CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

STT	Tên các thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn trong sản xuất, kinh doanh	Thông số kỹ thuật chính	Xuất xứ	Năm sản xuất	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất	Thời hạn hiệu chuẩn, kiểm định
1						
2						
n						

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
 (Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh giấy phép;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy phép đóng trụ sở chính.

15. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*). *tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai*. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai*) hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất.

- Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (Mẫu 01c, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương);

+ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp;

+ Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất đối với các nội dung điều chỉnh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát PC&CC, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí:

Phí thẩm định: **600.000 đồng/GCN**

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01c, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có.

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề sản xuất hóa chất;
- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 1, 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;
- Diện tích nhà xưởng, kho chứa phải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Cơ sở sản xuất có đủ diện tích để bố trí dây chuyền sản xuất phù hợp với công suất thiết kế, đảm bảo các công đoạn sản xuất, đáp ứng yêu cầu công nghệ;
- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;
- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

Tên tổ chức, cá nhân ⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ ⁽³⁾, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất,
 kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương ...

Tên tổ chức/cá nhân: ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính tại:, Điện thoại: Fax:.....

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:....., Điện thoại:..... Fax:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số do
 cấp ngày tháng năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều
 kiện ⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công
 nghiệp số..... ⁽⁵⁾ ngày.... tháng....năm....., thông tin đề nghị cấp điều chỉnh
 bao gồm:..... ⁽⁶⁾

Giải trình lý do đề nghị cấp điều chỉnh: ⁽⁷⁾

..... ⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất,
 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy
 định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm
 ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ⁽¹⁾ gửi kèm theo gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:..... ⁽⁸⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;
- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp điều chỉnh;
- (6): Thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm thông tin trước khi điều chỉnh và thông tin đề nghị điều chỉnh;
- (7): Thông tin giải trình rõ lý do đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận;
- (8): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

16. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này, nếu có).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai) hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (Mẫu 01b, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương).

+ Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát PC&CC, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí thẩm định: 600.000 đồng/GCN.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: (Mẫu 01b, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương)

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề sản xuất hóa chất;
- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 1, 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;
- Diện tích nhà xưởng, kho chứa phải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Cơ sở sản xuất có đủ diện tích để bố trí dây chuyền sản xuất phù hợp với công suất thiết kế, đảm bảo các công đoạn sản xuất, đáp ứng yêu cầu công nghệ;
- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;
- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

Tên tổ chức, cá nhân ⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾

..... ⁽³⁾, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện ⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương ...

Tên tổ chức/cá nhân: ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại: Fax:.....

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:.....Điện thoại: Fax:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số do
..... cấp ngày tháng năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... ⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công
nghiệp số ⁽⁵⁾ ngày.....tháng.....năm...., giải trình lý do đề nghị cấp
lại: ⁽⁶⁾

..... ⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất,
Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất , nếu vi phạm
..... ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ⁽¹⁾ gửi kèm theo gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm: ⁽⁷⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (2): Ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký lại cấp giấy chứng nhận;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;
- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại;
- (6): Thông tin giải trình đề nghị cấp lại, bao gồm các thông tin sửa đổi (nếu có);
- (7): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

17. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này, nếu có).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai) hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu quy định (Mẫu 01a, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

+ Bản kê khai về từng địa điểm kinh doanh;

+ Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;

+ Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế và văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền đối với từng kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng bắt buộc phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

+ Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của từng địa điểm kinh doanh, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đối với trường hợp thuê kho lưu trữ hoặc Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất;

+ Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng địa điểm kinh doanh hóa chất (Mẫu 01g, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương);

+ Bản sao bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất;

+ Bản sao hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

+ Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở kinh doanh theo quy định.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lưu ý: Trong trường hợp tổ chức/cá nhân kinh doanh có kho chứa hóa chất tại tỉnh khác: Sở Công Thương Đồng Nai sẽ có văn bản lấy ý kiến của Sở Công Thương tại địa phương có kho chứa.

Thời gian thực hiện thủ tục hành chính không tính thời gian lấy ý kiến của Sở Công Thương tại các tỉnh có đặt kho chứa hóa chất.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát PC&CC, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Công Thương tại địa phương có kho chứa hóa chất của các tổ chức, cá nhân.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí:

Phí thẩm định: **1.200.000 đồng/GCN**

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01a, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có.

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề kinh doanh hóa chất;

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

- Địa điểm, diện tích kho chứa phải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

- Vật chứa, bao bì lưu trữ hóa chất phải bảo đảm được chất lượng và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật; phương tiện vận chuyển hóa chất phải tuân thủ theo quy định của pháp luật;

- Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;

- Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất;

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

Tên tổ chức, cá nhân ⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾

..... ⁽³⁾, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương.....

Tên tổ chức/cá nhân: ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:, Điện thoại: Fax:.....

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: Điện thoại: Fax:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, gồm:

1. Hóa chất sản xuất:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾				Khối lượng ⁽⁶⁾	Đơn vị tính ⁽⁷⁾	Ghi chú
		Tên hóa học	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng			
1	VD: ABC	Axeton	67-64-1	C ₃ H ₆ O	30%	100	Tấn/năm	
		Toluen	108-88-3	C ₇ H ₈	20%			
2								
n								

2. Hóa chất kinh doanh:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾				Khối lượng ⁽⁶⁾	Đơn vị tính ⁽⁷⁾	Ghi chú
		Tên hóa học	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng			
1	VD: ABC	Axeton	67-64-1	C ₃ H ₆ O	30%	500	Tấn/năm	
		Toluen	108-88-3	C ₇ H ₈	20%			
2								
n								

..... ⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

..... ⁽⁸⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;
- (5): Chỉ kê khai các thành phần là chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;
- (6): Kê khai khối lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh tối đa trong một năm;
- (7): Đơn vị đo khối lượng trên đơn vị thời gian là một năm;
- (8): Tên các giấy tờ kèm theo.

Tên tổ chức, cá nhân ⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾

..... ⁽³⁾, ngày tháng năm

**BẢN KÊ KHAI THIẾT BỊ KỸ THUẬT,
 TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN CỦA
 CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

STT	Tên các thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn trong sản xuất, kinh doanh	Thông số kỹ thuật chính	Xuất xứ	Năm sản xuất	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất	Thời hạn hiệu chuẩn, kiểm định
1						
2						
n						

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
 (Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh giấy phép;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy phép đóng trụ sở chính.

18. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này, nếu có).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai) hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất kinh doanh.

- Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (Mẫu 01c, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương);

+ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp;

+ Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trong trường hợp tổ chức/cá nhân kinh doanh có kho chứa tại tỉnh khác: Sở Công Thương Đồng Nai sẽ có văn bản lấy ý kiến của Sở Công Thương tại địa phương có kho chứa hóa chất.

Thời gian thực hiện thủ tục hành chính không tính thời gian lấy ý kiến của Sở Công Thương tại các tỉnh có đặt kho chứa hóa chất.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát PC&CC, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Công Thương tại địa phương có kho chứa hóa chất của các tổ chức, cá nhân.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí:

Phí thẩm định: **600.000 đồng/GCN**

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01c, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có.

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề kinh doanh hóa chất;
- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;
- Địa điểm, diện tích kho chứa phải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;
- Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;
- Vật chứa, bao bì lưu trữ hóa chất phải bảo đảm được chất lượng và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật; phương tiện vận chuyển hóa chất phải tuân thủ theo quy định của pháp luật;
- Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;
- Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất;
- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

Tên tổ chức, cá nhân ⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾

..... ⁽³⁾, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất,
 kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương ...

Tên tổ chức/cá nhân: ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính tại:, Điện thoại: Fax:.....

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:....., Điện thoại:..... Fax:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số do
 cấp ngày tháng năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số..... ⁽⁵⁾ ngày.... tháng....năm....., thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm:..... ⁽⁶⁾

Giải trình lý do đề nghị cấp điều chỉnh: ⁽⁷⁾

..... ⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ⁽¹⁾ gửi kèm theo gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:..... ⁽⁸⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;
- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp điều chỉnh;
- (6): Thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm thông tin trước khi điều chỉnh và thông tin đề nghị điều chỉnh;
- (7): Thông tin giải trình rõ lý do đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận;
- (8): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

19. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai) hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (Mẫu 01b, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương);

+ Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát PC&CC, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí:

Phí thẩm định: **600.000 đồng/GCN**.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01b, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề kinh doanh hóa chất;
- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;
- Địa điểm, diện tích kho chứa phải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;
- Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;
- Vật chứa, bao bì lưu trữ hóa chất phải bảo đảm được chất lượng và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật; phương tiện vận chuyển hóa chất phải tuân thủ theo quy định của pháp luật;
- Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;
- Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất;
- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

Tên tổ chức, cá nhân ⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾

..... ⁽³⁾, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện ⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương ...

Tên tổ chức/cá nhân: ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại: Fax:.....

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:.....Điện thoại: Fax:.....

Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số do
 cấp ngày tháng năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
 ⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công
 nghiệp số ⁽⁵⁾ ngày.....tháng.....năm...., giải trình lý do đề nghị cấp
 lại: ⁽⁶⁾

..... ⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất,
 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy
 định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất , nếu vi phạm
 ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ⁽¹⁾ gửi kèm theo gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm: ⁽⁷⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (2): Ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký lại cấp giấy chứng nhận;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;
- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại;
- (6): Thông tin giải trình đề nghị cấp lại, bao gồm các thông tin sửa đổi (nếu có);
- (7): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

20. Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này, nếu có).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu 1 quy định tại Phụ lục 6, Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính) hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) Giấy phép lái xe phù hợp với loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng để vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm;

+ 02 ảnh cỡ 3 × 4 cm của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các Giảng viên trường Đại học chuyên ngành hoặc các tổ chức, cá nhân có năng lực liên quan đến lĩnh vực hóa chất.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 1 quy định tại Phụ lục 6, Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy Chứng nhận.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có.

Sau khi được cơ quan có thẩm quyền huấn luyện, Các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện phải nắm vững được các nội dung sau:

- Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm;
- Tính chất nguy hiểm hàng công nghiệp cần vận chuyển; biểu trưng, báo hiệu nguy hiểm trên phương tiện chứa, vận chuyển;
- Các loại bao bì, thùng chứa hàng công nghiệp nguy hiểm cần vận chuyển; yêu cầu kiểm tra, kiểm định;
- Các biện pháp an toàn trong bốc dỡ, vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm; các biện pháp, thủ tục cần thực hiện khi xảy ra tai nạn, sự cố trên đường vận chuyển (thông tin gọi cứu hộ, cứu nạn; cấp cứu tại chỗ; phòng ngừa va đập, nguồn lửa, sử dụng các phương tiện cứu hộ, khắc phục sự cố cháy, nổ, lan tỏa độc...) đối với hàng công nghiệp nguy hiểm không yêu cầu lập kế hoạch ứng phó sự cố khẩn cấp khi vận chuyển;
- Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp đối với hàng công nghiệp nguy hiểm có yêu cầu lập kế hoạch ứng phó khẩn cấp.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ về quy định Danh mục hàng nguy hiểm, vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
- Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định Danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

Mẫu 1- Phụ lục 6

(Ban hành kèm Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn
vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm**

Kính gửi:

Tôi là *(ghi rõ họ tên bằng chữ hoa)*.....Nam / Nữ

Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Số CMND (hoặc Hộ chiếu).....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Thực hiện Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm cho tôi.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

IV. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

21. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này, nếu có).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa (gọi là Trung tâm); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Giấy xác nhận đủ sức khỏe/Danh sách tổng hợp xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế

cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp: Sở Y tế, Sở Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn, Phòng Kinh tế/ Kinh tế-Hạ tầng các huyện.

e) Đối tượng thực hiện:

- Các cơ sở sản xuất thực phẩm: rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương trừ các trường hợp sau:

- Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế thấp hơn các cơ sở quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 43/2014/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.

- Các cơ sở sản xuất thực phẩm tại Điều 12 của Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018.

- Chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật

g) Phí, lệ phí: 1.000.000 đồng/ lần/cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh), 2.500.000 đồng/ lần/ cơ sở (đối với cơ sở sản xuất).

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

k) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC:

Cơ sở đáp ứng điều kiện an toàn thực phẩm được quy định tại Điều 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và Điều 17, 18 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ.

I) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm
- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 02/02/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 279/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm
- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày....tháng....năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: *(tên cơ quan có thẩm quyền cấp)*.....

Cơ sở sản xuất, kinh doanh *(tên giao dịch hợp pháp)*:

Địa điểm tại:

Điện thoại: Fax:.....

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh *(tên sản phẩm)*:

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất ☐

- Cơ sở kinh doanh ☐

- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh ☐

- Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm ☐

(tên cơ sở)

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN THUYẾT MINH**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM****I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại: Fax
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**1. Cơ sở vật chất:**

- Diện tích mặt bằng sản xuất m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					

3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH
THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại: Fax
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (*đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm*):

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanh m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm					

3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

22. Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa (*gọi là Trung tâm*): Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.

Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu

số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Giấy xác nhận đủ sức khỏe/Danh sách tổng hợp xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở).

Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

Trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở (bản sao có xác nhận của cơ sở).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: **03 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: **13 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: **03 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: **03 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp: Sở Y tế, Sở Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn, Phòng Kinh tế/ Kinh tế-Hạ tầng các huyện, thành phố.

e) Đối tượng thực hiện:

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được Sở Công Thương Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật.

g) Phí, lệ phí: 1.000.000 đồng/ lần/cơ sở-đối với cơ sở kinh doanh; 2.500.000 đồng/ lần/ cơ sở đối với cơ sở sản xuất (đối với Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;
- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.
- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Cơ sở đáp ứng điều kiện an toàn thực phẩm được quy định tại Điều 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và Điều 17, 18 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm
- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa

đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 02/02/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 279/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm

- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày....tháng....năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: Sở Công Thương Đồng Nai

Tên cơ sở đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số.....ngày cấp

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (*ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này*):

.....
Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(*Ký tên, đóng dấu*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN THUYẾT MINH**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM****I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại: Fax
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**1. Cơ sở vật chất:**

- Diện tích mặt bằng sản xuất m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					

3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH
THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại: Fax
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (*đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm*):

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanh m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm					

3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

23. Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Đối với cá nhân:

+ Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (Mẫu số 01a của Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm);

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân.

+ Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Đối với tổ chức:

+ Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (Mẫu số 01a của Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển

nông thôn và Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm)

+ Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo (Mẫu số 01b của Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm)

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức).

+ Giấy tờ chứng minh đã nộp phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Tiếp nhận, thông báo hồ sơ hợp lệ và thời gian kiểm tra kiến thức : 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ).

- Cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm: 03 ngày làm việc (kể từ ngày tổ chức kiểm tra kiến thức đối với những người đã đạt trên 80% số câu trả lời đúng).

đ) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương

e) Đối tượng thực hiện:

- Các tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm: rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh: dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng các sản phẩm thực phẩm thuộc quản lý của ngành Công thương.

g) Phí, lệ phí: 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng chẵn)/ 01 người

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (Mẫu số 01a của Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm);

- Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo (Mẫu số 01b của Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm)

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm chỉ cấp cho những người đã trả lời đúng từ 80% tổng số câu hỏi (gồm các câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành) trở lên.

- Nội dung kiến thức về an toàn thực phẩm bao gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm, trong đó:

+ Kiến thức chung về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; các mối nguy an toàn thực phẩm; điều kiện an toàn thực phẩm; phương pháp đảm bảo an toàn thực phẩm; thực hành tốt an toàn thực phẩm.

+ Kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm gồm : Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 ;

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương ;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ;

- Quyết định số 6409/QĐ-BCT ngày 21/7/2014 về việc ban hành danh mục tài liệu, bộ câu hỏi kiểm tra kèm theo đáp án trả lời và chỉ định cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm đối với chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương.

- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân:

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số.....

cấp ngày tháng năm, nơi cấp

Địa chỉ:, Số điện thoại

Số Fax E-mail

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do (*) ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của (*) ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

Địa danh, ngày tháng ... năm

Đại diện Tổ chức/cá nhân

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú: * chọn 1 trong 3 cơ quan: Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Công Thương.

Mẫu số 01b-

Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức

*(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của
(tên tổ chức)*

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày tháng ... năm.....

Đại diện Tổ chức xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

V. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

24. Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ gồm

- Thành phần hồ sơ

- + Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;
- + Bản sao các văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;
- + Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số

thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn;

+ Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp (đối với trường hợp cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí

- **1.200.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **400.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **600.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, tờ khai

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 21, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo mẫu tại Phụ lục 25 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương;

- Báo cáo tình hình kinh doanh của thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 70 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại thuốc lá năm 2012;

- Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên);

- Có văn bản giới thiệu của nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

- Có bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp (đối với trường hợp cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực).

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18/6/2012;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

PHỤ LỤC 21

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Sở Công Thương(1)

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....
do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng
ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
- Đề nghị Sở Công Thương(1) xem xét cấp Giấy phép bán
buôn sản phẩm thuốc lá, cụ thể:
6. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:
 - Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc
lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:
.....(2)
 - Để tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố(1)
7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:
.....(3)

...(tên thương nhân)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị
định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi
tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về
kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số
106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng
01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện

đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi thương nhân dự định xin phép để kinh doanh.
- (2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá; các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

PHỤ LỤC 25

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢN CAM KẾT VỀ BẢO ĐẢM TUÂN THỦ ĐẦY ĐỦ CÁC YÊU CẦU ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Kính gửi:(1)

1. Tên thương nhân :.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính:;
 3. Điện thoại:..... Fax:.....;
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
 6. Kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
-(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam kết bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường đối với kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng) nêu trên./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan cấp Giấy phép (Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương tỉnh, thành phố) nơi thương nhân đề nghị xin cấp Giấy phép

PHỤ LỤC 70

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/201.../BC-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH
CỦA THƯƠNG NHÂN BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(6 tháng đầu năm (hoặc 6 tháng cuối năm.....) ; cả năm)

Kính gửi: Bộ Công Thương

Sở Công Thương.....(nơi thương nhân đặt trụ sở)

Tên thương nhân...

Trụ sở tại.....

Điện thoại.....Fax...

Số Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá: do cấp ngày
tháng ... năm

Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá được cấp sửa đổi, bổ sung số:
.....do cấp ngày tháng ... năm(nếu có)

I. Tình hình phân phối sản phẩm thuốc lá

STT	Mua của các Nhà cung cấp, các thương nhân phân phối	Tồn kho trong kỳ		Mua vào trong kỳ		Bán ra trong kỳ	
		Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)
1							
2							
3							
...							

II. Chi tiết tình hình bán hàng tại các tỉnh, thành phố

STT	Mua của các Nhà cung cấp, các thương nhân phân phối	Tỉnh....		Tỉnh....		Tỉnh....	
		Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)
1							
2							
3							
...							
	Tổng cộng						

III. Chi tiết tình hình bán hàng tại các địa điểm bán lẻ

STT	Địa chỉ, điện thoại của các địa điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Tồn kho trong kỳ		Mua vào trong kỳ		Bán ra trong kỳ	
		Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)
1							
2							
3							
...							
	Tổng cộng						

IV. Kiến nghị, đề xuất...

Người lập báo cáo
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên, đóng dấu)

25. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng *Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ gồm

- Thành phần hồ sơ

- + Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- + Bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có);
- + Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung;
- + Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí: (nếu có thẩm định)

- **1.200.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.
- **400.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.
- **600.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.
- **200.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện

h) Mẫu đơn, tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 44 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo mẫu tại Phụ lục 25 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC

- Là tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- Trường hợp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì bổ sung bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Trường hợp thay đổi địa điểm kinh doanh thì:
 - + Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại thuốc lá năm 2012;
 - + Có bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.
- Trường hợp thay đổi nhà cung cấp, thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá thì phải có văn bản giới thiệu của nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc

của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18/6/2012;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 168/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

PHỤ LỤC 44

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Sở Công Thương

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do.....
cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ
ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
- Tên:;
- Địa chỉ:;
- Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Sở Công Thương cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
số.....ngày..... tháng.....năm.....
7. Đã được Sở Công Thương cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
(sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày tháng năm(nếu đã có)
.....(1)....
...(ghi rõ tên thương nhân)... kính đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp
sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như
sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một
trong các đề nghị dưới đây):
8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)
Thông tin cũ:..... Thông tin mới:.....
9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:
Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá

và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2)

Để tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....(3)

b) Đề nghị bổ sung:

.....(4)

.....(*ghi rõ tên thương nhân*)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

PHỤ LỤC 25

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢN CAM KẾT VỀ BẢO ĐẢM TUÂN THỦ ĐẦY ĐỦ CÁC YÊU CẦU ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Kính gửi:(1)

1. Tên thương nhân :.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính:;
 3. Điện thoại:..... Fax:.....;
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
 6. Kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
-(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam kết bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường đối với kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng) nêu trên./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan cấp Giấy phép (Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương tỉnh, thành phố) nơi thương nhân đề nghị xin cấp Giấy phép

26. Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng *Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

+ Trường hợp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực thì ***hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.***

+ Trường hợp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, thì hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- Bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).
- Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí: (nếu có thẩm định đối với trường hợp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực)

- **1.200.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **400.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **600.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 50 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC

- Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân ***phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh.***

- Là tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá nhưng bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18/6/2012;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 168/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

PHỤ LỤC 50

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: Sở Công Thương....

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày..... tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Sở Công Thương cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được Sở Công Thương cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
8. ...(ghi rõ tên thương nhân)... kính đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, với lý do(1).....

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích: (1): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

27. Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa Sở Công Thương tại Trung tâm HCC tỉnh địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai, với 03 hình thức sau:

* Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện (địa chỉ tiếp nhận: Bộ phận một cửa-TTHCC tỉnh);

* Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp Bộ phận một cửa-TTHCC tỉnh;

* Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến:

<https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm>.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.

2) Bản sao Giấy, chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

3) Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm kho hàng, địa điểm bán lẻ rượu và bán rượu tiêu, dùng tại chỗ (nếu có kinh doanh) theo quy định.

4) Bản sao Bản tự công bố sản phẩm theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ hoặc Bản công bố sản phẩm theo Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ (đối với trường rượu có chức năng như thực phẩm bảo vệ sức khỏe).

5) Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn của các thương nhân bán lẻ; bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của các thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn của doanh nghiệp xin cấp phép.

6) Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu:

+ Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất trong nước, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác, trong đó ghi rõ các loại rượu dự kiến kinh doanh phù hợp với hoạt động của thương nhân sản xuất, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác;

+ Bản sao Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép phân phối hoặc Giấy phép bán buôn rượu của các nhà cung cấp rượu.

7) Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại trụ sở, địa điểm kinh doanh và kho hàng.

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Thương nhân bán buôn rượu

g) Phí, lệ phí: (Phí thẩm định điều kiện kinh doanh)

- Trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Trên địa bàn các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

h) Mẫu đơn: Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Có quyền sử dụng hợp pháp kho hàng hoặc hệ thống kho hàng với tổng diện tích sàn sử dụng từ 50 m² trở lên.

- Rượu dự kiến kinh doanh phải bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.

- Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi thương nhân đặt trụ sở chính với ít nhất 03 thương nhân bán lẻ rượu.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.

Mẫu số 01-NĐ 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

.....⁽¹⁾.....

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: Điện thoại:.....

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày..... tháng năm

Đề nghị.....⁽²⁾..... xem xét cấp Giấy phép.....⁽¹⁾....., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu:⁽³⁾.....

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:⁽⁴⁾.....

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:.....

.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

.....

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:.....

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau:⁽⁵⁾

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:.....⁽⁶⁾ ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày... tháng năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

⁽⁵⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ.

⁽⁶⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

28. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa Sở Công Thương tại Trung tâm HCC tỉnh, với 03 hình thức sau:

* Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện (địa chỉ tiếp nhận: Bộ phận một cửa-TTHCC tỉnh);

* Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp Bộ phận một cửa-TTHCC tỉnh;

* Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến:

<https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm>.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

1) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ).

2) Bản sao Giấy phép bán buôn rượu đã được cấp.

3) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Thương nhân bán buôn rượu

g) Phí, lệ phí: (Phí thẩm định điều kiện kinh doanh)

** Trường hợp cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh*

- Trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Trên địa bàn các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

** Trường hợp thay đổi tên thương nhân, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý: không thu phí.*

h) Mẫu đơn: Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Có quyền sử dụng hợp pháp kho hàng hoặc hệ thống kho hàng với tổng diện tích sàn sử dụng từ 50 m² trở lên.

- Rượu dự kiến kinh doanh phải bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.

- Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi thương nhân đặt trụ sở chính với ít nhất 03 thương nhân bán lẻ rượu.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP(1).....

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.....

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng..... năm

Giấy phép.....⁽¹⁾..... đã được cấp số..... do cấp ngày tháng năm

Giấy phép...⁽¹⁾....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:

Thông tin cũ:

Thông tin mới:⁽⁴⁾.....

.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

29. Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa Sở Công Thương tại Trung tâm HCC tỉnh, với 03 hình thức sau:

* Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện (địa chỉ tiếp nhận: Bộ phận một cửa-TTHCC tỉnh);

* Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp Bộ phận một cửa-TTHCC tỉnh;

* Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến:

<https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm>.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

* *Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.*

* *Trường hợp Giấy phép bán buôn rượu bị mất, hỏng hồ sơ bao gồm:*

+ Đơn đề nghị cấp lại (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ)

+ Bản gốc Giấy phép bán buôn rượu đã được cấp (nếu có).

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: **10 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp Giấy phép bán buôn rượu mất, hỏng: **07 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Thương nhân bán buôn rượu

g) Phí, lệ phí: (Phí thẩm định điều kiện kinh doanh)

** Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực*

- Trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Trên địa bàn các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

** Trường hợp Giấy phép bán buôn rượu bị mất, hỏng: không thu phí.*

h) Mẫu đơn:

** Trường hợp Giấy phép bán buôn rượu bị mất, hỏng:*

Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.

** Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực:*

Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Sở Công Thương cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Có quyền sử dụng hợp pháp kho hàng hoặc hệ thống kho hàng với tổng diện tích sàn sử dụng từ 50 m² trở lên.

- Rượu dự kiến kinh doanh phải bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.

- Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi thương nhân đặt trụ sở chính với ít nhất 03 thương nhân bán lẻ rượu.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau:⁽⁵⁾

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:.....⁽⁶⁾ ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày... tháng năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

⁽⁵⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ.

⁽⁶⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

Mẫu số 03 - ND 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP⁽¹⁾.....
(trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)**

Kính gửi:.....⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng..... năm

Giấy phép.....⁽¹⁾..... đã được cấp số..... do cấp ngày tháng năm

Giấy phép...⁽¹⁾....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm

.....⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾.... xem xét cấp lại Giấy phép.....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:.....⁽⁴⁾

.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số..... /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Lý do xin cấp lại.

30. Cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (*theo phụ lục Mẫu số 03 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu*);

+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân chủ sở hữu cửa hàng bán lẻ xăng dầu;

+ Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu (*theo phụ lục 01 kèm theo*);

+ Tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu;

+ Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nhân viên cửa hàng (có chứng chỉ đào tạo huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu);

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

e) Đối tượng thực hiện: Doanh nghiệp.

g) Phí, lệ phí:

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (theo phụ lục mẫu số 3 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

- Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu (theo phụ lục 01 kèm theo)

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Thuộc sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định (thương nhân đề nghị cấp phải đúng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu) (Khoản 2, Điều 24 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

- Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng các quy định hiện hành về quy chuẩn, tiêu chuẩn cửa hàng bán lẻ xăng dầu, an toàn phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (Khoản 3, Điều 24 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy

và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành (*Khoản 4, Điều 24 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu*).

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu ;
- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG
NHÂN CỦA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

164

31. Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (*theo phụ lục mẫu số 3 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu*).

+ Bản gốc giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được cấp.

+ Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

e) Đối tượng thực hiện: doanh nghiệp.

g) Phí thẩm định: (nếu có)

- **1.200.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.
- **600.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu *(theo Mẫu số 3 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu)*.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có.

- Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

- Thuộc sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu) *(Khoản 2, Điều 24 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu)*;

- Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng các quy định hiện hành về quy chuẩn, tiêu chuẩn cửa hàng bán lẻ xăng dầu, an toàn phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền *(Khoản 3, Điều 24 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu)*;

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành *(Khoản 4, Điều 24, Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu)*.

I) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG
NHÂN CỦA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

168

32. Cấp lại giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (*theo phụ lục mẫu số 3 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu*).

+ Bản gốc hoặc bản sao giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

e) Đối tượng thực hiện: doanh nghiệp.

g) Phí thẩm định: không có

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu *(theo phụ lục mẫu số 3 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu)*.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Trường hợp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác.

- Thuộc sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc thương nhân sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu) *(Khoản 2, Điều 24 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu)*;

- Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng các quy định hiện hành về quy chuẩn, tiêu chuẩn cửa hàng bán lẻ xăng dầu, an toàn phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (Khoản 3, Điều 24, Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành (Khoản 4, Điều 24, Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG
NHÂN CỦA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

172

33. Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (theo phụ lục mẫu số 9 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Bản sao giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;

+ Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu chứng minh;

+ Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho tổng đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

e) Đối tượng thực hiện: doanh nghiệp.

g) Phí thẩm định:

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (theo phụ lục Mẫu số 9 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

- Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật đối với tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (theo phụ lục 01 kèm theo)

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có.

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy xác nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu (Khoản 1, Điều 19 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

- Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ - CP ngày 03/9/2014. Có hệ thống từ hai (02) cửa hàng bán lẻ xăng dầu trở lên trên địa bàn một (01) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành (Khoản 3, Điều 19 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu ;
- Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh, thành phố ...

Tên doanh nghiệp:.....
 Tên giao dịch đối ngoại:.....
 Địa chỉ trụ sở chính:.....
 Số điện thoại:..... số Fax:.....
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...
 Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp mới/cấp lại (khi Giấy xác nhận hết hạn) kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng minh.
3. Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho tổng đại lý của thương nhân cấp hàng.

* Hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại kèm theo, bao gồm:

1. Bản gốc Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).
2. Tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung.
3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại)

*** Chú thích**

- Thương nhân gửi Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu về Sở Công Thương nơi thương nhân đóng trụ sở chính khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

34. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (theo phụ lục mẫu số 9 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

+ Bản gốc giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đã được cấp.

+ Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

e) Đối tượng thực hiện: doanh nghiệp.

g) Phí thẩm định: (nếu có)

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (theo phụ lục Mẫu số 9 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy xác nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu (Khoản 1, Điều 19 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

- Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ - CP ngày 03/9/2014. Có hệ thống từ hai (02) cửa hàng bán lẻ xăng dầu trở lên trên địa bàn một (01) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành (Khoản 3, Điều 19 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
- Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh, thành phố ...

Tên doanh nghiệp:.....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
 (Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp mới/cấp lại (khi Giấy xác nhận hết hạn) kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng minh.
3. Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho tổng đại lý của thương nhân cấp hàng.

* Hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại kèm theo, bao gồm:

1. Bản gốc Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).
2. Tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung.
3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại)

*** Chú thích**

- Thương nhân gửi Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu về Sở Công Thương nơi thương nhân đóng trụ sở chính khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

35. Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (theo phụ lục mẫu số 9 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

- Bản gốc hoặc bản sao giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

e) Đối tượng thực hiện: doanh nghiệp.

g) Phí thẩm định: không

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (theo phụ lục Mẫu số 9 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có.

- Trường hợp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác.

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy xác nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu (Khoản 1, Điều 19 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

- Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ - CP ngày 03/9/2014. Có hệ thống từ hai (02) cửa hàng bán lẻ xăng dầu trở lên trên địa bàn một (01) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành (Khoản 3, Điều 19 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu ;

- Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.

- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh, thành phố ...

Tên doanh nghiệp:.....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
 (Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp mới/cấp lại (khi Giấy xác nhận hết hạn) kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng minh.
3. Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho tổng đại lý của thương nhân cấp hàng.

* Hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại kèm theo, bao gồm:

1. Bản gốc Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).
2. Tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung.
3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại)

*** Chú thích**

- Thương nhân gửi Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu về Sở Công Thương nơi thương nhân đóng trụ sở chính khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

36. Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (theo phụ lục Mẫu số 7 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Bản sao giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh theo quy định tại Khoản 5 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;

+ Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu chứng minh;

+ Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu chứng minh;

+ Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho tổng đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

e) Đối tượng thực hiện: doanh nghiệp.

g) Phí thẩm định:

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (theo phụ lục mẫu số 7 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

- Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật đối với tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (theo phụ lục 01 kèm theo)

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

+ Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu (Khoản 1, Điều 16 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

+ Có kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương

nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên (Khoản 2, Điều 16 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

+ Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên (Khoản 3, Điều 16 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 12/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

+ Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu, tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu) (Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

Hệ thống phân phối của tổng đại lý phải nằm trong hệ thống phân phối của một thương nhân đầu mối và chịu sự kiểm soát của thương nhân đó.

+ Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu ;

- Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.

- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU

Kính gửi: Bộ Công Thương ⁽¹⁾ /Sở Công Thương tỉnh thành phố.... ⁽²⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương ⁽²⁾ xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
 (Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp mới/cấp lại (khi Giấy xác nhận hết hạn) kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng minh.
3. Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho tổng đại lý của thương nhân cấp hàng.

* Hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại kèm theo, bao gồm:

1. Bản sao Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).
2. Tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung.
3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại)

*** Chú thích**

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽¹⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;
- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽²⁾ khi kinh doanh trên địa bàn tỉnh 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

37. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng *Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (theo phụ lục mẫu số 7 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

+ Bản gốc giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được cấp.

+ Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

e) Đối tượng thực hiện: doanh nghiệp.

g) Phí thẩm định: (nếu có)

- 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.
- 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (theo phụ lục mẫu số 7 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

+ Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu (Khoản 1, Điều 16 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

+ Có kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên (Khoản 2, Điều 16 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

+ Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên (Khoản 3, Điều 16 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

+ Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu, tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu)

(Khoản 4, Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

Hệ thống phân phối của tổng đại lý phải nằm trong hệ thống phân phối của một thương nhân đầu mối và chịu sự kiểm soát của thương nhân đó.

+ Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.

- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU

Kính gửi: Bộ Công Thương ⁽¹⁾ /Sở Công Thương tỉnh thành phố.... ⁽²⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương ⁽²⁾ xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
 (Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp mới/cấp lại (khi Giấy xác nhận hết hạn) kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng minh.
3. Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho tổng đại lý của thương nhân cấp hàng.

* Hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại kèm theo, bao gồm:

1. Bản sao Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).
2. Tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung.
3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại)

*** Chú thích**

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽¹⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;
- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽²⁾ khi kinh doanh trên địa bàn tỉnh 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

38. Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (theo phụ lục mẫu số 7 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

+ Bản gốc hoặc bản sao giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

e) Đối tượng thực hiện: doanh nghiệp.

g) Phí thẩm định: không

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (theo phụ lục mẫu số 7 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có.

- Trường hợp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác.

+ Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu (Khoản 1, Điều 16 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

+ Có kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên (Khoản 2, Điều 16 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

+ Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ năm (05) năm trở lên (Khoản 3, Điều 16 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

Có hệ thống phân phối xăng dầu, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu, tối thiểu mười (10) cửa hàng thuộc các đại lý bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu) (Khoản 4, Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);

Hệ thống phân phối của tổng đại lý phải nằm trong hệ thống phân phối của một thương nhân đầu mối và chịu sự kiểm soát của thương nhân đó.

+ Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu ;
- Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU

Kính gửi: Bộ Công Thương ⁽¹⁾ /Sở Công Thương tỉnh thành phố.... ⁽²⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương ⁽²⁾ xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
 (Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ cấp mới/cấp lại (khi Giấy xác nhận hết hạn) kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng minh.
3. Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.
4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.
5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho tổng đại lý của thương nhân cấp hàng.

* Hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại kèm theo, bao gồm:

1. Bản sao Giấy xác nhận (trường hợp bổ sung, sửa đổi).
2. Tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung.
3. Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận (trường hợp cấp lại)

*** Chú thích**

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽¹⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;
- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽²⁾ khi kinh doanh trên địa bàn tỉnh 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

39. Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai (*gọi là Trung tâm*) hoặc gửi qua đường bưu điện. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ *Nộp tại Trung tâm*: Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận, đóng dấu công văn đến, ghi rõ ngày, tháng, năm và trả ngay 01 bản cho thương nhân; in Phiếu biên nhận, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

+ *Qua đường bưu điện*: Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì thông báo ngay cho thương nhân để bổ sung. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì đóng dấu công văn đến và ghi rõ ngày, tháng, năm và trả ngay 01 bản cho thương nhân; in Phiếu biên nhận, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần:

+ Biểu mẫu đăng ký giá theo mẫu Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương (bao gồm: biểu mẫu đăng ký giá, bảng đăng ký mức giá bán cụ thể, thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa đăng ký giá)

+ Phong bì có dán tem và ghi rõ tên và địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại người có trách nhiệm của thương nhân.

- Số lượng hồ sơ: **02 (bộ)**

- d) Thời hạn giải quyết:** 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- đ) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Công Thương
- e) Đối tượng thực hiện:** Thương nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi do UBND tỉnh công bố danh sách
- g) Phí, lệ phí:** không
- h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương
- i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** được mua, bán theo giá đã đăng ký.
- k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:**
Trong thời gian nhà nước thực hiện bình ổn giá bằng biện pháp đăng ký giá; khi thương nhân thay đổi giá sản phẩm
- l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**
- Luật Giá số 11/2012/QH13;
 - Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
 - Nghị định số 149/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;
 - Thông tư số 08/2016/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

Phụ lục số 1:
BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ

Tên đơn vị đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/

V/v: đăng ký giá

... , ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: *(Tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá)*

Thực hiện Thông tư số ngày..... của Bộ Công Thương.

... *(tên đơn vị đăng ký)* gửi Biểu mẫu đăng ký giá gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể.

2. Giải trình lý do điều chỉnh giá (trong đó có giải thích việc tính mức giá cụ thể áp dụng theo các hướng dẫn, quy định về phương pháp tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

... *(tên đơn vị đăng ký)* xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà đơn vị đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:

- Số điện thoại liên lạc:

- Số fax:

**Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu đăng ký giá
của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá**

1. *(Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Biểu mẫu đăng ký giá và đóng dấu công văn đến)*

2. Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trên, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân không được thực hiện mức giá đăng ký mới hoặc phải giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký.

40. Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ trực tiếp về Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua đường bưu điện: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ *Nộp tại Trung tâm*: Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng *Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận, đóng dấu công văn đến, ghi rõ ngày, tháng, năm và trả ngay 01 bản cho thương nhân; in Phiếu biên nhận, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

+ *Qua đường bưu điện*: Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì thông báo ngay cho thương nhân để bổ sung. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì đóng dấu công văn đến và ghi rõ ngày, tháng, năm và trả ngay 01 bản cho thương nhân; in Phiếu biên nhận, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh về Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần:

+ Biểu mẫu kê khai giá theo mẫu Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương (bao gồm: Công văn gửi Biểu mẫu kê khai giá; bảng kê khai mức giá) hoặc Thông báo mức giá tại phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương

+ Phong bì có dán tem và ghi rõ tên và địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại người có trách nhiệm của thương nhân.

- Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Trường hợp Biểu mẫu không đủ thành phần, nội dung theo quy định, không quá 5 ngày làm việc Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung

- Trường hợp Biểu mẫu có đủ thành phần, nội dung theo quy định, cơ quan tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào Biểu mẫu và gửi ngay cho thương nhân 01 bản.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương

e) Đối tượng thực hiện: Thương nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thương nhân bán lẻ sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi trong trường hợp bán giá cao hơn giá bán lẻ khuyến nghị đã kê khai với cơ quan chức năng.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Biểu mẫu kê khai giá theo mẫu Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương (bao gồm: Công văn gửi Biểu mẫu kê khai giá; bảng kê khai mức giá) hoặc Thông báo mức giá tại phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương (bao gồm: công văn gửi Mẫu thông báo mức giá, Bảng thông báo giá bán lẻ trong nước)

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: được mua, bán theo giá đã đăng ký

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Trong thời gian nhà nước không áp dụng biện pháp bình ổn giá; khi thương nhân thay đổi giá sản phẩm

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giá số 11/2012/QH13;

- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

- Thông tư số 08/2016/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

Phụ lục số 2:
MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

**Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....
V/v kê khai giá hàng
hóa, dịch vụ bán trong
nước

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá....)

Thực hiện Thông tư số ngày của Bộ Công Thương.
... (tên đơn vị kê khai giá) gửi Bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ bán trong
nước (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác
của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai:
 - Số điện thoại liên lạc:
 - Email:
 - Số fax:

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn bản kê khai giá
và đóng dấu công văn đến)

VI. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG

41. Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng *Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ *Bản sao hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá.*

- **Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): **không**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí thẩm định: 1.200.000 đồng

h) Mẫu đơn: Theo phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Điều kiện cấp giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu uỷ thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu uỷ thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. Doanh nghiệp có Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá chỉ được nhập khẩu uỷ thác nguyên liệu thuốc lá cho các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.

- Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ: Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

- Thông tư số 168/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

Phụ lục 8

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018
của Bộ Công Thương)*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....;
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:.....Fax:.....;
3. Văn phòng đại diện (nếu có).....Điện thoại.....Fax.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp
ngày.....tháng..... năm.....
5. Đề nghị(1) xem xét cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá,
cụ thể như sau:

- Loại nguyên liệu thuốc lá:.....(2)
- Được phép nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá của
các doanh nghiệp:.....(3)
- Những hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....

.....(4)xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan cấp Giấy phép

(2): Ghi cụ thể các loại nguyên liệu thuốc lá (ví dụ: lá thuốc lá, sợi thuốc lá, thuốc lá tẩm, lá tách cọng...).

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các doanh nghiệp ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu.

(4):Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép

42. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung.

+ Bản sao Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp.

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: **Sở Công Thương**

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): **không**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: **Sở Công Thương**

- Cơ quan phối hợp (nếu có): **không**

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí thẩm định: 1.200.000 đồng (nếu có thẩm định).

h) Mẫu đơn: Theo phục lục số 28 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Điều kiện cấp giấy phép kinh doanh nguyên liệu thuốc lá:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. Doanh nghiệp có Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá chỉ được nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá cho các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.

- Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ: Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

- Thông tư số 168/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

Phụ lục 28

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP MUA BÁN
NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp
ngày.....tháng..... năm.....

4. Đã được.....(1) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây
thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu
có).....(2)

5. Đề nghị(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều
kiện đầu tư trồng cây thuốc lá với nội dung sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi,
bổ sung của doanh nghiệp*):

- Thông tin cũ:.....(3)

- Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

- Lý do sửa đổi, bổ sung:.....

- Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)

.....(5) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh
doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số
106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng
01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện
đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương,
Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công
Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh
doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin
cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.

(2): Nếu đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy.

(3): Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung ghi trong Giấy phép cũ.

(4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung.

(5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép.

43. Cấp lại giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ.

- Thành phần hồ sơ:

+ Trường hợp giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực thì ***hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.***

+ Trường hợp giấy phép **mua bán nguyên liệu thuốc lá** bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, thì hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại.

+ Bản sao Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (nếu có).

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí thẩm định: Theo Thông tư số 168/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính (nếu có thẩm định).

h) Mẫu đơn: Theo phụ lục số 36 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Điều kiện cấp giấy phép kinh doanh nguyên liệu thuốc lá.

+ Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

+ Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. Doanh nghiệp có Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá chỉ được nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá cho các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.

+ Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ: Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

Phụ lục 36

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....
 3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
 4. Đã được.....(1) cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).....(2)
 5. Đề nghị(1) xem xét cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá với lý do sau:.....(3)
- Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)
-(5)xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.
- (2): Nếu Giấy phép đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy
- (3): Ghi rõ lý do đề nghị cấp lại Giấy phép.
- (4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị cấp lại Giấy phép.
- (5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy phép

44. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ :

- Thành phần hồ sơ:

- + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.
- + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- + Bản sao hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá và bản kê tổng hợp diện tích trồng, dự kiến sản lượng nguyên liệu lá thuốc lá.
- + Bảng kê danh sách người trồng cây thuốc lá, địa điểm, diện tích có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: **Sở Công Thương**
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): **không**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: **Sở Công Thương**

- Cơ quan phối hợp (nếu có): **không**

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí: 2.200.000 đồng

h) Mẫu đơn, tờ khai:

- Theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận

k) Điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện trồng cây thuốc lá:

- Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.
- Điều kiện về quy mô đầu tư: Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm;

- Điều kiện về quy trình kinh doanh nguyên liệu thuốc lá: Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.

- Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ: Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

- Căn cứ Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

Phụ lục 4

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

4. Đề nghị(1) xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trồng cây thuốc lá, cụ thể như sau:

- Loại cây thuốc lá:.....(2); Diện tích trồng cây thuốc lá.....(ha)

- Địa điểm trồng cây thuốc lá:.....

- Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....

.....(3) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

(2): Ghi cụ thể các loại cây thuốc lá (ví dụ: thuốc lá vàng sấy, thuốc lá Burley, thuốc lá Nâu...)

(3): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

45. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này, nếu có).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ gồm:

- **Thành phần hồ sơ:** Trường hợp giấy chứng nhận đầu tư trồng cây thuốc lá có thay đổi nội dung :

+ Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá đã cấp

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: **Sở Công Thương**
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): **không**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: **Sở Công Thương**

- Cơ quan phối hợp (nếu có): **không**

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí: 2.200.000 đồng (nếu có thẩm định)

h) Mẫu đơn: Theo Phụ lục số 26 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận

k) Điều kiện cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện trồng cây thuốc lá:

- Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.
- Điều kiện về quy mô đầu tư, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và con người: Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm

- Điều kiện về quy trình kinh doanh nguyên liệu thuốc lá: Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.

- Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ: Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

- Căn cứ Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

Phụ lục 26

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ
ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ**

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....;
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp
ngày.....tháng..... năm.....;

4. Đã được.....(1) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây
thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu
có).....(2)

5. Đề nghị(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều
kiện đầu tư trồng cây thuốc lá với nội dung sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi,
bổ sung của doanh nghiệp):

- Thông tin cũ:.....(3)
- Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....
- Lý do sửa đổi, bổ sung:.....
- Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)

.....(5) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh
doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số
106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng
01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện
đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương,
Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công
Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh
doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin
cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.
- (2): Nếu đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy.
- (3): Thông tin ghi trong Giấy chứng nhận cũ.
- (4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung.
- (5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

46. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ gồm:

- Thành phần hồ sơ:

+ Trường hợp **giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá** đã được cấp hết thời hạn hiệu lực thì **hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới**.

+ Trường hợp **giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá** bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, thì hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: **Sở Công Thương**

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): **không**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: **Sở Công Thương**

- Cơ quan phối hợp (nếu có): **không**

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn: Phụ lục 34 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận

k) Điều kiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện trồng cây thuốc lá:

- Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.

- Điều kiện về quy mô đầu tư, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và con người: Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm.

- Điều kiện về quy trình kinh doanh nguyên liệu thuốc lá: Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.

- Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ: Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

- Căn cứ Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

Phụ lục 34

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....;
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do
cấp ngày.....tháng..... năm.....

4. Đã được.....(1) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).....(2)

5. Đề nghị(1) xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá với lý do sau:.....(3)

Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)

.....(5) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.
- (2): Nếu đã được cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy
- (3): Ghi rõ lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.
- (4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị cấp lại.
- (5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

47. Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này, nếu có).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu)

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

+ Bản sao Bản tự công bố sản phẩm (theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ) hoặc Bản công bố sản phẩm (theo Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ) (đối với trường rượu có chức năng như thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt), Bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

+ Bản liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà doanh nghiệp dự kiến sản xuất.

+ Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

+ Bản sao bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của cán bộ kỹ thuật.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- d) Thời hạn giải quyết :** 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- đ) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Công Thương Đồng Nai
- e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động sản xuất rượu công nghiệp
- g) Phí, lệ phí:**
- Phí thẩm định điều kiện hoạt động : **2.200.000 đồng**/lần thẩm định/hồ sơ
- h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ.
- i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép
- k) Điều kiện cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp**
- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.
 - Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất
 - Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.
 - Đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.
 - Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu.
 - Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.
- l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**
- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
 - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
 - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

.....⁽¹⁾.....

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: Điện thoại:.....

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày..... tháng năm

Đề nghị.....⁽²⁾..... xem xét cấp Giấy phép.....⁽¹⁾....., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu:⁽³⁾.....

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:⁽⁴⁾.....

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:.....

.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

.....

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau:⁽⁵⁾

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

.....⁽⁶⁾ ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

48. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này, nếu có).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ).

+ Bản sao Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã được cấp.

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động sản xuất rượu công nghiệp

g) Phí, lệ phí:

- Trường hợp cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, thay đổi hoặc bổ sung các mặt hàng rượu do cơ sở sản xuất dẫn đến thay đổi quy trình sản xuất: Phí thẩm định điều kiện hoạt động : **2.200.000 đồng/lần** thẩm định/hồ sơ.

- Trường hợp thay đổi tên thương nhân, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ mặt hàng sản xuất: không thu phí.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Điều kiện cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất
- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.
- Đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.
- Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa
- Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP(1).....

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.....

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng..... năm

Giấy phép.....⁽¹⁾..... đã được cấp số..... do cấp ngày tháng năm

Giấy phép...⁽¹⁾....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:

Thông tin cũ:

Thông tin mới:⁽⁴⁾.....

.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

49. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này, nếu có).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

* Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp bị mất, hỏng hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ)

+ Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã được cấp (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết :

Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: **13** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp bị mất, hỏng: **06** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động sản xuất rượu công nghiệp

g) Phí, lệ phí:

Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: Phí thẩm định điều kiện hoạt động : **2.200.000 đồng**/lần thẩm định/hồ sơ.

Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp bị mất, hỏng: không thu phí.

h) Mẫu, biểu:

*Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp bị mất, hỏng:

- Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.

*Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực:

- Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Điều kiện cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất
- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.
- Đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.
- Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa
- Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

.....⁽¹⁾.....

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: Điện thoại:.....

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày..... tháng năm

Đề nghị.....⁽²⁾..... xem xét cấp Giấy phép.....⁽¹⁾....., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu:⁽³⁾.....

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:⁽⁴⁾.....

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:.....

.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

.....

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau:⁽⁵⁾

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

.....⁽⁶⁾ ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

Mẫu số 02 Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số:.....

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail

Mã số doanh nghiệp:

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày cấp/Nơi cấp:

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

2. Thành phần:

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe):

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:.....

Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số....; hoặc
- Thông tư của các bộ, ngành; hoặc
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hoặc
- Tiêu chuẩn Quốc gia (trong trường hợp chưa có các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các Bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương); hoặc
- Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia); hoặc
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN TIẾP NHẬN
ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ
SẢN PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: /năm/ĐKSP

..... (Tên cơ quan tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm)..... xác nhận
đã nhận Bản công bố sản phẩm của: (tên của tổ chức, cá
nhân) địa chỉ..... điện
thoại, ... Fax..... Email

..... cho sản phẩm:..... do (tên,
địa chỉ nơi sản xuất và nước xuất xứ) sản xuất, phù hợp quy chuẩn
kỹ thuật/quy định/tiêu chuẩn... (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã
công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY
(Ký tên, đóng dấu)

VII. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

50. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại Mục c của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại Mục h của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.

3. Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa.

4. Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

5. Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định chai LPG còn hiệu lực;

6. Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy đối với chai LPG.

* Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại mục 2, 3, 4 trên phải bổ sung tài liệu chứng minh có đường ống vận chuyển khí hoặc hợp đồng thuê đường ống vận chuyển khí; bản sao Giấy chứng nhận kiểm định đường ống còn hiệu lực và tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí:

* Phí thẩm định:

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

* Điều kiện đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí gồm:

1. Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
2. Có bồn chứa khí đáp ứng các quy định về an toàn hoặc có chai LPG đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường hoặc có hợp đồng thuê bồn, thuê chai LPG;
3. Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

* Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định trên còn phải có đường ống vận chuyển khí và trạm cấp khí đáp ứng đầy đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN LPG/LNG/CNG

Kính gửi: Sở Công Thương.

Tên thương nhân:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do

cấp ngày tháng năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ....
SỞ CÔNG THƯƠNG

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNĐĐK-SCT

....., ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH MUA BÁN LPG/LNG/CNG
GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương;

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG của⁽¹⁾;

Theo đề nghị của⁽²⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG

Tên thương nhân:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

do cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Đủ điều kiện kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG

Điều 2.⁽¹⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG có giá trị đến hết ngày... tháng năm;⁽³⁾ thay thế cho Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh LPG/LNG/CNG số/GCNĐĐK-BCT ngày ... tháng ... năm ... của Giám đốc Sở Công Thương./.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

-⁽¹⁾.

- ... ;

- Lưu: VT,...

Chú thích:

⁽¹⁾ Tên thương nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

⁽²⁾ Tên đơn vị trình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

⁽³⁾ Sử dụng trong trường hợp cấp điều chỉnh/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

51. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí: Không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:
do..... cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

52. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại Mục c của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại Mục h của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí: Không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:
do..... cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

.....ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

53. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại Mục c của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại Mục h của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.

3. Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa.

4. Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

5. Tài liệu chứng minh có trạm cấp LNG hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2018/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

6. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại mục 2, 3, 4 trên phải bổ sung tài liệu chứng minh có đường ống vận chuyển khí hoặc hợp đồng thuê đường ống vận chuyển khí; bản sao Giấy chứng nhận kiểm định đường ống còn hiệu lực và tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí:

* Phí thẩm định:

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

* Điều kiện đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí gồm:

1. Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

2. Có bồn chứa khí đáp ứng các quy định về an toàn hoặc có chai LPG đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường hoặc có hợp đồng thuê bồn, thuê chai LPG;

3. Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

4. Có trạm cấp LNG hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

* Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định trên còn phải có đường ống vận chuyển khí và trạm cấp khí đáp ứng đầy đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN LPG/LNG/CNG

Kính gửi: Sở Công Thương.

Tên thương nhân:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

do cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

...., ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ....
SỞ CÔNG THƯƠNG

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNĐĐK-SCT

....., ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH MUA BÁN LPG/LNG/CNG
GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương;

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG của⁽¹⁾;

Theo đề nghị của⁽²⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG

Tên thương nhân:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

do cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Đủ điều kiện kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG

Điều 2.⁽¹⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG có giá trị đến hết ngày... tháng năm;⁽³⁾ thay thế cho Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh LPG/LNG/CNG số/GCNĐĐK-BCT ngày ... tháng ... năm ... của Giám đốc Sở Công Thương./.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

-⁽¹⁾.

- ... ;

- Lưu: VT,...

Chú thích:

⁽¹⁾ Tên thương nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

⁽²⁾ Tên đơn vị trình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

⁽³⁾ Sử dụng trong trường hợp cấp điều chỉnh/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

54. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại Mục c của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại Mục h của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí: Không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:
do..... cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

55. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại Mục c của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại Mục h của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí: Không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:
do..... cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

56. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.

3. Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

4. Tài liệu chứng minh có xe bồn CNG đã được kiểm định còn hiệu lực;

5. Tài liệu chứng minh có trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2018/NĐ-CP và pháp luật có liên quan;

6. Tài liệu chứng minh có trạm nén CNG đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2018/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

7. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại mục 2, 3, 4 trên phải bổ sung tài liệu chứng minh có đường ống vận chuyển khí hoặc hợp đồng thuê đường ống vận chuyển khí; bản sao Giấy chứng nhận kiểm định đường ống còn hiệu lực và tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí:

* Phí thẩm định:

- 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

* Điều kiện đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí gồm:

1. Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

2. Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

3. Có xe bồn CNG, trạm nén CNG, trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

* Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định trên còn phải có đường ống vận chuyển khí và trạm cấp khí đáp ứng đầy đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN LPG/LNG/CNG

Kính gửi: Sở Công Thương.

Tên thương nhân:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

do cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

...., ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Số: /GCNĐĐK-SCT

....., ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH MUA BÁN LPG/LNG/CNG
GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương;

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG của⁽¹⁾;

Theo đề nghị của⁽²⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG

Tên thương nhân:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

do cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Đủ điều kiện kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG

Điều 2.⁽¹⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG có giá trị đến hết ngày... tháng năm;⁽³⁾ thay thế cho Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh LPG/LNG/CNG số/GCNĐĐK-BCT ngày ... tháng ... năm ... của Giám đốc Sở Công Thương./.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

-⁽¹⁾.

- ... ;

- Lưu: VT,...

Chú thích:

⁽¹⁾ Tên thương nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

⁽²⁾ Tên đơn vị trình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

⁽³⁾ Sử dụng trong trường hợp cấp điều chỉnh/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

57. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí: Không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:
do..... cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

58. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí: Không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:
do..... cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

59. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh;

+ Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng;

+ Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- **Số lượng hồ sơ nộp:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 12 (mười hai) ngày làm việc, cụ thể:

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung;

- Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương sẽ phối hợp với các sở, ngành liên quan xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho khách hàng. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cảnh sát PC&CC, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Khoa học và Công nghệ.

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh LPG.

g) Phí, lệ phí:

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.
- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.
- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.
- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai theo Mẫu số số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: GCNĐĐK nạp LPG vào chai.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Trạm nạp LPG vào chai phải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng;
- Đáp ứng điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
TRẠM NẠP LPG VÀO CHAI

Kính gửi: Sở Công Thương....

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:.....
do cấp ngày..... tháng..... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai/nạp LPG vào xe bồn/nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

60. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

- **Số lượng hồ sơ nộp:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung;

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương sẽ xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho khách hàng. Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản cho khách hàng biết và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh LPG.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: GCNĐĐKK

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp lại trong trường hợp: Bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
TRẠM NẠP LPG VÀO CHAI

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:
do cấp ngày..... tháng..... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

.....,ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

61. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

+ Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- **Số lượng hồ sơ nộp:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung;

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương sẽ xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho khách hàng. Trường hợp từ chối cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản cho khách hàng biết và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh LPG.

g) Phí, lệ phí:

- 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: GCNĐĐK

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
TRẠM NẠP LPG VÀO CHAI

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:
do cấp ngày..... tháng..... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

.....,ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

62. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh;

+ Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng;

+ Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

- **Số lượng hồ sơ nộp:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 12 (mười hai) ngày làm việc, cụ thể:

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung;

- Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương sẽ phối hợp với các sở, ngành liên quan xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho khách hàng. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cảnh sát PC&CC, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Khoa học và Công nghệ.

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh LPG.

g) Phí, lệ phí:

- **1.200.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **400.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **600.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: GCNĐĐK nạp LPG vào xe bồn.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Trạm nạp LPG vào xe bồn phải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng.

- Đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
TRẠM NẠP LPG VÀO XE BỒN

Kính gửi: Sở Công Thương....

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:.....
do cấp ngày..... tháng..... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai/nạp LPG vào xe bồn/nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số ../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số ../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

63. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào xe bồn theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

- **Số lượng hồ sơ nộp:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung;

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương sẽ xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho khách hàng. Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản cho khách hàng biết và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh LPG.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào xe bồn theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: GCNĐĐK

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp lại trong trường hợp: Bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
TRẠM NẠP LPG VÀO XE BỒN

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:
do cấp ngày..... tháng..... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

.....,ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

64. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào xe bồn theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

+ Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- **Số lượng hồ sơ nộp:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung;

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương sẽ xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho khách hàng. Trường hợp từ chối cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản cho khách hàng biết và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh LPG.

g) Phí, lệ phí:

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào xe bồn theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: GCNĐĐK

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NẠP LPG
VÀO XE BỒN

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:

do cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

65. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh;

+ Tài liệu chứng minh trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng;

+ Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

- **Số lượng hồ sơ nộp:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung;

- Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương sẽ phối hợp với các sở, ngành liên quan xem

xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho khách hàng. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Khoa học và Công nghệ, Sở cảnh sát PCCC

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh LPG.

g) Phí, lệ phí:

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.
- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.
- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.
- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: GCNĐĐK nạp LPG vào phương tiện vận tải.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải phải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng;
- Đáp ứng các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRẠM NẠP LPG VÀO
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Kính gửi: Sở Công Thương....

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:.....
do cấp ngày..... tháng..... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai/nạp LPG vào xe bồn/nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

66. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ nộp: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung;

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương sẽ xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho khách hàng. Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản cho khách hàng biết và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh LPG.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: GCNĐĐKK

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp lại trong trường hợp: Bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NẠP LPG
VÀO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:

do cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

....,ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

67. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

+ Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- **Số lượng hồ sơ nộp:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung;

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương sẽ xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho khách hàng. Trường hợp từ chối cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản cho khách hàng biết và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh LPG.

g) Phí, lệ phí:

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: GCNĐĐK

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NẠP LPG
VÀO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:

do cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

....,ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

68. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh;

+ Tài liệu chứng minh trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng;

+ Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

- **Số lượng hồ sơ nộp:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung;

- Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương sẽ phối hợp với các sở, ngành liên quan xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho khách hàng. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Khoa học và Công nghệ, Sở cảnh sát PCCC

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh LNG.

g) Phí, lệ phí:

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.
- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.
- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.
- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: GCNĐĐK nạp LNG vào phương tiện vận tải.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải phải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng.
- Đáp ứng các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRẠM NẠP LNG VÀO
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Kính gửi: Sở Công Thương....

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:.....
do cấp ngày..... tháng..... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai/nạp LPG vào xe bồn/nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

69. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ nộp: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung;

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương sẽ xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho khách hàng. Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản cho khách hàng biết và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh LNG.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: GCNĐĐKK

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp lại trong trường hợp: Bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NẠP LNG
VÀO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:

do cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

70. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

+ Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- **Số lượng hồ sơ nộp:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung;

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương sẽ xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho khách hàng. Trường hợp từ chối cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản cho khách hàng biết và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh LNG.

g) Phí, lệ phí:

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: GCNĐĐK

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NẠP LNG
VÀO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:

do cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

....,ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

71. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh;

+ Tài liệu chứng minh trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng;

+ Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

- Số lượng hồ sơ nộp: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung;

- Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương sẽ phối hợp với các sở, ngành liên quan xem

xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho khách hàng. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Khoa học và Công nghệ, Sở cảnh sát PCCC

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh CNG.

g) Phí, lệ phí:

- 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.
- 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.
- 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.
- 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: GCNĐĐK nạp CNG vào phương tiện vận tải.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có

- Là thương nhân được thành lập theo quy định pháp luật
- Trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải phải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng;
- Đáp ứng các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRẠM NẠP CNG VÀO
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Kính gửi: Sở Công Thương....

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:.....
do cấp ngày..... tháng..... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai/nạp LPG vào xe bồn/nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

72. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ nộp: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung;

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương sẽ xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho khách hàng. Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản cho khách hàng biết và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương
- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh CNG.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: GCNĐĐKK

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp lại trong trường hợp: Bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NẠP CNG
VÀO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:

do cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

73. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

+ Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- **Số lượng hồ sơ nộp:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung;

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương sẽ xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho khách hàng. Trường hợp từ chối cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản cho khách hàng biết và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh CNG.

g) Phí, lệ phí:

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: GCNĐĐK

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NẠP LNG
VÀO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:

do cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VIII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CẠNH TRANH

74. Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018).

- 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;

- 01 bản sao GCN đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (nếu có) hoặc 01 văn bản ủy quyền cho người đại diện tại địa phương, kèm theo 01 bản sao được chứng thực chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện đó trong trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương;

- Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương đến thời điểm nộp hồ sơ (danh sách ghi rõ: Họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú trong trường hợp không cư trú tại nơi thường trú), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc hộ chiếu, số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số người tham gia, điện thoại liên hệ của người tham gia bán hàng đa cấp).

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, thảo vấn bản thông báo cho doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ không quá 15

ngày làm việc kể từ ngày ban hành thông báo. Sở Công Thương trả lại hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn nêu trên.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ:

- + Thảo văn bản xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trình Lãnh đạo Sở ký duyệt.

- + Trường hợp từ chối xác nhận: Thảo văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

Thương nhân có đủ điều kiện và có nhu cầu thực hiện đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (theo mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018)

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

Được quy định tại Điều 20 Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018: Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:

- Là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và được Bộ Công Thương cấp chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

- Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký tại Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và chỉ được phép tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp sau khi có xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bằng văn bản của Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đó.

- Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm ủy quyền cho một cá nhân cư trú tại địa phương làm người đại diện tại địa phương để thay mặt doanh nghiệp làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đó.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004;
- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016.

- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:/...../..... Lần thay đổi gần nhất:/...../.....

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:.....

Do: Cấp lần đầu ngày:/...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh/thành phố.....

như sau:

1. Thời gian dự kiến bắt đầu hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:....

2. Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp, tại địa phương (bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, các địa điểm kinh doanh nếu có):

Tên doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:.....

Người đứng đầu:.....

Điện thoại liên hệ của người đứng đầu: Email:

3. Người đại diện tại địa phương (trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương):

Họ tên:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do: Cấp ngày:/...../.....

Điện thoại: Fax: Email:.....

Địa chỉ liên lạc:

Văn bản ủy quyền số:..... ngày

4. Văn bản, tài liệu kèm theo:

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên và đóng dấu)

UBND TỈNH....
SỞ CÔNG THƯƠNG...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

**XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP
TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Sở Công Thương tỉnh/thành phố..... xác nhận

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:/...../..... Lần thay đổi gần nhất:/...../.....

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:/...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

**Đã đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại tỉnh/thành phố với
nội dung như sau:**

1. Thời gian dự kiến bắt đầu hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:....

2. Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp, tại địa phương (bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, các địa điểm kinh doanh nếu có):

Tên doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:.....

Người đứng đầu:.....

Điện thoại liên hệ của người đứng đầu: Email:

3. Người đại diện tại địa phương (trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương):

Họ tên:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do: Cấp ngày:/...../.....

Điện thoại: Fax: Email:.....

Địa chỉ liên lạc:

Văn bản ủy quyền số:..... ngày

Khi có bất kỳ thay đổi nào về một hoặc một số nội dung đã đăng ký, doanh nghiệp có trách nhiệm đăng ký sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật.

Đại diện Sở Công Thương

(Ký tên và đóng dấu)

75. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018).

- 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;

- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (nếu có) hoặc 01 văn bản ủy quyền cho người đại diện tại địa phương, kèm theo 01 bản sao được chứng thực chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện đó trong trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương;

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, thảo vấn bản thông báo cho doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Doanh nghiệp được bổ sung hồ sơ 01 lần trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành thông báo. Sở Công Thương trả lại hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn nêu trên.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ:

- + Thảo văn bản xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trình Lãnh đạo Sở ký duyệt.
- + Trường hợp từ chối xác nhận: Thảo văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

Thương nhân có trách nhiệm thực hiện việc sửa đổi, bổ sung đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (theo mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018)

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

Được quy định tại Điều 22 Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018: Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:

- Là doanh nghiệp được Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.
- Trong quá trình hoạt động bán hàng đa cấp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương tới Sở Công Thương khi có một trong các thay đổi liên quan đến:
 - + Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương;
 - + Người đại diện của doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại địa phương.
- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi thông tin, doanh nghiệp có trách nhiệm gửi đăng ký sửa đổi, bổ sung đến Sở Công Thương.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004;
- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016.
- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG
HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:/...../..... Lần thay đổi gần nhất:/...../.....

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số

Do: Cấp lần đầu ngày:/...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

3. Xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp địa phương số:

Do:..... Cấp ngày:/...../.....

Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh/thành phố..... như sau:

1. Nội dung đăng ký sửa đổi, bổ sung:

.....

2. Lý do sửa đổi, bổ sung:

.....

3. Văn bản, tài liệu kèm theo:.....

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên và đóng dấu)

UBND TỈNH....
SỞ CÔNG THƯƠNG...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

**XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG
Sở Công Thương tỉnh/thành phố..... xác nhận**

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:/...../..... Lần thay đổi gần nhất:/...../.....

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số

Do: Cấp lần đầu ngày:/...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

**Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại tỉnh/
thành phố..... như sau:**

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Khi có bất kỳ thay đổi nào về một hoặc một số nội dung đã đăng ký, doanh nghiệp có trách nhiệm đăng ký sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật.

Đại diện Sở Công Thương
(Ký tên và đóng dấu)

76. Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018).

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bán hàng đa cấp phát sinh tại địa phương (Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018).

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: doanh nghiệp có hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 11, 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

k) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC:

Là Doanh nghiệp được Sở Công Thương cấp xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004;
- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;
- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

THÔNG BÁO
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:/...../..... Lần thay đổi gần nhất:/...../.....

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số

Do: Cấp lần đầu ngày:/...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

3. Xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương số:

Do:..... Cấp ngày:/...../.....

Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại tỉnh/thành phố..... như sau:

1. Lý do chấm dứt hoạt động:

2. Thời gian bắt đầu chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

3. Thông tin liên hệ tại trụ sở chính:

Người liên hệ:

Chức vụ:

Điện thoại Fax:

Email:

4. Thông tin liên hệ tại địa phương:

4.1. Tên doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:.....

Người đứng đầu:.....

Điện thoại liên hệ của người đứng đầu: Email:

4.2. Người đại diện tại địa phương (trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương):

Họ tên:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:.....

Do: Cấp ngày:/...../.....

Điện thoại: Fax:..... Email:.....

Địa chỉ liên lạc:

5. Tài liệu kèm theo:

.....

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên và đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**
 ----- **NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁN HÀNG ĐA CẤP PHÁT SINH TẠI ĐỊA PHƯƠNG
Kỳ báo cáo.....

Kính gửi:

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Chi nhánh/Văn phòng đại diện tại địa phương (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Người đại diện tại địa phương (trường hợp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương):

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

1. Hoạt động bán hàng đa cấp của trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương

STT	Trụ sở chính/Chi nhánh/Văn phòng đại diện/Địa điểm kinh doanh	Địa chỉ	Người đứng đầu	Điện thoại liên hệ	Tình trạng hoạt động hiện tại
1					
2					
3					

(Doanh nghiệp kê khai đầy đủ thông tin về trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương. Tình trạng hoạt động hiện tại của chi nhánh/địa điểm kinh doanh: đang hoạt động hoặc đã ngừng hoạt động.)

2. Mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương

+ Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương tính đến thời điểm báo cáo

+ Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương phát sinh mới trong kỳ báo cáo

+ Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương chấm dứt hợp đồng trong kỳ báo cáo

(Chỉ tiêu báo cáo: họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú trong trường hợp không cư trú tại nơi thường trú), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số người tham gia, điện thoại liên hệ của người tham gia bán hàng đa cấp)

3. Doanh thu bán hàng đa cấp tại địa phương

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	
		Doanh thu chưa gồm VAT (triệu đồng)	Doanh thu bao gồm VAT (triệu đồng)
1	Thực phẩm chức năng/Thực phẩm bổ sung sức khỏe		
2	Mỹ phẩm		
3	Quần áo/Thời trang		
4	Thiết bị		
5	Đồ gia dụng		
6	Khác		
7	Tổng cộng		

(Doanh nghiệp báo cáo nội dung này dựa trên doanh thu bán hàng đa cấp cho người tham gia, khách hàng tại địa phương)

4. Hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế, khuyến mại trả cho người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương

Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương nhận hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế, khuyến mại trong kỳ báo cáo

(Chỉ tiêu báo cáo: họ tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp; mã số người tham gia; doanh thu bán hàng trong kỳ; giá trị hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế đã nhận trong kỳ; giá trị khuyến mại quy đổi thành tiền trong kỳ; khấu trừ thuế thu nhập cá nhân)

5. Kết quả hoạt động kinh doanh

(Nội dung này chỉ áp dụng đối với báo cáo định kỳ năm)

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (triệu đồng)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
	Các khoản giảm trừ	
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	
	Doanh thu từ bán hàng đa cấp	
	Doanh thu khác	

3	Doanh thu hoạt động tài chính	
4	Giá vốn hàng bán	
	Giá vốn mặt hàng đa cấp	
	Giá vốn ngoài mặt hàng đa cấp (nếu có)	
5	Chi phí quản lý, kinh doanh	
	Chi phí hoa hồng	
	Chi phí khuyến mãi	
	Chi phí bán hàng khác	
	Chi phí quản lý	
	Chi phí tài chính	
6	Lợi nhuận trước thuế	
7	Lợi nhuận sau thuế	

(Doanh nghiệp báo cáo nội dung này dựa trên báo cáo gửi cơ quan thuế tại các địa phương nơi doanh nghiệp có trụ sở chính, chi nhánh)

6. Thực hiện nghĩa vụ ngân sách đối với nhà nước

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (triệu đồng)
1	Thuế môn bài	
2	Thuế giá trị gia tăng (VAT)	
3	Thuế xuất nhập khẩu	
4	Thuế thu nhập cá nhân (của người lao động)	
5	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ người tham gia BHDC	
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	
7	Khác	
	Tổng cộng	

(Doanh nghiệp báo cáo nội dung này dựa trên báo cáo gửi cơ quan thuế tại các địa phương nơi doanh nghiệp có trụ sở chính, chi nhánh)

7. Chương trình khuyến mại tại địa phương

STT	Tên chương trình khuyến mại	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Giá trị khuyến mại đăng ký/ thông báo	Giá trị khuyến mại thực hiện
1					
2					
3					

(Kết quả thực hiện các chương trình khuyến mại trong kỳ báo cáo)

8. Tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo tại địa phương

STT	Tên hội nghị, hội thảo, đào tạo	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Nội dung	Số lượng người tham dự
1					
2					
3					

(Các hội nghị, hội thảo đào tạo được doanh nghiệp thông báo tới Sở Công Thương và thực hiện trong kỳ báo cáo)

9. Đào tạo cơ bản cho người tham gia bán hàng đa cấp

STT	Họ tên	CMND	Mã số người tham gia	Điện thoại	Thời gian đào tạo	Phương thức đào tạo	Ngày cấp Thẻ thành viên
1							
2							
3							

(Đào tạo cơ bản cho người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương trong kỳ: họ tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; mã số người tham gia; điện thoại liên hệ; thời gian đào tạo; phương thức đào tạo; ngày cấp Thẻ thành viên)

10. Mua lại hàng hóa từ người tham gia bán hàng đa cấp

STT	Họ tên	CMND	Mã số người tham gia	Điện thoại	Giá trị hàng hóa trả lại	Khấu trừ	Giá trị đã chi trả	Giá trị còn lại
1								
2								
3								
Tổng cộng								

(Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương có yêu cầu trả lại hàng hóa: họ tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; mã số người tham gia; điện thoại liên hệ; giá trị hàng hóa trả lại; giá trị khấu trừ; giá trị đã chi trả; giá trị còn lại)

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

77. Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo (Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018);

- Nội dung, tài liệu trình bày tại hội thảo, số lượng người tham gia dự kiến;

- Danh sách báo cáo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo kèm theo hợp đồng thuê khoán của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, nội dung báo cáo của báo cáo viên;

- 01 bản chính văn bản ủy quyền trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân thực hiện đào tạo hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- **05 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung. Thời hạn sửa đổi, bổ sung là **10 ngày** làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn **05 ngày** làm việc, Sở Công Thương thảo văn bản xác nhận.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: doanh nghiệp .

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn **05** ngày làm việc, Sở Công Thương nhận được thông báo, Sở Công Thương không có yêu cầu sửa đổi bổ sung doanh nghiệp được phép tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo như đã thông báo.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ Sở Công Thương thông báo bằng văn bản để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung. Thời hạn sửa đổi, bổ sung là **10** ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Là Doanh nghiệp được Sở Công Thương cấp xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004;

- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày.... tháng.... năm.....

**THÔNG BÁO TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO, ĐÀO TẠO
 VỀ BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):⁽¹⁾

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:/...../..... Lần thay đổi gần nhất:/...../.....

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:/...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần..... ngày

3. Xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương số:.....

Do:..... Cấp ngày:/...../.....

Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo tại tỉnh/thành phố..... như sau⁽²⁾:

1. Tên hội nghị, hội thảo, đào tạo:

2. Thời gian tổ chức:

3. Địa điểm tổ chức:

4. Nội dung:

5. Số lượng người tham gia dự kiến:

6. Văn bản, tài liệu kèm theo:

.....

.....

7. Người liên hệ:..... Điện thoại:

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Đại diện theo pháp luật
của doanh nghiệp/Chi nhánh/Văn phòng đại diện
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:⁽¹⁾ Thông tin về doanh nghiệp hoặc chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại địa phương.

⁽²⁾ Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có thể thông báo về việc tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp trong cùng một văn bản thông báo.

78. Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

*** Trường hợp đăng ký thủ tục qua mạng điện tử, hồ sơ gồm:**

01 bản scan màu Đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (Thông tư 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013).

01 bản scan màu Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung được đóng dấu treo của doanh nghiệp kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ văn bản.

01 bản mềm dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word.

*** Trường hợp nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện, hồ sơ gồm:**

Đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (Thông tư 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013).

01 bản cứng Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung có đóng dấu treo của doanh nghiệp kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ văn bản.

01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft word.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến.

g) Phí, lệ phí: Không

h) Mẫu đơn: Đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung quy định tại Thông tư 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Xác nhận hoặc chưa xác nhận hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010;

- Nghị định 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

- Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;

- Thông tư số 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013 của Bộ Công Thương về việc ban hành mẫu đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG THEO MẪU,
ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG (1)**

Kính gửi (2):.....

Tổ chức, cá nhân kinh doanh (3):.....

I. Nội dung đề nghị đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung(1):

1. Đăng ký lần đầu/ đăng ký lại:
2. Áp dụng cho loại hàng hóa/dịch vụ:.....
3. Đối tượng áp dụng (4):.....
4. Phạm vi áp dụng (5):.....
5. Thời gian áp dụng (6):.....

II. Tổ chức, cá nhân kinh doanh cam kết và hiểu rằng:

1. Đảm bảo hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung tuân thủ các quy định pháp luật là nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh;

2. Bất cứ khi nào phát hiện thấy nội dung của hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cơ quan chấp nhận đăng ký có quyền và trách nhiệm yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh phải sửa đổi, hủy bỏ nội dung vi phạm đó.

3. Đã tìm hiểu kỹ quy định pháp luật và cam kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung nộp kèm theo Đơn đăng ký này không có các điều khoản vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các nguyên tắc chung về giao kết hợp đồng.

4. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung đơn đăng ký và tài liệu kèm theo.

Tổ chức, cá nhân kinh doanh (7)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo (8):

Hướng dẫn ghi đơn đăng ký:

- (01) Đề nghị đăng ký hợp đồng theo mẫu **hay** điều kiện giao dịch chung.
- (02) - Cục Quản lý cạnh tranh: trong trường hợp hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung áp dụng trên phạm vi cả nước hoặc áp dụng trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;
- Sở Công Thương: trong trường hợp hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung áp dụng trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- (03) Ghi rõ những thông tin sau đây:
- Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh
 - Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy Chứng nhận đầu tư
 - Địa chỉ liên lạc
 - Ngành, nghề kinh doanh liên quan đến hàng hóa/dịch vụ đăng ký hợp đồng theo mẫu/điều kiện giao dịch chung
 - Điện thoại, fax, email (nếu có)
 - Người liên hệ (Họ tên, điện thoại, email)
- (04) Ghi rõ đối tượng người tiêu dùng là tổ chức, cá nhân hay áp dụng cho tất cả người tiêu dùng.
- (05) Áp dụng trên cả nước hay một, một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong trường hợp không áp dụng trên cả nước).
- (06) Thời gian bắt đầu áp dụng: ghi thời gian áp dụng cụ thể nếu không áp dụng ngay sau ngày hoàn thành việc đăng ký (nếu có) hoặc ghi áp dụng từ thời điểm hoàn thành việc đăng ký.
- (07) Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh. Người đại diện theo ủy quyền ký thì cần gửi kèm theo Giấy Ủy quyền.
- (08) Trong trường hợp gửi hồ sơ bằng phương tiện điện tử:
- 01 bản scan màu Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung được đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ văn bản;
 - 01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word;
- Trong trường hợp gửi hồ sơ bằng phương thức khác:
- 01 bản cứng Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung có đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ văn bản;
 - 01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word.

IX. LĨNH VỰC DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

79. Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ thực hiện theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký.

- Số lượng hồ sơ: **01** bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

g) Phí, lệ phí: không.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ thực hiện theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Thông báo.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;
- Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16/12/2011 của Chính phủ sửa đổi thủ tục hành chính tại Nghị định hướng dẫn Luật Thương mại;
- Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29/12/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về dịch vụ giám định thương mại tại Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16/12/2011 và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 16/12/2011;
- Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;

PHỤ LỤC
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ DẤU NGHIỆP VỤ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

., ngày.... tháng.... năm....

ĐƠN ĐĂNG KÝ DẤU NGHIỆP VỤ

Kính gửi: Sở Công Thương Đồng Nai

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....

Email (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Cơ quan cấp:..... Ngày cấp:...../...../.....

Vốn điều lệ:

Nội dung đăng ký:

☐ Cấp mới ☐ Thay đổi¹ ☐ Bổ sung

Lĩnh vực thực hiện dịch vụ giám định:

.....

(Ví dụ nông sản, lâm sản, thủy sản, khoáng sản, kim loại, hóa chất vv...)

Thương nhân cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn này và hồ sơ kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên và đóng dấu)

¹ Trong trường hợp đã đăng ký dấu nghiệp vụ nhưng thay đổi tên thương nhân; biểu tượng công ty hoặc nội dung khác, thương nhân gửi kèm theo thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định đã được cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ thông báo hoặc dấu nghiệp vụ giám định cũ đã đăng ký.

80. Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ thực hiện theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

+ Bản sao Thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ giám định thương mại đã được cấp;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: **01** bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

g) Phí, lệ phí: không.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ thực hiện theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Thông báo.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;
- Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16/12/2011 của Chính phủ sửa đổi thủ tục hành chính tại Nghị định hướng dẫn Luật Thương mại;
- Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29/12/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về dịch vụ giám định thương mại tại Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16/12/2011 và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 16/12/2011;
- Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;

PHỤ LỤC
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ DẤU NGHIỆP VỤ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

., ngày.... tháng.... năm....

ĐƠN ĐĂNG KÝ DẤU NGHIỆP VỤ

Kính gửi: Sở Công Thương Đồng Nai

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....

Email (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Cơ quan cấp:..... Ngày cấp:...../...../.....

Vốn điều lệ:

Nội dung đăng ký:

☐ Cấp mới ☐ Thay đổi¹ ☐ Bổ sung

Lĩnh vực thực hiện dịch vụ giám định:

.....

(Ví dụ nông sản, lâm sản, thủy sản, khoáng sản, kim loại, hóa chất vv...)

Thương nhân cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn này và hồ sơ kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên và đóng dấu)

¹ Trong trường hợp đã đăng ký dấu nghiệp vụ nhưng thay đổi tên thương nhân; biểu tượng công ty hoặc nội dung khác, thương nhân gửi kèm theo thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định đã được cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ thông báo hoặc dấu nghiệp vụ giám định cũ đã đăng ký.

X. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

81. Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký (theo biểu mẫu kèm theo)

+ Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;

+ Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bỏ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện;

+ Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

+ Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện;

+ Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 và quy định pháp luật có liên quan.

Bản sao là:

+ Bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công văn hành chính);

+ Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp);

+ Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Công an tỉnh.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện: **3.000.000** đồng.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu MĐ-1 ban hành kèm theo thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có.

- Thương nhân nước ngoài được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc được pháp luật các quốc gia, vùng lãnh thổ này công nhận;

- Thương nhân nước ngoài đã hoạt động ít nhất 01 năm, kể từ ngày được thành lập hoặc đăng ký;

- Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ;

- Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phải phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

- Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập Văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành (sau đây gọi chung là Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành).

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại năm 2005;
- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết luật thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại việt nam
- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;
- Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính tại một số Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại./.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)
Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)
Tên thương nhân viết tắt
Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:
Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:
Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:
Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp) ..
Số tài Khoản:..... tại Ngân hàng:
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website:
Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

Văn phòng đại diện số 1:

Tên Văn phòng đại diện:
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:..... Ngày cấp.../.../...
Cơ quan cấp:
Mã số thuế:
Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện số ...:

.....(khai báo tương tự như trên)
Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

Văn phòng đại diện số ...:

Tên Văn phòng đại diện:
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:..... Ngày cấp.../.../...
Cơ quan cấp:
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Thời Điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động:

Văn phòng đại diện số ...:

.....(khai báo tương tự như trên)

Đề nghị cấp (cấp lại)¹ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số ...² như sau:

Tên Văn phòng đại diện:

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)

-.....

-.....

Thời hạn của Giấy phép thành lập:

Người đứng đầu Văn phòng đại diện³:

Họ và tên:..... Giới tính:

Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹ Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

² Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

³ Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân.

82. Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc *nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (theo biểu mẫu kèm theo).

- Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi, cụ thể:

+ Trường hợp thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài: bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài.

+ Trường hợp thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài.

+ Trường hợp thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện: bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi của thương nhân nước ngoài.

+ Trường hợp thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện: Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng

đại diện; bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện, đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi.

+ Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 của Chính phủ và quy định pháp luật có liên quan.

- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí:

- Lệ phí điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

- Mức phí: **1.500.000** đồng.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (theo biểu mẫu kèm theo).

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

Trong những trường hợp sau đây, thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, chi nhánh với cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi:

- Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện, chi nhánh;

- Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài trong phạm vi nước nơi thương nhân thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;

- Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh tại Việt Nam;
- Thay đổi tên gọi hoặc hoạt động của Văn phòng đại diện.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại năm 2005 ;
- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết luật thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại việt nam
- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên thương nhân viết tắt:

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:

Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có)

Đề nghị Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: Ngày cấp/...../

⁶Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có)

Mã số thuế:

Nội dung Điều chỉnh:

Lý do Điều chỉnh:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁶ Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

83. Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

+ Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;

+ Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

+ Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: 1.500.000 đồng.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: MĐ-4 Phụ lục I, Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, chi nhánh.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Trong thời hạn ít nhất 30 ngày, trước khi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, chi nhánh hết hạn, thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục gia hạn.

- Thời hạn cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, chi nhánh thực hiện như thời hạn cấp mới giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, chi nhánh theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 của Chính phủ.

- Ngay sau khi hết thời hạn quy định nêu tại điều này mà cơ quan có thẩm quyền không gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, chi nhánh thì phải thông báo bằng văn bản cho thương nhân về lý do không gia hạn giấy phép.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại năm 2005;

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết luật thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại việt nam;

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Mã số doanh nghiệp:.....

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:.....

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có)

Đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: Ngày cấp:/...../.....

⁷Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Mã số thuế:

Số lao động làm việc tại Văn phòng đại diện tại thời Điểm gia hạn:... người;
trong đó:

- Số lao động nước ngoài:... người;

- Số lao động Việt Nam: ... người.

Thời hạn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁷ Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

84. Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc *nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua *hệ thống bưu điện*) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

+ Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 của Chính phủ;

+ Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp;

+ Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện nơi chuyển đến theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 của Chính phủ.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí:

Lệ phí cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

Mức phí: **1.500.000** đồng.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: MĐ-3 Phụ lục I, Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, chi nhánh.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Trong những trường hợp sau đây, thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, chi nhánh với cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi:

+ Chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác

+ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại năm 2005;

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết luật thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại việt nam

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)
Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)
Tên thương nhân viết tắt
Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp:
Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:
Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:
Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp) ..
Số tài Khoản:..... tại Ngân hàng:
Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:
Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

Văn phòng đại diện số 1:

Tên Văn phòng đại diện:
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:..... Ngày cấp.../.../...
Cơ quan cấp:
Mã số thuế:
Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện số ...:

.....(khai báo tương tự như trên)
Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

Văn phòng đại diện số ...:

Tên Văn phòng đại diện:
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:..... Ngày cấp.../.../...
Cơ quan cấp:
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Thời Điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động:

Văn phòng đại diện số ...:

.....(khai báo tương tự như trên)

Đề nghị cấp (cấp lại)¹ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số ...² như sau:

Tên Văn phòng đại diện:

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)

-.....

-.....

Thời hạn của Giấy phép thành lập:

Người đứng đầu Văn phòng đại diện³:

Họ và tên:..... Giới tính:

Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹ Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

² Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

³ Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân.

85. Chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016;

+ Bản sao văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh (đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP) hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh của Cơ quan cấp Giấy phép (đối với trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016);

+ Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;

+ Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;

+ Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- TB-1 phụ lục V thông báo dự kiến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/chi nhánh;

- TB-2 phụ lục V thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/chi nhánh.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản xác nhận.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- Theo đề nghị của thương nhân nước ngoài và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

- Khi thương nhân nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của nước nơi thương nhân đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;

- Hết thời hạn hoạt động theo giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, chi nhánh mà thương nhân nước ngoài không đề nghị gia hạn;

- Hết thời gian hoạt động theo giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, chi nhánh mà không được cơ quan cấp giấy phép chấp thuận gia hạn;

- Bị thu hồi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, chi nhánh theo quy định tại Khoản 2, Điều 28 của Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016./.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại năm 2005;

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết luật thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN.../CHI NHÁNH ... TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: ... (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh).....

Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh trong Giấy phép thành lập):

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh số....Ngày cấp: ... /.../.....

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh theo Giấy phép thành lập)

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có)

Thời hạn hoạt động: từ ngày.... tháng... năm.... đến ngày... tháng... năm.....

¹¹Thông báo việc thanh toán (hoặc chưa thanh toán) các Khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.../Chi nhánh...:

1. Thuế:

2. Bảo hiểm xã hội:.....

3. Các Khoản khác:

4. Các nghĩa vụ khác (nếu có):

Đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện.../Chi nhánh tại Việt Nam:

Từ ngày...tháng...năm...

Lý do chấm dứt hoạt động:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹¹ Trong trường hợp chấm dứt hoạt động do chuyển địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, không phải kê khai nội dung này.

86. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);
 - + Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;
 - + Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;
 - + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Công Thương, bộ quản lý ngành.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

g) Phí, Lệ phí: không có

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

1. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có cam kết mở cửa thị trường cho hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa

a) Đáp ứng điều kiện về tiếp cận thị trường tại Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh;

c) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

a) Điều kiện quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP;

- Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh;

- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

b) Đáp ứng tiêu chí sau:

- Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành;

- Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động;

- Khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước;

- Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp dịch vụ kinh doanh chưa được cam kết mở cửa thị trường trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: Điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email: Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ¹... ngày... tháng... năm....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):.....

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

.....

4. Ngành nghề kinh doanh²:.....

5. Mục tiêu của dự án đầu tư³:.....

6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập⁴:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp:

Nơi đăng ký thành lập:

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:.....

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:.....

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: Quốc tịch:.....

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:

II. Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa với nội dung sau:

1. Thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (Liệt kê từng hoạt động đề nghị được cấp phép theo khoản 1 Điều 3 Nghị định này):

-

2. Các đề xuất khác (nếu có):

-

III. Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.;

2.;

3.;

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

² Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

³ Ghi mục tiêu của từng dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp có nhiều dự án thì lập phụ lục.

⁴ Trường hợp có nhiều thành viên thì lập phụ lục.

87. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

+ Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

- Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.
 - Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Công Thương, Bộ quản lý ngành.
- e) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

g) Phí, Lệ phí: không có

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;
- Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;
- Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh;
- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.
- Đáp ứng các tiêu chí:
 - + Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành;
 - + Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động;
 - + Khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước;
 - + Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.
- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện một trong các hoạt động:
 - + Sản xuất dầu, mỡ bôi trơn tại Việt Nam;
 - + Sản xuất hoặc được phép phân phối tại Việt Nam máy móc, thiết bị, hàng hóa có sử dụng dầu, mỡ bôi trơn loại đặc thù.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;
- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email: Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ¹... ngày... tháng... năm....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):.....

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

4. Ngành nghề kinh doanh²:.....

5. Mục tiêu của dự án đầu tư³:.....

6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập⁴:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp:

Nơi đăng ký thành lập:

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:.....

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:.....

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: Quốc tịch:.....

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:

II. Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa với nội dung sau:

1. Thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (Liệt kê từng hoạt động đề nghị được cấp phép theo khoản 1 Điều 3 Nghị định này):

-

2. Các đề xuất khác (nếu có):

-

III. Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.;

2.;

3.;

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

² Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

³ Ghi mục tiêu của từng dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp có nhiều dự án thì lập phụ lục.

⁴ Trường hợp có nhiều thành viên thì lập phụ lục.

88. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

+ Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

- Số lượng bộ hồ sơ: 03 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Công Thương, Bộ quản lý ngành.

g) Phí, Lệ phí: không có

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;
- Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;
- Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh;

- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

- Đáp ứng các tiêu chí:

- + Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành;

- + Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động;

- + Khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước;

- + Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã có cơ sở bán lẻ dưới hình thức siêu thị, siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi để bán lẻ tại các cơ sở đó.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email: Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ¹... ngày... tháng... năm....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):.....

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

.....

4. Ngành nghề kinh doanh²:.....

5. Mục tiêu của dự án đầu tư³:.....

6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập⁴:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp:

Nơi đăng ký thành lập:

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:.....

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:.....

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: Quốc tịch:.....

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:

II. Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa với nội dung sau:

1. Thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (Liệt kê từng hoạt động đề nghị được cấp phép theo khoản 1 Điều 3 Nghị định này):

-

2. Các đề xuất khác (nếu có):

-

III. Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.;

2.;

3.;

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

² Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

³ Ghi mục tiêu của từng dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp có nhiều dự án thì lập phụ lục.

⁴ Trường hợp có nhiều thành viên thì lập phụ lục.

89. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

+ Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

- Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Công Thương, bộ quản lý ngành.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

g) Phí, Lệ phí: không có

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

- Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

- Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh;

- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

- Đáp ứng các tiêu chí:

+ Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành;

+ Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động;

+ Khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước;

+ Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email: Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ¹... ngày... tháng... năm....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):.....

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

.....

4. Ngành nghề kinh doanh²:.....

5. Mục tiêu của dự án đầu tư³:.....

6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập⁴:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp:

Nơi đăng ký thành lập:

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:.....

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:.....

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: Quốc tịch:.....

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:

II. Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa với nội dung sau:

1. Thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (Liệt kê từng hoạt động đề nghị được cấp phép theo khoản 1 Điều 3 Nghị định này):

-

2. Các đề xuất khác (nếu có):

-

III. Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.;

2.;

3.;

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

² Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

³ Ghi mục tiêu của từng dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp có nhiều dự án thì lập phụ lục.

⁴ Trường hợp có nhiều thành viên thì lập phụ lục.

90. Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp cấp lại do tổ chức Chuyên địa điểm đặt trụ sở chính từ một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Công Thương, bộ quản lý ngành.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

g) Phí, Lệ phí: không có

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện chung

Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 tương ứng như đối với thủ tục cấp mới

- Điều kiện riêng:

- Giấy phép kinh doanh được cấp lại trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở chính từ một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác.

- Giấy phép kinh doanh bị mất hoặc bị hỏng

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email: Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

2. Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần¹ ... ngày... tháng...năm...

II. Đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... như sau:

Lý do cấp lại:

III. Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép kinh doanh.

3. Hoàn trả Giấy phép kinh doanh đã được cấp trước đó theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định này./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.;

2.;

3.

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

91. Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

+ Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 trừ trường hợp chuyển địa điểm trụ sở chính: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh.

+ Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 11 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018:

•Bản giải trình ghi các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018;

•Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

•Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Công Thương, bộ quản lý ngành.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

g) Phí, Lệ phí: không có

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh điều chỉnh

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện chung:

Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 tương ứng với các nội dung đề nghị điều chỉnh.

- Điều kiện riêng:

Khi có một trong những sự thay đổi về giấy phép kinh doanh như sau:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật;

- Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập;

- Hàng hóa phân phối;

- Các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa;

- Các nội dung khác.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:..... Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ¹... ngày... tháng... năm....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

4. Ngành nghề kinh doanh²:.....

5. Mục tiêu của dự án đầu tư³:

6. Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần⁴... ngày...tháng...năm....

II. Đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... như sau:

1. Điều chỉnh thông tin doanh nghiệp

a) Thông tin của doanh nghiệp đã được ghi nhận⁵:

b) Thông tin của doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh (ghi thông tin điều chỉnh và lý do điều chỉnh):

c) Thông tin của doanh nghiệp sau khi điều chỉnh:

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp:

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh (ghi nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh:.....

III. Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP (Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.
2.
3.

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

² Chỉ ghi trong trường hợp nội dung đề nghị điều chỉnh có liên quan đến ngành nghề kinh doanh thay đổi. Ghi theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

³ Chỉ ghi trong trường hợp nội dung đề nghị điều chỉnh có liên quan dự án đầu tư này.

⁴ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

⁵ Chỉ ghi nội dung liên quan đến thông tin đề nghị điều chỉnh.

92. Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

+ Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

+ Bản giải trình có nội dung:

- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

- Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

- Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;

+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có)

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Công Thương, Bộ quản lý ngành.

e) Đối tượng thực hiện: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài xin Giấy phép kinh doanh đồng thời giấy phép lập cơ sở bán lẻ

g) Phí, Lệ phí: Không có.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018;

- Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện chung:

Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 9 và Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Điều kiện riêng: Địa điểm lập cơ sở bán lẻ thứ nhất cùng tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương với trụ sở chính của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email: Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ¹... ngày... tháng... năm....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):.....

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

.....

4. Ngành nghề kinh doanh²:.....

5. Mục tiêu của dự án đầu tư³:.....

6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập⁴:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp:

Nơi đăng ký thành lập:

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:.....

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:.....

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: Quốc tịch:.....

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:

II. Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa với nội dung sau:

1. Thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (Liệt kê từng hoạt động đề nghị được cấp phép theo khoản 1 Điều 3 Nghị định này):

-

2. Các đề xuất khác (nếu có):

-

III. Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.;

2.;

3.;

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

² Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

³ Ghi mục tiêu của từng dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp có nhiều dự án thì lập phụ lục.

⁴ Trường hợp có nhiều thành viên thì lập phụ lục.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax: Email: Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần¹ ... ngày...tháng...năm....

Các cơ sở bán lẻ đã lập trên phạm vi toàn quốc²:

II. Đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số...với nội dung như sau:

1. Tên cơ sở bán lẻ:

2. Địa chỉ cơ sở bán lẻ:

3. Loại hình cơ sở bán lẻ:

4. Quy mô cơ sở bán lẻ, gồm:

- Tổng diện tích đất sử dụng cho dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có): m²

- Tổng diện tích sàn xây dựng (nếu có): m², trong đó:

+ Diện tích bán hàng: m²

+ Diện tích kinh doanh dịch vụ (nếu có): m²

5. Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ:

6. Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ:

7. Các đề xuất khác (nếu có):

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.;
2.;
3.

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

² Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố nêu các nội dung: số thứ tự; tên cơ sở bán lẻ; số, ngày, tháng, năm của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; địa chỉ của cơ sở bán lẻ.

93. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Công Thương, bộ quản lý ngành.

e) Đối tượng thực hiện: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lập cơ sở bán lẻ

g) Phí, Lệ phí: không có

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Có kế hoạch về tài chính để lập cơ sở bán lẻ;
- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên;

- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax: Email: Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần¹ ... ngày...tháng...năm....

Các cơ sở bán lẻ đã lập trên phạm vi toàn quốc²:

II. Đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số...với nội dung như sau:

1. Tên cơ sở bán lẻ:

2. Địa chỉ cơ sở bán lẻ:

3. Loại hình cơ sở bán lẻ:

4. Quy mô cơ sở bán lẻ, gồm:

- Tổng diện tích đất sử dụng cho dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có): m²

- Tổng diện tích sàn xây dựng (nếu có): m², trong đó:

+ Diện tích bán hàng: m²

+ Diện tích kinh doanh dịch vụ (nếu có): m²

5. Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ:

6. Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ:

7. Các đề xuất khác (nếu có):

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.;
2.;
3.

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

² Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố nêu các nội dung: số thứ tự; tên cơ sở bán lẻ; số, ngày, tháng, năm của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; địa chỉ của cơ sở bán lẻ.

94. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

+ Bản giải trình có nội dung:

• Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

• Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

• Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;

+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

+ Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.

+ Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

58 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục ENT.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Công Thương, Hội đồng ENT.

e) Đối tượng thực hiện: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lập cơ sở bán lẻ

g) Phí, Lệ phí: không có

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Có kế hoạch về tài chính để lập cơ sở bán lẻ;
- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên;

- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.

- Đáp ứng tiêu chí Kiểm tra nhu cầu kinh tế sau:

+ Quy mô của khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng khi cơ sở bán lẻ hoạt động.

+ Số lượng các cơ sở bán lẻ đang hoạt động trong khu vực thị trường địa lý.

+ Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường và hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống trong khu vực thị trường địa lý.

+ Ảnh hưởng của cơ sở bán lẻ tới mật độ giao thông, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy trong khu vực thị trường địa lý.

+ Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý, cụ thể:

(i) Tạo việc làm cho lao động trong nước;

(ii) Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý

(iii) Cải thiện môi trường và điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý

(iv) Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax: Email: Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần¹ ... ngày...tháng...năm....

Các cơ sở bán lẻ đã lập trên phạm vi toàn quốc²:

II. Đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số...với nội dung như sau:

1. Tên cơ sở bán lẻ:

2. Địa chỉ cơ sở bán lẻ:

3. Loại hình cơ sở bán lẻ:

4. Quy mô cơ sở bán lẻ, gồm:

- Tổng diện tích đất sử dụng cho dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có): m²

- Tổng diện tích sàn xây dựng (nếu có): m², trong đó:

+ Diện tích bán hàng: m²

+ Diện tích kinh doanh dịch vụ (nếu có): m²

5. Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ:

6. Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ:

7. Các đề xuất khác (nếu có):

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.;
2.;
3.

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

² Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố nêu các nội dung: số thứ tự; tên cơ sở bán lẻ; số, ngày, tháng, năm của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; địa chỉ của cơ sở bán lẻ.

95. Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

+ Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính: Bản sao Giấy phép kinh doanh ghi nhận nội dung điều chỉnh.

+ Trường hợp thay đổi địa chỉ của cơ sở bán lẻ: Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phường, xã, thị trấn xác nhận việc thay đổi địa chỉ.

+ Trường hợp giảm diện tích cơ sở bán lẻ: Các giấy tờ có liên quan.

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Công Thương, Hội đồng ENT.

e) Đối tượng thực hiện: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp

g) Phí, Lệ phí: Không có.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được điều chỉnh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện chung:

Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng:

Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;
- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:..... Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần¹ ... ngày...tháng...năm...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần²... ngày...tháng...năm.....

II. Đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp ngày... tháng... năm... như sau:

1. Điều chỉnh thông tin của doanh nghiệp

a) Thông tin của doanh nghiệp đã được ghi nhận³:.....

b) Thông tin của doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh (ghi thông tin điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....

c) Thông tin của doanh nghiệp sau khi điều chỉnh:

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh của cơ sở bán lẻ

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp:

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh (ghi nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh:.....

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.;

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

² Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị điều chỉnh.

³ Chỉ ghi thông tin liên quan đến thông tin đề nghị điều chỉnh.

96. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m²

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

+ Bản giải trình có nội dung:

• Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

• Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất.

+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Công Thương, Hội đồng ENT.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp

g) Phí, Lệ phí: Không có.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được điều chỉnh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện chung:

Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng:

Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m²

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:..... Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần¹ ... ngày...tháng...năm...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần²... ngày...tháng...năm.....

II. Đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp ngày... tháng... năm... như sau:

1. Điều chỉnh thông tin của doanh nghiệp

a) Thông tin của doanh nghiệp đã được ghi nhận³:.....

b) Thông tin của doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh (ghi thông tin điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....

c) Thông tin của doanh nghiệp sau khi điều chỉnh:

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh của cơ sở bán lẻ

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp:

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh (ghi nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh:.....

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.;

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

² Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị điều chỉnh.

³ Chỉ ghi thông tin liên quan đến thông tin đề nghị điều chỉnh.

97. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

+ Bản giải trình có nội dung:

• Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

• Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất.

+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

+ Bản giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Công Thương, Hội đồng ENT.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp

g) Phí, Lệ phí: Không có.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được điều chỉnh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện chung:

Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng:

+) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại

+) Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:..... Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần¹ ... ngày...tháng...năm...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần²... ngày...tháng...năm.....

II. Đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp ngày... tháng... năm... như sau:

1. Điều chỉnh thông tin của doanh nghiệp

a) Thông tin của doanh nghiệp đã được ghi nhận³:.....

b) Thông tin của doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh (ghi thông tin điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....

c) Thông tin của doanh nghiệp sau khi điều chỉnh:

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh của cơ sở bán lẻ

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp:

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh (ghi nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh:.....

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.;

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

² Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị điều chỉnh.

³ Chỉ ghi thông tin liên quan đến thông tin đề nghị điều chỉnh.

98. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

+ Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất;

+ Bản giải trình có nội dung:

• Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

• Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

• Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất

trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;

+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

+ Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 58 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Công Thương, Hội đồng ENT.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp

g) Phí, Lệ phí: Không có.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được điều chỉnh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện chung:

Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng:

+ Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini

+ Có kế hoạch về tài chính để lập cơ sở bán lẻ;

+ Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên;

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.

+ Đáp ứng tiêu chí Kiểm tra nhu cầu kinh tế sau:

+ Quy mô của khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng khi cơ sở bán lẻ hoạt động.

+ Số lượng các cơ sở bán lẻ đang hoạt động trong khu vực thị trường địa lý.

+ Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường và hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống trong khu vực thị trường địa lý.

+ Ảnh hưởng của cơ sở bán lẻ tới mật độ giao thông, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy trong khu vực thị trường địa lý.

+ Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý, cụ thể:

(i) Tạo việc làm cho lao động trong nước;

(ii) Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý

(iii) Cải thiện môi trường và điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý

(iv) Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:..... Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần¹ ... ngày...tháng...năm...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần²... ngày...tháng...năm.....

II. Đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp ngày... tháng... năm... như sau:

1. Điều chỉnh thông tin của doanh nghiệp

a) Thông tin của doanh nghiệp đã được ghi nhận³:.....

b) Thông tin của doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh (ghi thông tin điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....

c) Thông tin của doanh nghiệp sau khi điều chỉnh:

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh của cơ sở bán lẻ

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp:

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh (ghi nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh:.....

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.;

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

² Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị điều chỉnh.

³ Chỉ ghi thông tin liên quan đến thông tin đề nghị điều chỉnh.

99. Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

e) Đối tượng thực hiện: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có Giấy phép lập cơ sở bán lẻ bị mất, rách, hỏng

g) Phí, Lệ phí: Không có.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện chung:

Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng:

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ bị mất, rách, hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm....; cấp
đăng ký thay đổi lần¹... ngày...tháng...năm...

**II. Đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp ngày... tháng...
năm... như sau:**

Lý do cấp lại:

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1. ...;

2. ...;

3.

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị gia hạn.

100. Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là *Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP)

+ Bản giải trình có nội dung:

• Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định này; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

• Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

• Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;

+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

e) Đối tượng thực hiện TTHC: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có Giấy phép lập cơ sở bán lẻ sắp hết hạn hiệu lực.

g) Phí, Lệ phí: Không có.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ gia hạn.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện chung:

Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng:

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ sắp hết hạn hiệu lực.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email: Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần¹... ngày...tháng...năm...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần²... ngày...tháng...năm...

II. Đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp ngày... tháng... năm... như sau:

1. Thời hạn gia hạn:

2. Lý do gia hạn:

3. Các đề xuất khác (nếu có):

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Các tài liệu gửi kèm:

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

² Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị gia hạn.

101. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP)

+ Bản giải trình cơ sở bán lẻ có nội dung:

- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; giải trình các tiêu chí ENT quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định, trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

- Tình hình kinh doanh của cơ sở bán lẻ; kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh của cơ sở bán lẻ;

- Kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất;

+ Báo cáo tổng hợp về kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh tế trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất; kế hoạch tài chính; kèm theo tài liệu về tài chính;

+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

+ Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh (nếu có).

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Công Thương, Hội đồng ENT.

e) Đối tượng thực hiện: tổ chức kinh tế sau khi nhận vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, có nhu cầu cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ đang hoạt động.

g) Phí, Lệ phí: Không có.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

i) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.

- Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường và hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống trong khu vực thị trường địa lý.

- Ảnh hưởng của cơ sở bán lẻ tới mật độ giao thông, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy trong khu vực thị trường địa lý.

- Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý, cụ thể:

(i) Tạo việc làm cho lao động trong nước;

(ii) Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý

(iii) Cải thiện môi trường và điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý

(iv) Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;
- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ CHO PHÉP CƠ SỞ BÁN LẺ ĐƯỢC TIẾP TỤC HOẠT ĐỘNG

Kính gửi: Bộ Công Thương

I. Thông tin về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ... ngày...tháng...năm¹...

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):.....

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

4. Ngành nghề kinh doanh²:

5. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập³:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp:..... Nơi đăng ký thành lập:.....

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:.....

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:.....

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên:..... Quốc tịch:.....

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:.....

6. Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số ... do... cấp ngày ... tháng ... năm⁴ ... (nếu có).

7. Các cơ sở bán lẻ đã được lập trên phạm vi toàn quốc⁵:

II. Đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ để (các) cơ sở bán lẻ sau được tiếp tục hoạt động⁶:

1. Cơ sở bán lẻ thứ nhất:

a) Tên cơ sở bán lẻ:

- b) Địa chỉ cơ sở bán lẻ:
- c) Loại hình cơ sở bán lẻ:
- d) Quy mô cơ sở bán lẻ, gồm:
- Tổng diện tích đất sử dụng cho dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có):... m²
 - Tổng diện tích sàn xây dựng (nếu có):... m², trong đó:
 - + Diện tích bán hàng:... m²
 - + Diện tích kinh doanh dịch vụ (nếu có):... m²
- đ) Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ:.....
- e) Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ:.....
- g) Các đề xuất khác (nếu có):.....
2. Cơ sở bán lẻ số:.....

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP (Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1. ...;
2. ...;
3.

¹ Ghi lần đăng ký thay đổi gần nhất.

² Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

³ Trường hợp có nhiều thành viên thì lập phụ lục.

⁴ Giấy phép kinh doanh cấp lần gần nhất

⁵ Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố nêu các nội dung: số thứ tự; tên cơ sở bán lẻ; địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình cơ sở bán lẻ, mặt hàng đang kinh doanh.

⁶ Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố nêu các nội dung quy định tại phần II Mẫu này. Mỗi tỉnh/thành phố lập 01 phụ lục kèm theo 01 Đơn đề nghị.

XI. LĨNH VỰC ĐIỆN

102. Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

+ Danh sách trích ngang các chuyên gia tư vấn chính theo Mẫu 3a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương; bản sao bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề và hợp

đồng lao động đã ký của chuyên gia tư vấn chính có tên trong danh sách với tổ chức tư vấn.

+ Danh mục các dự án có quy mô tương tự mà các chuyên gia tư vấn chính đã thực hiện.

+ Danh mục trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng phục vụ công tác tư vấn.

- **Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: 800.000 đồng cho một hồ sơ cấp phép

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 01 và Mẫu 3a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực

(TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ

Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: ¹.....

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại: Điện thoại: Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp, đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

DANH SÁCH TRÍCH NGANG
CÁC CHUYÊN GIA TƯ VẤN CHÍNH LĨNH VỰC
TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN LỰC

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Mã số định danh (nếu có)	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Thâm niên công tác trong lĩnh vực tư vấn (năm)	Công trình đã tham gia	Chứng chỉ hành nghề
1									
2									
3									
4									
5									

103. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

* Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyển giao bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;

+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản, tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành.

- **Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: 400.000 đồng cho một hồ sơ cấp phép mới.

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực

(TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ

Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: ¹.....

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại: Điện thoại: Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp, đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

104. Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 mw đặt tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

+ Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương; bản sao bằng tốt nghiệp, thẻ an toàn điện và giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có

quyền điều khiển cấp cho đội ngũ trưởng ca theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành; hợp đồng thuê khoán nhà máy điện, hợp đồng thu quản lý vận hành hoặc văn bản giao quản lý vận hành đối với trường hợp thuê khoán, cho thuê hoặc giao quản lý vận hành.

+ Bản sao quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư nhà máy điện, dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.

+ Bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án đầu tư nhà máy điện của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về môi trường.

+ Danh mục các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định theo quy định của pháp luật.

+ Bản sao Văn bản thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy; bản sao Biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy.

+ Bản sao Quyết định phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa của cơ quan có thẩm quyền (đối với nhà máy thủy điện).

+ Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt tổ máy hoặc hệ thống pin năng lượng mặt trời; bản sao tài liệu xác định thông số chính của nhà máy điện (thông số tua bin, máy phát, máy biến áp chính).

+ Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông phục vụ vận hành thị trường điện; bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống SCADA phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

+ Bản sao biên bản nghiệm thu đập thủy điện; phương án bảo vệ đập, phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; báo cáo kết quả kiểm định đập (đối với đập thủy điện đã đến kỳ kiểm định).

+ Trường hợp nhà máy điện, tổ máy phát điện dự phòng không nối lưới và chỉ phát điện để bán điện cho khách hàng khi sự cố mất điện từ lưới điện quốc gia, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép được miễn trừ nội dung: Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông phục vụ vận hành thị trường điện; bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống SCADA phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện. Trường hợp nhà máy điện có hoạt động bán lẻ điện trực tiếp cho khách hàng sử dụng điện, hồ sơ đề nghị có thêm các nội dung sau: Danh sách khách hàng; sơ đồ lưới điện cung cấp điện cho khách hàng.

- **Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.
- e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức.
- g) Phí, lệ phí:** 2.100.000 đồng cho một hồ sơ cấp phép.
- h) Mẫu đơn:** theo Mẫu 01 và Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.
- i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép
- k) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC:** Không.
- l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**
 - Luật Điện lực ngày 03/12/2004.
 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;
 - Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.
 - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
 - Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.
 - Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.

(TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ)
-----CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ**Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực**Kính gửi: ¹.....

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại: Điện thoại: Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp, đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH

(Cho lĩnh vực hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Mã số định danh (nếu có)	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số năm công tác trong lĩnh vực đề nghị cấp phép	Ghi chú
I.	Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, trực tiếp quản lý kinh doanh							
1								
2								
3								
II.	Đội ngũ trưởng ca vận hành (đối với hoạt động phát điện, phân phối, truyền tải điện)							
1								
2								
3								
4								
5								
6								

105. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3 mw đặt tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng *Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in *Phiếu biên nhận*, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

* Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyển giao bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;

+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản, tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành.

- **Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép.

g) Phí, lệ phí: 1.050.000 đồng cho một hồ sơ cấp phép.

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

i) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

k) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực

(TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ

Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: ¹.....

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại: Điện thoại: Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp, đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

106. Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

+ Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kinh doanh theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018; bản sao bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp, thẻ an toàn điện của người có tên trong danh sách.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: 700.000 đồng cho một hồ sơ cấp phép.

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 01 và Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực..

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực

(TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ)
-----CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ**Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực**Kính gửi: ¹.....

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại: Điện thoại: Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp, đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH

(Cho lĩnh vực hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Mã số định danh (nếu có)	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số năm công tác trong lĩnh vực đề nghị cấp phép	Ghi chú
I.	Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, trực tiếp quản lý kinh doanh							
1								
2								
3								
II.	Đội ngũ trưởng ca vận hành (đối với hoạt động phát điện, phân phối, truyền tải điện)							
1								
2								
3								
4								
5								
6								

107. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng *Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in *Phiếu biên nhận*, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

* Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyển giao bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;

+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản, tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành.

- **Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép.

g) Phí, lệ phí: 350.000 đồng cho một hồ sơ cấp phép.

h) Mẫu đơn: *theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.*

i) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.

(TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ)
-----CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ**Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực**Kính gửi: ¹.....

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại: Điện thoại: Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp, đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

108. Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

+ Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca vận hành theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương; bản sao bằng tốt nghiệp, thẻ an toàn điện, giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền

điều khiển cấp cho người có tên trong danh sách theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành.

+ Danh mục các hạng mục công trình lưới điện chính và phạm vi lưới điện do tổ chức đang quản lý. Trường hợp mua bán, sáp nhập, bàn giao không hoàn vốn tài sản lưới điện phải có Biên bản nghiệm thu theo quy định hoặc Biên bản bàn giao tài sản.

+ Bản sao tài liệu về đảm bảo điều kiện phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

+ Bản sao Thỏa thuận đấu nối vào hệ thống điện quốc gia; Bản đồ ranh giới lưới điện và phạm vi hoạt động.

- **Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: 800.000 đồng cho một hồ sơ cấp phép.

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 01 và Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực

(TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ)
-----CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ**Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực**Kính gửi: ¹.....

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại: Điện thoại: Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp, đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH

(Cho lĩnh vực hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Mã số định danh (nếu có)	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số năm công tác trong lĩnh vực đề nghị cấp phép	Ghi chú
I.	Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, trực tiếp quản lý kinh doanh							
1								
2								
3								
II.	Đội ngũ trưởng ca vận hành (đối với hoạt động phát điện, phân phối, truyền tải điện)							
1								
2								
3								
4								
5								
6								

109. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

* Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyển giao bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;

+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản, tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành.

- **Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: 400.000 đồng cho một hồ sơ cấp phép.

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.

(TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ)
-----CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ**Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực**Kính gửi: ¹.....

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại: Điện thoại: Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp, đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

-

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

-

Đề nghị ²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

110. Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định tại Thủ tục này.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí (nếu có); giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

- + Văn bản đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực;
- + Bản sao văn bằng chuyên môn, quyết định nâng bậc lương công nhân;
- + Giấy chứng nhận đạt yêu cầu sát hạch Kiểm tra viên điện lực;
- + 02 ảnh cỡ 2 x 3 cm;
- + Bản khai quá trình công tác có xác nhận của đơn vị.

**Bản sao là: Bản sao từ sổ gốc hoặc Bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu. Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan, tổ chức có quyền lựa chọn nộp một trong ba hình thức bản sao trên*

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực. Trường hợp không cấp thẻ, **sau 03** ngày làm việc Sở Công thương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan phối hợp: Không.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Phí, Lệ phí: Không

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: không

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ Kiểm tra viên điện lực

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Tiêu chuẩn Kiểm tra viên điện lực của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện

+ Có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành điện;

+ Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện hoặc làm công tác quản lý kỹ thuật, kinh doanh điện từ 3 năm trở lên;

+ Đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện; Nắm vững các quy trình, quy phạm kỹ thuật về điện, an toàn điện, các quy định về công tác kiểm tra hoạt động điện lực, sử dụng điện; Có khả năng nghiên cứu, phát triển, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác kiểm tra;

+ Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

- Tiêu chuẩn kiểm tra viên điện lực của đơn vị điện lực:

+ Có trình độ trung cấp chuyên ngành về điện trở lên đối với kiểm tra viên điện lực của đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện; trình độ trung cấp chuyên ngành điện hoặc công nhân kỹ thuật điện từ bậc 5/7 trở lên đối với Kiểm tra viên điện lực của đơn vị bán buôn điện, đơn vị bán lẻ điện;

+ Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý lưới điện, phân phối điện và kinh doanh điện từ ba năm trở lên;

+ Đã được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện;

+ Nắm vững các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm kỹ thuật điện, an toàn điện, các quy định hiện hành về hoạt động điện lực và sử dụng điện; Có khả năng nghiên cứu, phát hiện, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác kiểm tra;

+ Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Điện lực ngày 28/10/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012.

- Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ Công Thương Quy định về Kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

111. Cấp lại thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại thẻ Kiểm tra viên điện lực của Đơn vị quản lý Kiểm tra viên điện lực;

+ Đơn đề nghị cấp lại thẻ của Kiểm tra viên điện lực

+ 02 ảnh cỡ 2 x3 cm;

+ Thẻ Kiểm tra viên điện lực đối với trường hợp thẻ bị hỏng.

- **Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực có thời hạn sử dụng bằng với thẻ cũ. Trường hợp không cấp thẻ, sau **03 ngày** làm việc Sở Công Thương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan phối hợp: Không.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Phí, Lệ phí: Không

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ Kiểm tra viên điện lực

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ

- Tiêu chuẩn Kiểm tra viên điện lực của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện:

- + Có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành điện;
- + Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện hoặc làm công tác quản lý kỹ thuật, kinh doanh điện từ 3 năm trở lên;

- + Đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện; Nắm vững các quy trình, quy phạm kỹ thuật về điện, an toàn điện, các quy định về công tác kiểm tra hoạt động điện lực, sử dụng điện; Có khả năng nghiên cứu, phát triển, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác kiểm tra;

- + Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

- Tiêu chuẩn kiểm tra viên điện lực của đơn vị điện lực:

- + Có trình độ trung cấp chuyên ngành về điện trở lên đối với kiểm tra viên điện lực của đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện; trình độ trung cấp chuyên ngành điện hoặc công nhân kỹ thuật điện từ bậc 5/7 trở lên đối với Kiểm tra viên điện lực của đơn vị bán buôn điện, đơn vị bán lẻ điện;

- + Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý lưới điện, phân phối điện và kinh doanh điện từ ba năm trở lên;

- + Đã được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện;

- + Nắm vững các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm kỹ thuật điện, an toàn điện, các quy định hiện hành về hoạt động điện lực và sử dụng điện; Có khả năng nghiên cứu, phát hiện, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác kiểm tra;

- + Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Điện lực ngày 28/10/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012.

- Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ Công Thương Quy định về Kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

XII. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

112. Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Tờ trình đề nghị phê duyệt;
- + Dự thảo quy trình;
- + Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật;
- + Bản đồ hiện trạng công trình;
- + Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- + Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.
- e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức.
- g) Phí, lệ phí:** không.
- h) Mẫu đơn:** không.
- i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định.
- k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:** Không
- l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**
 - Luật Điện lực ngày 03/12/2004.
 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012.
 - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.
 - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
 - Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

113. Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Tờ trình đề nghị điều chỉnh;
- + Dự thảo quy trình;
- + Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật;
- + Bản đồ hiện trạng công trình;
- + Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- + Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **30 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: không.

h) Mẫu đơn: không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Khi nhu cầu dùng nước hoặc nguồn nước, quy mô, nhiệm vụ công trình thay đổi hoặc quy trình vận hành không còn phù hợp thì phải điều chỉnh quy trình vận hành.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012.

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

- **Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.**

- Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

114. Thẩm định phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án;
- + Dự thảo phương án;
- + Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- + Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- + Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn **03** ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Sở Công Thương trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: không.

h) Mẫu đơn: không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012.
- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
- Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

115. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án;
- + Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;
- + Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- + Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- + Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Sở Công Thương trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: không.

h) Mẫu đơn: không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012.
- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
- Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

116. Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Văn bản đề nghị phê duyệt;
- + Phương án cấm mốc chỉ giới.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Công Thương có trách nhiệm tổ chức thẩm định:

Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Sở Công Thương có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt.

Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành hoặc không phù hợp với đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Sở Công

Thương có trách nhiệm ban hành văn bản yêu cầu chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện điều chỉnh, bổ sung phương án cấm mốc chỉ giới.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở ban ngành, địa phương có liên quan.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: không.

h) Mẫu đơn: không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Đập của hồ chứa thủy điện có dung tích từ 500.000 m³ trở lên;

- Đập có chiều cao từ 15 m trở lên.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012.

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

XIII. LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG

117. Điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (đối với điều chỉnh hợp phần quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp và hạ áp sau các trạm 110kv)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ gồm:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị điều chỉnh, bổ sung quy hoạch của Chủ đầu tư.
+ Báo cáo điều chỉnh Hợp phần quy hoạch (nội dung của Báo cáo được quy định tại Khoản 2 Điều 22 Thông tư 43/2013/TT-BCT)

- Số lượng bộ hồ sơ: một (01) bộ (riêng Báo cáo điều chỉnh Hợp phần quy hoạch: năm (05) bản).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Công ty TNNN MTV Điện lực Đồng Nai, Ủy ban nhân dân cấp huyện

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân xây dựng mới công trình điện có tổng dung lượng lớn hơn 2.000 kVA chưa phù hợp Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện tỉnh Đồng Nai.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn, tờ khai: không

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản phê duyệt việc bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: không

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012.

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Thông tư 43/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực;

- Khoản 1 Điều 28 Thông tư số 39/2010/TT-BCT ngày 30/7/2010 của Bộ Công Thương về lưới điện phân phối.

- Thông tư số 24/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương quy định một số nội dung về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng.

- Quyết định số 5063/QĐ-BCT ngày 4/10/2011 của Bộ Công thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035 – Hợp phần I: Lưới điện cao áp.

- Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035 – Hợp phần II: Lưới điện trung hạ áp.

XIV. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NẶNG

118. Cấp giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm Công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (*tại Mục c của Thủ tục này*); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (*tại Mục h của Thủ tục này, nếu có*).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*gọi là Trung tâm*): Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (*01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn*) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (*thông qua nhân viên bưu điện*).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí (nếu có); giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị xác nhận ưu đãi (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương);

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Trường hợp dự án được thực hiện lần đầu hoặc hoạt động độc lập: Báo cáo (dự án) đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng;

+ Trường hợp dự án đang sản xuất: Thuyết minh hiện trạng quy trình sản xuất, cơ sở vật chất (nhà xưởng), máy móc thiết bị (bảng kê danh mục và công suất máy móc, thiết bị chuyên ngành cho các công đoạn chính phù hợp với sản phẩm và quy mô đang sản xuất của cơ sở; thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng...); công suất sản xuất; Báo cáo kiểm toán độc lập năm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ xin xác nhận ưu đãi (hoặc báo cáo tài chính);

+ Dự án đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

+ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với dự án đầu tư mới) hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hoặc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (đối với dự án đang hoạt động).

+ Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương (nếu có) do tổ chức chứng nhận được phép hoạt động chứng nhận theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa cấp.

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 06 bản bao gồm: 01 bản chính và 05 bản sao.

Hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký xin ưu đãi.

Trường hợp các dự án có thay đổi về điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư thì gửi hồ sơ bổ sung (nội dung phần thay đổi) tới Sở Công Thương để xem xét.

d) Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

e) Đối tượng thực hiện: Các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn, tờ khai : không

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy xác nhận

k) Yêu cầu và điều kiện thực hiện :

- Sự phù hợp của dự án sản xuất đối với các quy định tại Nghị định số 111/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Thủ tục pháp lý của dự án.

- Tính khả thi, hợp lý của các giải pháp kỹ thuật - công nghệ áp dụng trong sản xuất của dự án.

- Năng lực tài chính, hiệu quả đầu tư của dự án.

- Khả năng đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường của dự án.

- Đối tượng nộp hồ sơ là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ

- Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với các Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

XV. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

119. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh (gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn) để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương (thông qua nhân viên bưu điện).

- Bước 3: Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (Mẫu số 01) kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn;

+ Bản thuyết minh giới thiệu về sản phẩm đăng ký bình chọn (Mẫu số 02);

+ 03 ảnh màu của sản phẩm, kích thước (10x15)cm được chụp tại 3 góc độ khác nhau (chính diện, mặt bên, từ trên xuống);

+ Bản sao hợp lệ các tài liệu liên quan khác đến sản phẩm (nếu có) như: chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; giấy chứng nhận đủ

điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác.

+ Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện còn giá trị;

+ Các chứng nhận, chứng chỉ khác (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014.

- **Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ**

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thực hiện thủ tục hành chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ sở công nghiệp nông thôn.

e) Cơ quan quyết định thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- Cơ quan phối hợp: UBND cấp huyện, Trung tâm Khuyến công, Sở Nội Vụ

g) Phí, Lệ phí: không có

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Quy định tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014.

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đáp ứng các quy định tại Điều 4 và Điều 7 của Thông tư số 26/2014/TT-BCT, cụ thể:

- Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm);

- Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn;

- Sản phẩm tham gia bình chọn không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường;

- Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường;

- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

- + Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;
- + Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;
- + Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;
- + Tiêu chí khác.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

- Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh Quy định về tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm...

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA

BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

☐ cấp Huyện	☐ cấp Tỉnh	☐ cấp Khu vực	☐ cấp Quốc gia

Kính gửi: Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

1. Tên cơ sở công nghiệp nông thôn

Tên viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa có dấu):

.....

Tên viết tắt (nếu có): Mã số (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chức danh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc trong các loại hình sau:

☐ Công ty cổ phần

☐ Doanh nghiệp tư nhân

☐ Trung tâm

☐ Công ty TNHH

☐ Hợp tác xã

☐ Cơ sở sản xuất

☐ Hộ kinh doanh

☐ Khác

(ghi rõ

loại

hình):.....

Tài khoản số: Chủ tài khoản:

Mở tại ngân hàng: Chi nhánh:

2. Thông tin về chi nhánh (nếu có)

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

3. Thông tin về địa điểm sản xuất

Tên địa điểm sản xuất: (nếu nằm ngoài trụ sở chính và chi nhánh)

Địa chỉ địa điểm sản xuất:

Các văn bản, giấy tờ liên quan đến địa điểm sản xuất:

.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính

Số đăng ký kinh doanh, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh:.....

Ngày cấp, nơi cấp

Các ngành, nghề kinh doanh chính

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Quy mô vốn, tài sản và lao động

Vốn đăng ký kinh doanh (bằng số; VNĐ):.....

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):...

.....

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất:

Tổng số lao động hiện đang sử dụng:

Trong đó: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội:

Thu nhập bình quân lao động (bằng số VNĐ/người):

6. Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước

Các giải thưởng: Huân huy chương, Bằng khen, Giấy khen, giấy chứng nhận đã đạt được:.....

..... ;

- ☐ Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo luật định;
- ☐ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo luật định;
- ☐ Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo các quyền lợi đối với người lao động;
- ☐ Khác (ghi chi tiết)

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

7. Tên sản phẩm hoặc bộ sản phẩm:

.....

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sản phẩm sau:

- ☐ Thủ công mỹ nghệ
- ☐ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm
- ☐ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí
- ☐ Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm, bộ sản phẩm nêu trên; sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác đối với các tài liệu, thông tin được cung cấp, kê khai trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu./.

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

Địa chỉ:

Người đại diện: ; Chức vụ:

Điện thoại: ; Email:

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên sản phẩm:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

☐ Thủ công mỹ nghệ ☐ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

☐ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí ☐ Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh:

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm:

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Trong đó: Số lượng sản phẩm xuất khẩu/năm:

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Doanh thu của sản phẩm/năm:

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm (nếu có):

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):

Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng trong nước%.

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng nhập khẩu%.

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

- ☐ Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng ☐ Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu
- ☐ Có khả năng sản xuất với số lượng lớn ☐ Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm
- ☐ Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác
- ☐ Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):...

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm:

.....

.....

.....

.....

.....

Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

☐ Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm	☐ Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp
☐ Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất	☐ Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường
☐ Đánh giá khác (<i>ghi chi tiết</i>):.....	
.....	
.....	

2.2. Về thị trường tiêu thụ:

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước%.

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước%.

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:.....

.....

.....

.....

Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):.....

.....

.....

2. Bảo vệ môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm

.....

.....

.....

.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:

Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:

Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:

4. Một số nội dung khác

Các chứng nhận liên quan: Quy định đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc nhóm ngành sản xuất có điều kiện theo quy định pháp luật; (ví dụ: Giấy phép sản xuất; Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...).

Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:

.....

Các giải thưởng, bằng khen, giấy chứng nhận,...đã đạt được:

.....

.....

Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....

Tham gia các hoạt động công ích xã hội:

Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):

.....

.....

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN

.....

.....

.....

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

1. Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa*, *Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện (***nếu có***) để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ gồm

- Thành phần hồ sơ

- + Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
- + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;
- + Bản sao văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;
- + Báo cáo tình hình kinh doanh của thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá (đối với trường hợp cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 7 ngày làm việc

đ) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (***nếu có***): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (***nếu có***): UBND xã, phường, thị trấn.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, tờ khai

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 23 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Báo cáo tình hình kinh doanh của thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 71 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại thuốc lá năm 2012;

- Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

- Báo cáo kết quả kinh doanh của thương nhân (đối với trường hợp cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực).

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18/6/2012;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính Phủ;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số nội dung liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

PHỤ LỤC 23

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng (1)(2)

1. Tên thương nhân:.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại:..... Fax:.....
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có)
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....
- Đề nghị Phòng Công Thương (1).....(2) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:
6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:
.....(3)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(4)

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương,

Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)

(2) Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

PHỤ LỤC 71

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/201.../BC-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH**CỦA THƯƠNG NHÂN BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

(6 tháng đầu năm (hoặc 6 tháng cuối năm.....) ; cả năm)

Tên thương nhân...

Trụ sở tại.....

Điện thoại.....Fax...

Số Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá: do

cấp ngày tháng ... năm

Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá được cấp sửa đổi, bổ sung số:
do cấp ngày tháng ... năm(nếu có)

I. Tình hình bán lẻ sản phẩm thuốc lá

STT	Mua của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá	Tồn kho trong kỳ		Mua vào trong kỳ		Bán ra trong kỳ	
		Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)
1							
2							
3							
...							
	Tổng cộng						

II. Kiến nghị, đề xuất.....

Người lập báo cáo
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên, đóng dấu)

2. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* của huyện hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện (***nếu có***) để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ gồm

- Thành phần hồ sơ

- + Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
- + Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;
- + Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc

đ) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (***nếu có***): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (***nếu có***): UBND xã, phường, thị trấn.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí: (***nếu có*** thẩm định)

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 46 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC

- Là tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

- Trường hợp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì bổ sung bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Trường hợp thay đổi địa điểm kinh doanh thì: Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại thuốc lá năm 2012;

- Trường hợp thay đổi doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá thì phải có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18/6/2012;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính Phủ;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số nội dung liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

PHỤ LỤC 46

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng....(1)

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....
7. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày tháng năm(nếu đã có)(2)....
...(ghi rõ tên thương nhân)...(3) kính đề nghị Phòng Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):
8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...), chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)
Thông tin cũ:.....
Thông tin mới:.....

9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(4)

- Đề tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(5)

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....(5)

b) Đề nghị bổ sung:

.....(6)

.....(*ghi rõ tên thương nhân*)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)

(2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(3): Tên Thương nhân.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6) Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

3. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện (***nếu có***) để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ gồm

- Thành phần hồ sơ

+ Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp ***hết thời hạn hiệu lực thì hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.***

+ Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, thì hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (***nếu có***).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc

đ) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (***nếu có***): không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (***nếu có***): UBND xã, phường, thị trấn (địa bàn kinh doanh).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí: (nếu có thẩm định đối với trường hợp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực)

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 52 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC

- Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân ***phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh.***

- Là tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá nhưng bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18/6/2012;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính Phủ;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số nội dung liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

PHỤ LỤC 52

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng (1)

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Phòng Công Thương (1)..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được Phòng Công Thương (1).....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị Phòng Công Thương (1)..... xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do(2).....

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ

Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...) (2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

4. Cấp giấy phép bán lẻ rượu

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện (*nếu có*) để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ gồm

- Thành phần hồ sơ

- + Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu;
- + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;
- + Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ;
- + Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu;
- + Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật) của các sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh;
- + Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các địa điểm bán lẻ rượu;
- + Báo cáo kết quả kinh doanh của thương nhân (đối với trường hợp cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp hết thời hạn hiệu lực).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 7 ngày làm việc

đ) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND xã, phường, thị trấn.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, tờ khai

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Báo cáo tình hình bán lẻ rượu theo Mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu;

- Rượu dự kiến kinh doanh phải bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định;

- Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

.....⁽¹⁾.....

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: Điện thoại:.....

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày..... tháng năm

Đề nghị.....⁽²⁾..... xem xét cấp Giấy phép.....⁽¹⁾....., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu:⁽³⁾.....

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:⁽⁴⁾.....

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:.....

.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

.....

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau:⁽⁵⁾

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:.....⁽⁶⁾ ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày... tháng năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày.... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI RƯỢU/BÁN BUÔN RƯỢU/
 BÁN LẺ RƯỢU/ RƯỢU TIÊU DÙNG TẠI CHỖ NẤM.....**

Kính gửi:

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:.....

Giấy phép phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ số:..... do..... cấp ngày..... tháng.... năm.....

Giấy phép phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ sửa đổi, bổ sung hoặc cấp lại (nếu có) số: do..... cấp ngày..... tháng năm.....

(Tùy vào loại hình phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ, thương nhân chọn các bảng tương ứng dưới đây để điền thông tin)

I. ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG PHÂN PHỐI RƯỢU/BÁN BUÔN RƯỢU

1. Tình hình mua vào

STT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ trụ sở chính của nhà cung cấp	Tên rượu	Xuất xứ	Nồng độ cồn	Số lượng mua (lít)	Tổng giá trị mua (nghìn đồng)
1							
2							
....							
TỔNG CỘNG							

2. Tình hình bán ra

STT	Tên khách hàng	Địa chỉ trụ sở chính của khách hàng	Tên rượu	Xuất xứ	Nồng độ cồn	Số lượng bán (lít)	Tổng giá trị bán (nghìn đồng)
1							
2							
...							
TỔNG CỘNG							

II. ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG BÁN LẺ RƯỢU/BÁN RƯỢU TIÊU DÙNG TẠI CHỖ

STT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ trụ sở chính nhà cung cấp	Tên rượu	Nồng độ cồn	Mua trong năm		Bán trong năm	
					Số lượng (lít)	Tổng trị giá (nghìn đồng)	Số lượng (lít)	Tổng trị giá (nghìn đồng)
1								
2								
...								
TỔNG CỘNG								

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

5. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa*, *Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện (***nếu có***) để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

- + Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu;
- + Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp;
- + Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (***nếu có***): không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (***nếu có***): UBND xã, phường, thị trấn.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí: (***nếu có*** thẩm định)

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện

h) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC

- Là tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu;

- Trường hợp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì bổ sung bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Trường hợp thay đổi địa điểm kinh doanh thì:

+ Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

+ Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định.

- Trường hợp thay đổi thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu thì có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

- Trường hợp thay đổi loại rượu kinh doanh thì: rượu dự kiến kinh doanh phải bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP(1).....**

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.....

Điện thoại: Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do cấp ngày tháng..... năm

Giấy phép.....⁽¹⁾..... đã được cấp số..... do cấp ngày tháng năm

Giấy phép...⁽¹⁾....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày.....tháng năm

.....⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:

Thông tin cũ:

Thông tin mới:

.....⁽⁴⁾.....

.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

6. Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa*, *Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện (***nếu có***) để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

+ Trường hợp giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp ***hết thời hạn hiệu lực thì hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.***

+ Trường hợp giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, thì hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND xã, phường, thị trấn.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí: (nếu có thẩm định đối với trường hợp giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp hết thời hạn hiệu lực)

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân ***phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh.***

- Là tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu nhưng bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật an toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP⁽¹⁾.....

(trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)

Kính gửi:.....⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do

cấp ngày tháng..... năm

Giấy phép.....⁽¹⁾..... đã được cấp số..... do
cấp ngày tháng năm

Giấy phép...⁽¹⁾....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có)
số do cấp ngày.....tháng năm

.....⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾.... xem xét cấp lại Giấy
phép.....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:.....⁽⁴⁾

.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số..... /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Lý do xin cấp lại.

7. Cấp giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép sẽ nhận văn bản trả lời của phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện (*nếu có*) để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ gồm

- Thành phần hồ sơ

- + Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ;
- + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;
- + Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán rượu tiêu dùng tại chỗ;
- + Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán rượu tiêu dùng tại chỗ;
- + Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các địa điểm bán rượu tiêu dùng tại chỗ;
- + Báo cáo kết quả kinh doanh của thương nhân (đối với trường hợp cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ đã được cấp hết thời hạn hiệu lực).

- **Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

d) Thời hạn giải quyết: 7 ngày làm việc

đ) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng
- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND xã, phường, thị trấn.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.
- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.
- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.
- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, tờ khai

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;
- Báo cáo tình hình bán rượu tiêu dùng tại chỗ theo Mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;
- Rượu tiêu dùng tại chỗ phải được cung cấp bởi thương nhân có Giấy phép sản xuất, phân phối, bán buôn hoặc bán lẻ rượu;
- Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định;
- Trường hợp thương nhân tự sản xuất rượu để bán tiêu dùng tại chỗ thì phải có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp hoặc Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật an toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

.....⁽¹⁾.....

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: Điện thoại:.....

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày..... tháng năm

Đề nghị.....⁽²⁾..... xem xét cấp Giấy phép.....⁽¹⁾....., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu:⁽³⁾.....

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:⁽⁴⁾.....

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:.....
.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

.....

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:
.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau:⁽⁵⁾

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:.....⁽⁶⁾ ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày... tháng năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày.... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI RƯỢU/BÁN BUÔN RƯỢU/
 BÁN LẺ RƯỢU/ RƯỢU TIÊU DÙNG TẠI CHỖ NẤM.....**

Kính gửi:

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:.....

Giấy phép phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ số:..... do..... cấp ngày..... tháng.... năm.....

Giấy phép phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ sửa đổi, bổ sung hoặc cấp lại (nếu có) số: do..... cấp ngày..... tháng năm.....

(Tùy vào loại hình phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ, thương nhân chọn các bảng tương ứng dưới đây để điền thông tin)

I. ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG PHÂN PHỐI RƯỢU/BÁN BUÔN RƯỢU

1. Tình hình mua vào

STT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ trụ sở chính của nhà cung cấp	Tên rượu	Xuất xứ	Nồng độ cồn	Số lượng mua (lít)	Tổng giá trị mua (nghìn đồng)
1							
2							
....							
TỔNG CỘNG							

2. Tình hình bán ra

STT	Tên khách hàng	Địa chỉ trụ sở chính của khách hàng	Tên rượu	Xuất xứ	Nồng độ cồn	Số lượng bán (lít)	Tổng giá trị bán (nghìn đồng)
1							
2							
...							
TỔNG CỘNG							

II. ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG BÁN LẺ RƯỢU/BÁN RƯỢU TIÊU DÙNG TẠI CHỖ

STT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ trụ sở chính nhà cung cấp	Tên rượu	Nồng độ cồn	Mua trong năm		Bán trong năm	
					Số lượng (lít)	Tổng trị giá (nghìn đồng)	Số lượng (lít)	Tổng trị giá (nghìn đồng)
1								
2								
...								
TỔNG CỘNG								

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

8. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện (**nếu có**) để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

- + Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ;
- + Bản sao Giấy phép đã được cấp;
- + Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND xã, phường, thị trấn.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí: (nếu có thẩm định)

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện

h) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC

- Là tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu;
- Trường hợp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì bổ sung bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Trường hợp thay đổi địa điểm kinh doanh thì:
 - + Bổ sung bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;
 - + Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định.
- Trường hợp thay đổi loại rượu, thương nhân cung cấp rượu thì bổ sung bản sao hợp đồng mua bán rượu với các thương nhân có Giấy phép sản xuất, phân phối, bán buôn hoặc bán lẻ rượu.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật an toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP(1).....**

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.....

Điện thoại: Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do cấp ngày tháng..... năm

Giấy phép.....⁽¹⁾..... đã được cấp số..... do cấp ngày tháng năm

Giấy phép...⁽¹⁾....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày.....tháng năm

.....⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:

Thông tin cũ:

Thông tin mới:

.....⁽⁴⁾.....

.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

9. Cấp lại giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện (***nếu có***) để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

+ Trường hợp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ đã được cấp ***hết thời hạn hiệu lực thì hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.***

+ Trường hợp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, thì hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ;
- Bản sao Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ đã được cấp (***nếu có***).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (***nếu có***): không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (***nếu có***): UBND xã, phường, thị trấn.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí: (***nếu có*** thẩm định đối với trường hợp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ đã được cấp hết thời hạn hiệu lực)

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân ***phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh.***

- Là tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ nhưng bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật an toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP⁽¹⁾.....

(trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)

Kính gửi:.....⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do

cấp ngày tháng..... năm

Giấy phép.....⁽¹⁾..... đã được cấp số..... do
cấp ngày tháng năm

Giấy phép...⁽¹⁾....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có)
số do cấp ngày.....tháng năm

.....⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾.... xem xét cấp lại Giấy
phép.....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:.....⁽⁴⁾

.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số..... /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Lý do xin cấp lại.

II. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG

10. Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép sẽ nhận văn bản trả lời của phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng Hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép lập 01 bộ Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

+ Bản sao tự công bố sản phẩm hoặc bản sao bản công bố sản phẩm (đối với sản phẩm rượu có chức năng thực phẩm dinh dưỡng y học), bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (không áp dụng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ).

+ Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết : 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng
- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND xã, phường, thị trấn (địa bàn kinh doanh).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

g) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định: **1.100.000** đồng/lần/cơ sở

h) Mẫu đơn, tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP.
- Bản sao Bản tự công bố sản phẩm (theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ)
- Hoặc Bản công bố sản phẩm (theo Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ)

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Điều kiện cấp giấy phép

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm và ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

.....⁽¹⁾.....

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: Điện thoại:.....

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày..... tháng năm

Đề nghị.....⁽²⁾..... xem xét cấp Giấy phép.....⁽¹⁾....., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu:⁽³⁾.....

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:⁽⁴⁾.....

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:.....

.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

.....

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau:⁽⁵⁾

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:.....⁽⁶⁾ ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày... tháng năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số:/Tên doanh nghiệp/Năm công bố

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày Cấp/Nơi cấp: (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

2. Thành phần:

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):.....

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số....; hoặc

- Thông tư của các bộ, ngành; hoặc

- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hoặc

- Tiêu chuẩn Quốc gia (trong trường hợp chưa có các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các Bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương); hoặc

- Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia); hoặc

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương,

Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số:.....

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail

Mã số doanh nghiệp:

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày cấp/Nơi cấp:

.....

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

2. Thành phần:

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe):

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số....; hoặc

- Thông tư của các bộ, ngành; hoặc

- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hoặc

- Tiêu chuẩn Quốc gia (trong trường hợp chưa có các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các Bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương); hoặc

- Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia); hoặc

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

11. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép sẽ nhận văn bản trả lời của phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng Hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép lập 01 bộ Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép. Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép gồm:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

+ Bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết : 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND xã, phường, thị trấn (địa bàn kinh doanh).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

g) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định: **1.100.000 đồng/lần/cơ sở (nếu có thẩm định)**

h) Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Điều kiện cấp giấy phép

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật

- Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm và ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP(1).....**

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.....

Điện thoại: Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do cấp ngày tháng..... năm

Giấy phép.....⁽¹⁾..... đã được cấp số..... do cấp ngày tháng năm

Giấy phép...⁽¹⁾....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày.....tháng năm

.....⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:

Thông tin cũ:

Thông tin mới:

.....⁽⁴⁾.....

.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

12. Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép sẽ nhận văn bản trả lời của phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng Hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất, hoặc bị hỏng:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

+ Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (nếu có).

Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:

- Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép lập 01 bộ Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

+ Bản sao tự công bố sản phẩm hoặc bản sao bản công bố sản phẩm (đối với sản phẩm rượu có chức năng thực phẩm dinh dưỡng y học), bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (không áp dụng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ).

+ Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết :

Trường hợp Giấy phép giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất, hoặc bị hỏng: **06 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: **08 ngày làm việc**

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng
- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND xã, phường, thị trấn (địa bàn kinh doanh).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

g) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định: **1.100.000** đồng/lần/cơ sở (nếu có thẩm định hoặc đối với trường hợp cấp lại do hết hiệu lực)

h) Mẫu đơn, tờ khai:

Trường hợp Giấy phép giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất, hoặc bị hỏng: mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

- Bản sao Bản tự công bố sản phẩm (theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ)

- Hoặc Bản công bố sản phẩm (theo Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ)

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

k) Điều kiện cấp giấy phép

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật

- Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm và ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

Mẫu số 01-ND 105/2017/ND-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

(1)

(5)

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:

Được phép mua các loại rượu:⁽³⁾..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau:⁽⁵⁾

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:.....⁽⁶⁾ ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày... tháng năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số:/Tên doanh nghiệp/Năm công bố

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày Cấp/Nơi cấp: (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

2. Thành phần:

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):.....

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số....; hoặc

- Thông tư của các bộ, ngành; hoặc

- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hoặc

- Tiêu chuẩn Quốc gia (trong trường hợp chưa có các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các Bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương); hoặc

- Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia); hoặc

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương,

Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số:.....

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail

Mã số doanh nghiệp:

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày cấp/Nơi cấp:

.....

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

2. Thành phần:

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe):

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số....; hoặc

- Thông tư của các bộ, ngành; hoặc

- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hoặc

- Tiêu chuẩn Quốc gia (trong trường hợp chưa có các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các Bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương); hoặc

- Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia); hoặc

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu đơn trường hợp Giấy phép giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất, hoặc bị hỏng

Mẫu số 03 - ND 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP⁽¹⁾.....
(trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)

Kính gửi:.....⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng..... năm

Giấy phép.....⁽¹⁾..... đã được cấp số..... do cấp ngày tháng năm

Giấy phép...⁽¹⁾....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm

.....⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾.... xem xét cấp lại Giấy phép.....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:.....⁽⁴⁾

.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số..... /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Lý do xin cấp lại.

III. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

13. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (gọi là *Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, chuyển kết quả về UBND huyện ký duyệt.

- Bước 4: UBND huyện có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa*, *Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang Web của UBND cấp huyện (**nếu có**) để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).

- Bản sao hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực.

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn **12 ngày** làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - hạ tầng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - hạ tầng.

- Cơ quan phối hợp: không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí:

* Phí thẩm định:

- **1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn TP.Biên Hòa và TP.Long Khánh.

- **600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có hợp đồng tối thiểu 1 năm bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp cửa hàng trực thuộc của thương nhân.

- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
CỬA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Quận/huyện...

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh::

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:

do cấp ngày tháng..... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Ủy ban nhân dân Quận/huyện..... xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

...., ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ....
UBND QUẬN/HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNĐĐK-SCT

....., ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỬA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI

CHỦ TỊCH UBND QUẬN/HUYỆN.....

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai của.....⁽¹⁾;

Theo đề nghị của⁽²⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh::

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:

do cấp ngày tháng..... năm

Mã số thuế:

Đủ điều kiện làm cửa hàng bán lẻ LPG chai

Điều 2.⁽¹⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai này có giá trị đến hết ngày... tháng năm;⁽³⁾ thay thế cho Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai số/ GCNĐĐK-BCT ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận/huyện..../.

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- ...⁽¹⁾;
- Bộ Công Thương;
- Sở Công Thương;
- Chi cục QLTT;
- Lưu: VT,⁽²⁾.

Chú thích:

⁽¹⁾ Tên doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

⁽²⁾ Tên đơn vị trình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

⁽³⁾ Sử dụng trong trường hợp cấp điều chỉnh/cấp lại/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

14. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, chuyển kết quả về UBND huyện ký duyệt.

- Bước 4: UBND huyện có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa*, *Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang Web của UBND cấp huyện (***nếu có***) để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ **Thành phần hồ sơ:** Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **6 ngày** làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - hạ tầng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - hạ tầng.

- Cơ quan phối hợp: không

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí: Không

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:
do..... cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

.....ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

15. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết, chuyển kết quả về UBND huyện ký duyệt.

- Bước 4: UBND huyện có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa*, *Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang Web của UBND cấp huyện (***nếu có***) để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn **6 ngày** làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - hạ tầng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - hạ tầng.

- Cơ quan phối hợp: không

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí: Nếu có thẩm định

h) Mẫu đơn: theo Mẫu 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Có thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 19 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:
do..... cấp ngày..... tháng.....năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy
định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ
về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../
2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

.....ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

IV. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

16. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, chuyển kết quả về UBND huyện ký duyệt.

- Bước 4: UBND huyện có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (Mẫu số 01) kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn;

+ Bản thuyết minh về sản phẩm (Mẫu số 02);

+ 03 ảnh màu, cỡ tối thiểu (10x15)cm của sản phẩm được chụp tại 3 góc độ khác nhau (chính diện, mặt bên, từ trên xuống);

+ Bản sao hợp lệ các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác.

- **Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ**

d) Thời hạn giải quyết:

30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thực hiện thủ tục hành chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ sở công nghiệp nông thôn.

đ) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - hạ tầng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - hạ tầng.

- Cơ quan phối hợp: không

g) Phí, Lệ phí: không có

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phụ lục số 1, Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn;

- Sản phẩm tham gia bình chọn không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường;

- Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường;

- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

+ Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;

+ Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;

+ Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;

+ Tiêu chí khác.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

- Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

- Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm...

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA

BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

☐ cấp Huyện	☐ cấp Tỉnh	☐ cấp Khu vực	☐ cấp Quốc gia

Kính gửi: Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

1. Tên cơ sở công nghiệp nông thôn

Tên viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa có dấu):

.....

Tên viết tắt (nếu có): Mã số (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chức danh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc trong các loại hình sau:

☐ Công ty cổ phần

☐ Doanh nghiệp tư nhân

☐ Trung tâm

☐ Công ty TNHH

☐ Hợp tác xã

☐ Cơ sở sản xuất

☐ Hộ kinh doanh

☐ Khác

(ghi

rõ

loại

hình):.....

Tài khoản số: Chủ tài khoản:

Mở tại ngân hàng: Chi nhánh:

2. Thông tin về chi nhánh (nếu có)

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

3. Thông tin về địa điểm sản xuất

Tên địa điểm sản xuất: (nếu nằm ngoài trụ sở chính và chi nhánh)

Địa chỉ địa điểm sản xuất:

Các văn bản, giấy tờ liên quan đến địa điểm sản xuất:

.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính

Số đăng ký kinh doanh, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh:.....

Ngày cấp, nơi cấp

Các ngành, nghề kinh doanh chính

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Quy mô vốn, tài sản và lao động

Vốn đăng ký kinh doanh (bằng số; VNĐ):.....

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):...

.....

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất:

Tổng số lao động hiện đang sử dụng:

Trong đó: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội:

Thu nhập bình quân lao động (bằng số VNĐ/người):

6. Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước

Các giải thưởng: Huân huy chương, Bằng khen, Giấy khen, giấy chứng nhận đã đạt được:.....

..... ;

- ☐ Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo luật định;
- ☐ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo luật định;
- ☐ Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo các quyền lợi đối với người lao động;
- ☐ Khác (ghi chi tiết)

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

7. Tên sản phẩm hoặc bộ sản phẩm:

.....

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sản phẩm sau:

- ☐ Thủ công mỹ nghệ
- ☐ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm
- ☐ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí
- ☐ Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm, bộ sản phẩm nêu trên; sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác đối với các tài liệu, thông tin được cung cấp, kê khai trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu./.

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng
Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

Địa chỉ:

Người đại diện: ; Chức vụ:

Điện thoại: ; Email:

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên sản phẩm:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

☐ Thủ công mỹ nghệ ☐ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

☐ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí ☐ Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn,
nêu tóm tắt một số nội dung sau:

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh:

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm:

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Trong đó: Số lượng sản phẩm xuất khẩu/năm:

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Doanh thu của sản phẩm/năm:

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm (nếu có):

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):

Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng trong nước%.

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng nhập khẩu%.

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

☐ Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng ☐ Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu

☐ Có khả năng sản xuất với số lượng lớn ☐ Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm

☐ Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác

☐ Đánh giá khác (ghi chi tiết):...

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm:

.....
.....
.....
.....
.....

Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

☐ Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm	☐ Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp

☐ Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất	☐ Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường

☐ Đánh giá khác (ghi chi tiết):.....

.....
.....
.....

2.2. Về thị trường tiêu thụ:

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước%.

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước%.

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:.....

.....
.....
.....

Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):.....

.....
.....

2. Bảo vệ môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm

.....
.....
.....
.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:

Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:

Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:

4. Một số nội dung khác

Các chứng nhận liên quan: Quy định đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc nhóm ngành sản xuất có điều kiện theo quy định pháp luật; (ví dụ: Giấy phép sản xuất; Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...).

Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:

.....

Các giải thưởng, bằng khen, giấy chứng nhận,...đã đạt được:

.....

.....

Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....

Tham gia các hoạt động công ích xã hội:

Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):

.....

.....

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN

.....

.....

.....

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

V. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

17. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (nếu có).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (gọi là *Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về phòng chuyên môn.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Bước 4: Trong thời hạn **20** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

b) Cách thức thực hiện:

- Gửi hồ sơ qua bưu điện;
- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Tờ trình đề nghị phê duyệt;
- + Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;
- + Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- + Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- + Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy điện thuộc UBND cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: không.

h) Mẫu đơn: không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012.

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

18. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (nếu có).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (gọi là *Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về phòng chuyên môn.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- Bước 4: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

b) Cách thức thực hiện:

- Gửi hồ sơ qua bưu điện;
- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án;
- + Dự thảo phương án;
- + Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- + Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- + Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy điện thuộc UBND cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: không.

h) Mẫu đơn: không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012.

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

VI. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

19. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục g** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trình lãnh đạo UBND cấp huyện ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép sẽ nhận văn bản trả lời của phòng UBND cấp huyện.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Giấy xác nhận đủ sức khỏe/Danh sách tổng hợp xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.
- Cơ quan phối hợp: các đơn vị có liên quan

e) Đối tượng thực hiện:

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm là chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trừ các trường hợp sau:
 - Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế thấp hơn các cơ sở quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 43/2014/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.
 - Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại Điều 12 của Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;
- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

h) Phí, lệ phí: 1.000.000 lần/cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh), 2.500.000 lần/ cơ sở (đối với cơ sở sản xuất).

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

k) Yêu cầu điều kiện: Cơ sở đáp ứng điều kiện an toàn thực phẩm được quy định tại Điều 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và Điều 17, 18 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm
- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi

quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 02/02/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 279/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày....tháng....năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: *(tên cơ quan có thẩm quyền cấp)*.....

Cơ sở sản xuất, kinh doanh *(tên giao dịch hợp pháp)*:

Địa điểm tại:

Điện thoại: Fax:.....

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh *(tên sản phẩm)*:

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất ☐

- Cơ sở kinh doanh ☐

- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh ☐

- Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm ☐

(tên cơ sở)

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN THUYẾT MINH**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM****I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại: Fax
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**1. Cơ sở vật chất:**

- Diện tích mặt bằng sản xuất m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					

3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH
THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại: Fax
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (*đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm*):

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanh m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm					

3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

20. Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trình lãnh đạo UBND cấp huyện ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép sẽ nhận văn bản trả lời của UBND cấp huyện

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.

Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Giấy xác nhận đủ sức khỏe/Danh sách tổng hợp xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở).

Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

Trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở (bản sao có xác nhận của cơ sở).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp: các đơn vị có liên quan.

e) Đối tượng thực hiện:

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm là chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

h) Phí, lệ phí: 1.000.000 lần/cơ sở-đối với cơ sở kinh doanh, 2.500.000 lần/ cơ sở-đối với cơ sở sản xuất (đối với Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Cơ sở đáp ứng điều kiện an toàn thực phẩm được quy định tại Điều 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và Điều 17, 18 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ

l.) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm

- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 02/02/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 279/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm

- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm

- Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày....tháng....năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: Sở Công Thương Đồng Nai

Tên cơ sở đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số.....ngày cấp

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (*ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này*):

.....
Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(*Ký tên, đóng dấu*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN THUYẾT MINH**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM****I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại: Fax
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**1. Cơ sở vật chất:**

- Diện tích mặt bằng sản xuất m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					

3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH
THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại: Fax
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanh m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm					

3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

21. Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục g** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*gọi là Bộ phận Một cửa*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trình lãnh đạo UBND cấp huyện ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho khách hàng. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép sẽ nhận văn bản trả lời của phòng UBND cấp huyện.

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND huyện hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Đối với cá nhân:

+ Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (Mẫu số 01a của Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm);

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân.

+ Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Đối với tổ chức:

+ Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (Mẫu số 01a của Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm)

+ Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo (Mẫu số 01b của Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm)

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức).

+ Giấy tờ chứng minh đã nộp phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Tiếp nhận, thông báo hồ sơ hợp lệ và thời gian kiểm tra kiến thức : 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và hợp lệ).

- Cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm: 03 ngày làm việc (kể từ ngày tổ chức kiểm tra kiến thức đối với những người đã đạt trên 80% số câu trả lời đúng).

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp: các đơn vị có liên quan.

e) Đối tượng thực hiện:

- Các tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm: rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh: dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng các sản phẩm thực phẩm thuộc quản lý của ngành Công thương.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (Mẫu số 01a của Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm);

- Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo (Mẫu số 01b của Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm)

h) Phí, lệ phí: 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng chẵn)/ 01 người

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm chỉ cấp cho những người đã trả lời đúng từ 80% tổng số câu hỏi (gồm các câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành) trở lên.

- Nội dung kiến thức về an toàn thực phẩm bao gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm, trong đó:

+ Kiến thức chung về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; các mối nguy an toàn thực phẩm; điều kiện an toàn thực phẩm; phương pháp đảm bảo an toàn thực phẩm; thực hành tốt an toàn thực phẩm.

+ Kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm gồm : Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 ;

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/04/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ;

- Quyết định số 6409/QĐ-BCT ngày 21/7/2014 về việc ban hành danh mục tài liệu, bộ câu hỏi kiểm tra kèm theo đáp án trả lời và chỉ định cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm đối với chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương.

- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm

- Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân:

Giấy CNĐKDN/VPDD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số.....

cấp ngày tháng năm, nơi cấp

Địa chỉ:, Số điện thoại

Số Fax E-mail

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do (*) ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của (*) ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

Địa danh, ngày tháng ... năm

Đại diện Tổ chức/cá nhân

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú: * chọn 1 trong 3 cơ quan: Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Công Thương.

Mẫu số 01b-

Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức

*(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của
(tên tổ chức)*

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày tháng ... năm.....

Đại diện Tổ chức xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

1. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;

- Bước 2: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về bộ phận chuyên môn.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- Bước 4: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

b) Cách thức thực hiện:

- Gửi hồ sơ qua bưu điện;
- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án;
- + Dự thảo phương án;
- + Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- + Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- + Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn **20 ngày** làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Phí, lệ phí: không.

h) Mẫu đơn: không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định.

k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012.

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

2. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;

- Bước 2: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về bộ phận chuyên môn.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Bước 4: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

b) Cách thức thực hiện:

- Gửi hồ sơ qua bưu điện;
- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Tờ trình đề nghị phê duyệt;
- + Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;
- + Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- + Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- + Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức.
- g) Phí, lệ phí:** không.
- h) Mẫu đơn:** không.
- i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định.
- k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:** không.
- l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**
- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.
 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012.
 - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.
 - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
 - Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

